B.30. Kinh Thế Ký (12 Phẩm)

Kinh Trường A-Hàm (VNC PHVN, 2022)

PHẦN IV 30. KINH THẾ KÝ1

1. PHẨM CHÂU DIÊM-PHÙ-ĐÈ

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ-kheo ngụ tại tinh xá Câu-lợi,2 vườn cấp Cô Độc, rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xa-vệ. Bấy giờ, sau khi thọ trai xong, các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường và cùng nhau bàn luận: "Này chư Hiền! Thật kỳ lạ thay, trời đất này do đâu mà tan hoại? Do đâu mà hình thành? Cõi nước chúng sanh đang sống thì như thế nao?^ Lúc đó, Thế Tôn đang ở nơi thanh vắng, bằng thiên nhĩ nghe suốt mọi việc nên Ngài biết các Tỳ-kheo sau khi thọ trai xong, nhóm họp tại giảng đường và bàn luận những việc như thế. Thế rồi, đức Thế Tôn rời khỏi nơi thanh vắng, đi đến giảng đường roi ngôi xuông. Thê Tôn tuy biêt nhimg vân hỏi các Tỳ-kheo: Vừa rồi, các thày bàn luận về vấn đề gì? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch đức Thế Tôn! Sau khi thọ trai xong, chúng con nhóm họp tại giảng r đường và cùng nhau bàn luận: “Này chư Hiên! Thật kỳ lạ thay, trời đát này do đâu mà tan hoại? Do đâu mà hình thành? Cõi nước chúng sanh đang sống thì như thế nào?” Chúng con nhóm họp ở giảng đường rồi cùng nhau bàn luận những điều như thế. Phật bảo các Tỳ-kheo: Lành thay, lành thay! Là người xuất gia nên thực hành hai việc: Thứ nhất, im lặng như Hiền thánh. Thứ hai, giảng giải về Chánh pháp. Các thầy nhóm họp tại giảng đường cũng nên học cách im lặng như Hiền thánh hoặc giảng giải về Chánh pháp. Này các Tỳ-kheo! Các thầy muốn nghe Như Lai nói về việc thành hoại của trời đất và các cõi nước của chúng sanh đang sinh sống không?

1 Nguyên tác: Thế ký kinh uDiêm-phù-đề châu phẩm,, roi. 0001.30.1. 0114b07. 2 Câu-lợi quật ,Karerikutikā còn gọi là Hoa Lâm quật .Xem chú thích 2, kinh số l, tr. 489.

902 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thê Tôn! Nay thật đúng lúc, chúng con mong muôn được nghe. Kính xin Thế Tôn chỉ bày, nghe xong chúng con sẽ phụng trì! Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Như mặt trời, mặt trăng tỏa ánh sáng chiếu quanh bốn thiên hạ,3 đó gọi là một thế giới. Trong ngàn thế giới như vậy có một ngàn mặt trời, mặt trăng; một ngàn núi chúa Tu-di;3 6bốn ngàn thiên hạ, bốn ngàn thiên hạ lớn; bốn ngàn 45 biển, bốn ngàn biển lớn; bốn ngàn loài rồng, bốn ngàn loài rồng lớn; bốn ngàn chim Cánh Vàng,5 bốn ngàn chim Cánh Vàng lớn; bốn ngàn đường ác/ bốn ngàn đường ác lớn; bốn ngàn vị vua, bốn ngàn vi vua lớn; bảy ngàn cây lớn, tám ngàn địa ngục lớn, mười ngàn núi lớn; một ngàn Vua Diêm-la,7 một ngàn bốn trăm Thiên vương, một ngàn Đao-lợi thiên,8 một ngàn Diệm-ma thiên,9 một ngàn Đâu-suất thiên,1011 một ngàn Hóa Tự Tại thiêng một ngàn Tha Hóa Tự Tại thiên12 và một ngàn Phạm thiên, đây gọi là một Tiểu thiên thế giới.13 Một ngàn Tiểu thiên thế giới là một Trung thiên thế giới.14 Một ngàn

Trung thiên thế giới là Tam thiên đại thiên thế giới.15 Phạm vi thế giới thành hoại như thế là nơi chúng sanh cư trú, gọi đó là một cõi Phật. [0114c08] Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Tâng đại địa này sâu một trăm sáu mươi tám ngàn do-tuân, ranh giới không bờ mé. Đất nương trên nước. Nước sâu ba ngàn không trăm ba mươi do- tuần5 ranh giới vô hạn. Nước ở trên gió, gió dày sáu ngàn không trâm bốn mươi do-tuần, ranh giới vô hạn. Này các Tỳ-kheo! Nước của biển lớn sâu tám mươi bốn ngàn do-tuần, bờ biển không có giới hạn. Phần chìm xuống biển của ngọn núi sâu đến tám mươi

3 Nguyên tác: Tứ thiên hạ là 4 đại châu nằm bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc núi Tu-di. 4 Tu-di sơn vương Sumeru pabbatarājā. 5 Kim Si điểu Garuda, loài chim Cánh Vàng. 6 Nguyên tác: Ác đạo chỉ cho các hướng tái sanh xấu ở cõi địa ngục, nga quỷ và súc sanh. 7 Diêm-la vương ,gọi tắt là Diêm vương, vua của địa ngục. 8 Đao-lợi thiên Tāvatirnsa tức Tam Thập Tam thiên ,tầng thứ 2 trong cõi trời Dục giới . . 9 Diệm-ma thiên ,Yāmā, tầng thứ 3 trong cõi trời Dục giới. 10 Đâu-suất thiên ,Tusitā, tầng thứ 4 trong cõi trời Dục giới. 11 Hóa Tự Tại thiên Nimmānaratī còn gọi là Hóa Lạc thiên ,tầng thứ 5 trong cõi trời Dục giới. 12 Tha Hóa Tự Tại thiên 7PL Paranimmitavasavattī, tầng thứ 6 trong cõi trời Dục giới. 13 Tiểu thiên thế giới ,sahassadhā lokadhātu'. Ngàn thế giới nhỏ. 14 Trung thiên thế giới ,dvisahassīmajjhimikā lokadhātu hay sahassa majjhimakā lokadhātu: Một ngàn thế giới bậc trung. Một Trung thiên thế giới = 1.000 Tiểu thiên thế giới, tức = 1.000 x 1.000 =i.000.000 the giới. 15 Tam thiên đại thiên thế giới tisahassī mahāsahassī lokadhātu: Ba ngàn thế giới to lớn.

bốn ngàn do-tuần, núi cao cách mặt nước tám mươi bốn ngàn do-tuần, chân núi sát đất, phân lớn là đất cứng chác. Ngọn núi thăng đứng, không có lôi lõm, mọc đủ loại cây, cây cối tỏa hương thơm, xông khắp cả núi rừng. Nơi đây có nhiều bậc Hiền thánh và các vị trời thần diệu lớn lao cư ngụ. Dưới chân núi toàn là cát vàng, bốn phía núi có bốn gò đất cứng chắc nhô lên, cao bảy trăm do-tuần, có nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành. Bôn gò đất uôn cong sát mặt biên. Núi chúa Tu-di có đường bậc thang băng bảy báu, bậc thang dưới cùng rộng dài sáu mươi do-tuần. Hai bên đường có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng và bảy lớp hàng cây. Tường bằng vàng thì cửa bằng bạc, tường bằng bạc thì cửa bằng vàng, tường bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, tường bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh, tường bằng xích châu thì cửa bằng mã não, tường bang mã não thì cửa bằng xích châu, tường bang xà cừ thì cửa bằng các thứ báu. Lại nữa, lan can có cây ngang bằng vàng thì cây dọc bằng bạc, cây ngang bằng bạc thì cây dọc bằng vàng, cây ngang bằng thủy tinh thì cây dọc bằng lưu ly, cây ngang băng lưu ly thì cây dọc băng thủy tinh, cây ngang băng xích châu thì cây dọc bằng mã não, cây nganẹ bằng mã não thì cây dọc bằng xích châu, cây ngang bang xà cừ thì cây dọc bang các loại báu. Trên lan can ấy có mành lưới báu, dưới mành lưới vàng thì treo linh bằng bạc, dưới lưới bạc thì treo linh bằng vàng, dưới lưới lưu ly thì treo linh bằng thủy tinh, dưới lưới thủy tinh thì treo linh bằng lưu ly, dưới lưới xích

châu thì treo linh bằng mã não, dưới lưới bằng mã não thì treo linh bằng xích châu, dưới lưới bằng xà cừ thì treo linh bằng các loại báu. Lại nữa, cây bằng vàng thì rễ và nhánh đều bang vàng nhưng lá, hoa và quả bang bạc. Cây bang bạc thì rễ và nhánh đều bằng bạc nhưng lá9 hoa và quả bằng vàng. Cây bằng thủy tinh thì rễ và nhánh đêu băng thủy tinh nhưng hoa và lá băng lưu ly. Cây băng lưu ly thì rễ và nhánh đều bằng lưu ly nhưng hoa và lá bằng thủy tinh. Cây bằnệ xích châu thì rễ và nhánh đều là xích châu nhưng hoa và lá bằng mã não. Cây băng mã não thì rễ và nhánh đều là mã não nhưng hoa và lá bằng xích châu. Cây bằng xà cừ thì rễ và nhánh đều là xà cừ nhưng hoa và lá bằng các loại báu. [0115a05] Còn bảy lớp tường ấy, mỗi lớp tường đều có bốn cửa, mỗi cửa có lan can. Trên bảy lớp tường đều có lầu gác, nhà cửa, bao bọc xung quanh bởi khu vườn, ao tắm với các loài hoa lá báu, cây báu xếp thành hàng, hoa quả tốt tươi, gió đưa hương thơm tỏa khắp bon phương làm vui đẹp lòng người, có vô số loài chim như le le, nhạn, uyên ương và các loài chim kỳ lạ cùng cất tiếng hót vang. Lại nữa, con đường bậc thang ở giữa núi chúa Tu-di rộng bốn mươi do- tuần, hai bên đường đều có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, cho đến vô số loài chim cùng cất tiếng hót vang, cũng như tầng bậc thang dưới núi. Tầng bậc thang trên cùng rộng hai mươi do-tuần, hai bên đường có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy

lớp hàng cây, cho đến vô số các loài chim cùng cất tiếng hót vang, cũng như tầng bậc thang ở giữa. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Tầng bậc thang dưới núi có quỷ thần tên Già-lầu-la-túc cư ngụ. Tầng bậc thang giữa có quỷ thân tên Trì Man cư ngụ. Tâng bậc thang trên cùng có quỷ thân tên Hỷ Lạc cư ngụ. Bôn gò đát cứng chác nhô lên cao bôn mươi hai ngàn do-tuần, có cung điện của Tứ Thiên Vương cư trú, có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và các lớp linh báu cho đến VÔ sô các loài chim cùng cát tiêng hót, cũng lại như thê. Trên đỉnh núi Tu-di có cung trời Ba Mươi Ba, có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, cho đến vô số các loài chim cùng cất tiếng hót, cũng lại như thế. Vượt lên cõi trời Ba Mươi Ba một do-tuần thì có cung trời Diệm-ma. Vượt lên cung trời Diệm-ma một do-tuân thì có cung trời Đâu-suất. Vượt lên cung trời Đâu-suất một do-tuần thì có cung trời Hóa Tự Tại. Vượt lên cung trời Hóa Tự Tại một do-tuần thì có cung trời Tha Hóa Tự Tại. Vượt lên cung trời Tha Hóa Tự Tại một do-tuần thì có cung trời Phạm-ca-di. Khoảng giữa cung trời Tha Hóa Tự Tại và cung trời Phạm-ca-di có cung Ma thiên cao rộng sáu ngàn do-tuần, cung này có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, cho đến vô số các loài chim cùng cất tiếng hót, cũng lại như thế. Vượt lên cung trời Phạm-ca-di một do-tuần thì có cung trời Quang Âm. Vượt lên cung trời Quang Âm một do-tuần thì có cung trời Biến Tịnh. Vượt lên cung trời Biến Tịnh một do-tuần thì có cung trời Quả Thật. Vượt lên cung trời Quả Thật một do-tuần thì có cung trời Vô Tưởng. Vượt lên cung trời Vô Tưởng một do-tuần thì có cung trời Vô Tạo. Vượt lên cung trời Vô Tạo một do-tuần thì có cung trời Vô Nhiệt. Vượt lên cung trời Vô Nhiệt một do-tuần thì có cung trời Thiện Kiến. Vượt lên cung trời Thiện Kiến một do-tuần thì có cung trời Đại Thiện Kiến. Vượt lên cung trời Đại Thiện Kiến một do-tuần

thì có cung trời sắc Cứu Cánh. Vượt lên cung trời sắc Cứu Cánh thì có trời Không Xứ Trí,16 trời Thức Xứ Trí,* 17 trời Vô Sở Hữu Xứ Trí,18 trời Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ Trí,19 ngang đây gọi là giới hạn của chúng sanh, là thế giới của chúng sanh, tất cả sự sanh, già, bệnh, chết, thọ ấm, thọ hữu của chúng sanh đều ở trong giới hạn này, không thể vượt qua.

Không Xứ Trí thiên Theo Câu-xả luân r.29. 1558.08. 004U02 là Không Vô Biên Xứ thiên ,Ākāsānañcāyatanūpagā devā. 17 Thức Xứ Trí thiên .Theo Câu-xa luận nt là Thức Vô Biên Xứ thiên , ViññānañcāyatanūpagS. V6 Sở Hun Trí thiên .Theo Câu-xd luân nt là Vô Sở Hữu Xứ thiên , Ākiñcañññāyatanūpagā. 19 Hữu TuOTgVp Tưởng Xứ Trí .Theo Câu-xả luận nt là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên ,Nevasañññāsañññāyatanūpagā .

30. KINH THẾ KÝ 905

[0115bl3] Phật bảo các Tỳ-kheo: Phía Bắc núi Tu-di có một cõi thiên hạ tên là uất-đan-việt,20 mặt đất nơi đây vuông vức, dài và rộng mười ngàn do-tuân, mặt người cũng vuông giông như hình thể mặt đất. Phía Đông núi Tu-di có một cõi thiên hạ tên là Phất-vu-đãi,21 địa hình tròn trịa, dài và rộng chín ngàn do-tuần, mặt người cũng tròn giống như hình thể mặt đất. Phía Tây núi Tu-di có một cõi thiên hạ tên là Câu-da-ni,22 địa hình như nửa mặt trăng, dài và rộng tám ngàn do-tuân, mặt người cũng giông như hình thê mặt đất. Phía Nam núi Tu-di có một cõi thiên hạ tên là Diêm-phù-đề,23 địa hình phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, dài và rộng bảy ngàn do-tuần, mặt người cũng giống như hình thể mặt đất. Phía Bắc núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành từ vàng của cõi trời, chiếu sáng phương Bắc. Phía Đông núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành từ bạc của . . .L __ cõi trời, chiêu sáng phương Đông. Phía Tây núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành từ thủy tinh của cõi trời, chiếu sáng phương Tây. Phía Nam núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành từ lưu ly của cõi trời, chiếu sáng phương Nam. Châu uất-đan-việt có một cây lớn tên Am-bà-la cao một trăm do-tuần5 thân to bảy do-tuần, cành lá che phủ một vùng năm mươi do-tuần. Châu Phất-vu-đãi CÓ cây lớn tên Già-lam-phù cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuân, cành lá che phủ một vùng năm mươi do-tuân. Châu Câu-da-ni có cây lớn tên Cân-đê cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuân, cành lá che phủ một vùng năm mươi do tuần, dưới cây ấy có tảng đá Thạch Ngiru Tràng24 cao một do-tuần. Châu Diêm-phù-đê có một cây lớn tên Diêm-phù cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuần, cành lá che phủ một vùng năm mươi do-tuần. Chim Cánh Vàng chúa và long vương có loài cây lớn tên Câu-lợi-thiêm-bà-la cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuân9 cành lá che phủ bôn bên năm mươi do-tuân. Vua a-tu-la có loài cây tên Thiện Trú cao một trăm do-tuần? thân to bảy do- tuần, cành lá che phủ bốn phía năm mươi do-tuần. Trời Đao-lợi có cây tên Tru Độ cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuân, cành lá che phủ bôn phía năm mươi do-tuần.

20 Uất-đan-việt ,Uttarakurū: Bắc Câu-lô châu . 21 Phất-vụ-đãi ,Pubbavideha còn gọi là Phất-bà-đề Phất-ư-đãi Đông Thắng-thần chau . 22 Câu-da-ni ,Aparagoyāna hoặc Cù-đà-ni-da :Tây Ngưu-hóa châu . 23 Diêm-phù-đề ,Jambudīpa: Nam Thiệm-bộ châu

. 24 Thạch Ngưu Tràng .Tham chiếu: thế nhân bổn kỉnh roi.
0025.0365all ghi: Dưới góc cây có một con bò băng đá ;Đại lâu thản kỉnh
T.01. 0023. 0277a03 ghi: Trên cay có một con bò bằng đá.

906 KINH TRƯỜNG A-HÀM

[0115c07] Bên cạnh núi Tu-di có núi tên Già-đà-la cao bốn mươi hai ngàn do-tuần? ngang dọc bốn mươi hai ngàn do-tuần9 biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Tu-di tám mươi bốn ngàn do- tuần, giữa hai núi ấy mọc nhiều loại hoa sen như hoa xru-bát-la,2526 bát-dầu-ma,26 câu-vật-đầu,27 phân-đà-lợi,28 lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp nơi. Cách núi Khư-đà-la không xa có ngọn núi tên Y-sa-đà-la cao hai mươi mốt ngàn do-tuần, ngang dọc hai mươi mốt ngàn do- tuần, biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Khư-đà-la khoảng bôn mươi hai ngàn do-tuân, giữa hai núi ây mọc nhiêu y \

loại hoa sen như hoa ưu-bát-la, bát-đâu-ma, câu-vật-đâu, phân-đà-lợi9 lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp nơi. Cách núi Y-sa-đà-la không xa có núi tên Thọ-cự-đà-la, cao mười hai ngàn do-tuần, ngang dọc mười hai ngàn do-tuần, biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Y-sa-đà"la khoảng hai mươi mốt ngàn do- tuân, giữa hai núi ây mọc toàn các loại hoa sen như hoa ưu-bát-la, bát-đâu-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-lợi5 lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp núi rừng. Cách núi Thọ-cự-đà-la không xa, có núi tên Thiện Kiên cao sáu ngàn do-tuân5 ngang dọc sáu ngàn do-tuân, biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Thọ-cự-đà-la mười hai ngàn do-tuần, khoảng giữa hai ngọn núi này mọc bốn loại hoa sen xen lẫn, lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp núi rừng. Cách núi Thiện Kiến không xa, có núi tên Mã Thực cao ba ngàn do-tuần, ngang dọc ba ngàn do-tuân, biên giới rộng xa, nhiêu màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Thiện Kiên khoảng sáu ngàn do-tuân, giữa hai ngọn núi này mọc bốn loại hoa sen xen lẫn, lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp nơi. Cách núi Mã Thực không xa có núi tên Ni-dân-đà-la cao một ngàn hai trăm do-tuần, ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuân, biên giới rộng xa, nhiêu màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Mã Thực ba ngàn do-tuần5 khoảng giữa hai ngọn núi này mọc bốn loại hoa sen xen lẫn, lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa kháp nơi. Lại cách núi Ni-dân-đà-la không xa, có núi tên là Điêu Phục cao sáu trăm do-tuần, ngang dọc sáu trăm do-tuần, biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Ni-dân-đà-la khoảng một ngàn hai trăm do- tuần, khoảng giữa hai ngọn núi này mọc bốn loại hoa sen xen lẫn, lau, tùng, trúc

25 Ưu-bát-la ,uppala: Hoa sen xanh.
26 Bát-đầu-ma paduma: Hoa sen đỏ.
27 Câu-vật-đầu ,kumuda: Hoa sen vàng.
28 Phân-đà-lợi pundanka: Hoa sen trắng.

cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp nơi. Cách núi Điều Phục không xa có núi tên Kim Cang Vi cao ba trăm do-tuần, ngang dọc ba trăm do-tuần, biên giới rộng xa, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành. Lại cách núi Điêu Phục sáu trăm do-tuân, giữa hai ngọn núi này có bôn loại hoa sen mọc xen lẫn, lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương lan tỏa khắp nơi. [0116al4] Lại cách núi Đại Kim Cang không xa có biển lớn. Bờ phía Bắc của biên lớn này có một cây to lớn tên Diêm-phù, cao một trăm do-tuân, thân to bảy do-tuân, cành lá che phủ bôn bên năm mươi do-tuân, khoảng đát trông hai bên lại có rừng cây tên là Am-bà-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Diêm-bà, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên Sa la ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Đa-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Na-đa-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Vi Nam, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Vi Nữ, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Nam Nữ, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Tán-na ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Chiên-đàn, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Khư-thù-la ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là Ba-nại-bà-la ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Tỳ-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Hương Nại, ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là Vi Lê, ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là An Thạch Lưu, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Vi Cam, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Ha-lê-lặc, ngang dọc năm mươi do-tuàn; lại có rừng cây tên là Tỳ-hê-lặc, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây A-ma-lặc? ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là A-ma-lê, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Nại, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Cam-giá, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Vi, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Trúc, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Xá-la, ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là Xá-la-nghiệp9 ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Mộc Qua, ngang dọc năm mươi do- tuần; lại có rừng cây tên là Đại Mộc Qua, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Giải Thoát Hoa, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Chiêm-bà, ngang dọc năm mươi do-tuàn; lại có rừng cây tên là Bà-la-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Tu-ma-na, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có rừng cây tên là Bà-sư, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại CÓ rừng cây tên là Đa-la-lê? ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là Già-da, ngang dọc năm mươi do-tuân; lại có rừng cây tên là Bô Đào, ngang dọc năm mươi do-tuần.

[0116bl9] Qua khỏi những khu rừng ấy là khoảng đất trống. Trong khoảng đát trông ây lại có ao trông hoa, ngang dọc năm mươi do-tuân. Lại có các ao trông hoa sen như hoa ưu-bát-la, bát-đâu-ma5 câu-vật-đâu9 phân-đà-lợi, răn độc ở đầy trong đó, mỗi ao ngang dọc năm mươi do-tuần. Qua khỏi vùng đất trống ấy là khoảng đất trống nữa. Trong

khoảng đất trống ấy có biển lớn tên là uất-thiền-na. Dưới đáy biển có con đường của Chuyển Luân Thánh Vương, rộng mười hai do-tuần. Hai bên đường có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lóp hàng cây, chung quanh đều được trang hoàng bằng bảy báu. Khi Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện trong cõi Diêm-phù-đề thì nước tự nhiên rút hết, con đường này hiện ra. Cách biển này không xa có núi tên là uấtthiền, dáng núi vững chãi, cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, tỏa hương thơm ngát, đủ các chủng loại câm thú, nương ở khăp nơi. Cách núi Uât-thiên không xa, lại có núi Kim Bh, bên trong núi có tám mươi ngàn hang động, mỗi hang động có tám mươi ngàn voi chúa ở trong đó, thân của chúng thuần màu trắng, đầu có nhiều màu sắc, miệng có sáu ngà, răng có cẩn vàng. Qua khỏi núi Kim Bích có núi Tuyết, núi này dài rộng năm trăm do-tuần, chân núi cắm sâu vào lòng đát năm ứăm đo-tuân, phía Đông và Tây nhập vào biên. Giữa núi Tuyết lại có tòa núi báu, cao hai mươi do-tuần. [0116c05] Tầng đất cứng núi Tuyết nhô lên cao một trăm do-tuàn. Trên đỉnh núi Tuyết có hồ A-nậu-đạt,29 ngang dọc năm mươi do-tuần, nước hồ rất trong mát, không có cặn bẩn, quanh bờ được lát nền bằng bảy báu, bảy lớp lan can, bảy lớp mành lưới, bảy lớp hàng cây, môi loại màu sác khác nhau, đêu do bảy báu hợp thành. Nếu trụ lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn băng vàng, lan can băng lưu ly thì tay vịn băng thủy tinh, lan can bang thủy tinh thì tay vịn bang lira ly, lan can bang xích châu thì tay vịn bang mã não, lan can băng mã não thì tay vịn băng xích châu, lan can băng xà cừ thì tay vịn bằng các loại báu. Lưới bằng vàng thì treo linh bằng bạc, lưới bằng bạc thì treo linh bằng vàng, lưới bằng lưu ly thì treo linh bằng thủy tinh, lưới bằng thủy tinh thì treo linh băng lưu ly, lưới băng xà cừ thì treo linh băng bảy thứ báu. : \ ĩ \ A Cây Đa-la băng vàng thì góc và cành cũng băng vàng nhưng lá và quả băng bạc; cây Đa-la bằng bạc thì gốc và cành đều bằng bạc nhưng lá và quả bằng vàng; cây bằng thủy tinh thì gốc và cành đều là thủy tinh nhưng hoa và quả bằng lưu ly; cây bằng xích châu thì gốc và cành đều bằng xích châu nhưng lá, hoa và quả bàng mã não; cây bằng xà cừ thì gốc và cành đều bằng xà cừ nhưng hoa và quả bang các loại báu. Bên bờ hồ A-nậu-đạt đều có vườn cảnh, ao tắm, các loài hoa mọc thành từng khóm, các loại cây lá, hoa quả đều tốt tươi, các loại hương thơm lan tỏa bốn

29 A-nậu-đạt ,Anotatta còn gọi là hồ Vô Nhiệt ,Vô Não Nhiệt ,nghĩa là không bị sức nóng làm cho khô não.

phương, có vô số loài chim cùng nhau ca hót.30 Đáy hồ toàn là cát vàng, bốn bên hồ đều có bậc thềm. Bậc bằng vang thì thềm bằng bạc, bậc bằng bạc thì thềm bằng vàng, bậc bằng lưu ly thì thềm bằng thủy tinh, bậc bằng thủy tinh thì thềm bằng lưu ly, bậc bằng xích châu thì thềm bằng mã não, bậc bằng mã não thì thềm bằng xích châu, bậc bằng xà cừ thì thềm bang các loại báu. Bao bọc xung quanh hồ đều có lan can, quanh thềm mọc bốn loài hoa màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng và hoa nhiều màu đan xen. Hoa trong ao lớn như bánh xe, cọng như trục xe, nước ép từ ngó hoa có màu frắng như sữa, vị ngọt như mật. Phía Đông hô A-nậu-đạt có miệng Trâu, tuôn nước ra thành sông Hăng- già,31 sông này cùng với năm trăm nhánh sông đều đổ ra biển Đông.

Phía Nam cua ho co miêng Sư tư tuôn nước ra thanh song Tan-dau/233 song nay cung vơi : A 9 e9 -í l A . năm trăm nhánh sông đêu đô ra biên Nam. Phía Tây hô A-nậu-đạt có miệng Ngựa, tuôn nước ra thành sông Bà-xoa,33 sông này cùng với năm trăm nhánh sông đều đổ ra biển Tây. Phía Bắc hồ có miệng Vòi, tuôn nước ra thành sông Tư-đà,34 sông này cùng với năm trăm nhánh sông đều đổ vào biển Bắc.35 Trong cung A-nậu-đạt có ngôi nhà do năm trụ chống đỡ, là nơi rồng chúa A-nậu-đạt thường cư trú. [0ll7a0l] Đức Phật dạy: Vì sao gọi là A-nậu-đạt? A-nậu-đạt có nghĩa là gì? Tất cả rồng chúa ở cõi Diêm-phù đều có ba nỗi thống khổ, chỉ có rồng chúa ở hồ A-nậu-đạt là hoàn toàn không có. Ba nỗi thống khổ đó là: Thứ nhất, toàn thể rồng chúa ở cõi Diêm-phù-đề đều bị gió nóng, cát nóng, đốt cháy da thịt đến tận xương tủy làm cho khổ não, chỉ có rồng chúa ở hồ A-nậu-đạt là không bị tai họa này. Thứ hai, toàn thê rông chúa ở cõi Diêm-phù-đê đêu bị những cơn lóc xoáy dữ dội thôi vào trong cung, bay mát y báu phục sức, thân rông lộ ra, khiên cho đau khổ phiền não, chỉ có rồng chúa ở hồ A-nậu-đạt là không bị tai họa này. Thứ ba, toàn thê rông chúa ở cõi Diêm-phù-đê, khi ở trong cung vui chơi đều bi chim Cánh Vàng bay vào cung bắt đi, hoặc lúc rồng mới sanh, bị chim Cánh Vàng tìm cách bắt ăn thịt, khiến cho các loài rồng lo sợ, thường ôm lòng khổ não, chỉ có rồng chúa ở hồ A-nậu-đạt là hoàn toàn không có tai họa này.

30 Nguyên tác: Chư điểu ai minh tương hòa . 31 Hằng-già hà ,Gañgā, sông Hằng, con sông linh thiêng ở Ấn Độ. 32 Tân-đầu hà còn gọi là sông Tín-độ ,Sindhu, một nhánh của sông Yāmunā, con sông lớn thứ 2 sau sông Hằng. 33 Bà-xoa ha s. Vaksu còn gọi là Phược-sô hà Bà-thâu hà Hòa-xoa hà ,...ngày nay gọi là sông Amu Darya. 34 Tư-đà hà Sītī còn gọi là Đà hà ,Tư-đà hà Tư-đa hà ,Tất-đà hà . ^BonciMi sông lớn này và các chi lưu còn được ghi nhận trong A-tỳ-đạt-ma Đại-tỳ-bà-sa luận 27. 1545.5. 0021al4.

910 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Nếu chim Cánh Vàng khởi ý nghĩ muốn đến cung rồng ở hồ A-nậu-đạt thì chim liền mạng chung, cho nên có tên A-nậu-đạt. Phật bảo Tỳ-kheo: -Bên phải của núi Tuyết có thành tên là Tỳ-xá-ly, phía Bắc thành có bảy núi Đen,36 phía Bắc núi Đen lại có núi Hương.37 Trên núi này thường có tiếng kỹ nhạc đàn ca, hát xướng. Trong núi có hai hang động: Một hang động tên là Trú, còn hang động thứ hai tên là Thiện Trú đều do bảy báu cõi trời tạo thành, thơm sạch, mềm mại như áo trời. Vua càn-thát-bà Diệu Âm cùng với năm trăm càn-thát-bà ngụ trong núi đó. Phía Bắc hang động Tru và Thiện Tru có cây Sa la cao lớn tên Thiện Trụ và có tám ngàn cây cao lớn bao quanh bon phía. Bên gốc cây cao lớn Thiện Trụ có voi chúa cũng tên Thiện Trụ nương ở gốc cây này. Thân thể voi chúa thuần trắng, bảy chỗ đều đầy đặn,38 có khả năng bay trong hư không. Đâu voi màu đỏ, lông có nhiêu màu, sáu ngà thon dai, khoảng giữa được cẩn vàng, có tám ngàn voi đi theo xung quanh. Dưới tám ngàn cây cao lớn ấy có tám ngàn voi, cũng lại như thế. Phía Băc cây cao lớn Thiện Trụ có ao tăm lớn tên Ma-đà-diên9 ngang dọc năm mươi do-tuần. Lại có tám ngàn ao tắm phụ bao bọc xung quanh, nước trong những ao đó trong sạch mát mẻ, không chút cặn bẩn, bốn bờ ao được lát y băng bảy

báu bao bọc xung quanh. Ao có bảy lớp lan can bao quanh, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây đều do bảy báu tạo thành. Lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can bang xích châu thì tay vịn bang mã não, lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu, lan can bang xà cừ thì tay vịn bang các loại báu. Dưới mành lưới bằng vàng thì treo linh bằng bạc, dưới mành lưới bằng bạc thì treo linh bằng vàng, dưới mành lưới bằng thủy tinh thì treo linh bằng lưu ly, dưới mành lưới bang lưu ly thì treo linh bang thủy tinh, dưới mành lưới bằng xích châu thì treo linh bằng mã não, dưới mành lưới bằng mã não thì treo x A y

linh băng xích châu, dưới mành lưới băng xà cừ thì treo linh băng các loại báu. __ y f y y \

Cây băng vàng thì góc và nhánh đêu băng vàng nhưng lá, hoa và trái băng bạc. Cây bằng bạc thì gốc và nhánh bằng bạc nhưng lá, hoa và trái bằng vàng. Cây bằng thủy tinh thì gốc và cành bằng thủy tinh nhưng hoa và trái bằng lưu ly. Cây bằng lưu ly thì gốc và nhánh bang lưu ly nhưng hoa và trái bang thủy tinh. Cây bằng xích châu thì gốc và nhánh bằng xích châu nhưng hoa và trái

36 Nguyên tác: Hắc sơn ,là tên một ngọn núi. Núi này tối đen. Câu-xả r.29. 1558.11. 0058al8 ghi: Phía Bắc Nam Thiệm-bộ châu ,Jambudīpa, 3 chỗ đều có 3 lớp Hắc sơn. Nơi ấy tối tăm, là chỗ ở của các ác quỷ. 37 Hương sơn ,địa danh, là nơi nằm phía Bắc sông Vô Nhiệt ,Anotatta, thuộc trung tâm tối cao cua chau Diem-phù-đề ,Jambudīpa. 38 Thất xứ bình trụt .Tam thập nhị tưởng kinh 0.01^2026.59. 0494a01 ghi là “thất xứ mãn,, :2 chân trước, 2 chân sau, 2 vai và cổ .

bằng mã não. Cây bằng mã não thì gốc và nhánh bằng mã não nhưng hoa và trái băng xích châu. Cây băng xà cừ thì góc và nhánh băng xà cừ nhimg hoa và trái bằng các loại báu. [0117bl0] Lại nữa, dưới đáy ao trải đầy cát vàng, bao bọc quanh ao có đường bậc thang bằng bảy báu, thềm bằng vàng thì cấp bằng bạc, thềm bằng bạc thì cấp bằng vàng, thềm bằng thủy tinh thì cấp bàng lưu ly, thềm bằng lưu ly thì cáp băng thủy tinh, thêm băng xích châu thì cáp băng mã não, thêm băng mã não thì cáp băng xích châu, thêm băng xà cừ thì cáp băng bảy báu. Sát hai bên bậc thềm có lan can báu. Lại nữa, trong ao có bốn loài hoa màu xanh, vàng, đỏ, trắng và nhiều màu đan xen. Hoa lớn như bánh xe, cọng như trục xe, rễ hoa ra nhựa có màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Chung quanh bốn mặt ao đều có vườn cảnh, rừng cây, ao tăm, các thứ hoa nở rộ, cây côi mát mẻ, hoa trái sum suê; lại có vô số loài chim cùng nhau ca hót, như đã kể trên. Voi chúa Thiện Trụ có ý muôn dạo chơi, lúc vào ao tăm liên nghĩ đên tám ngàn voi khác. Khi ấy, tám ngàn voi lại tự nghĩ: "Vòi chúa Thiện Trụ đang nghĩ đến chúng ta, chúng ta nên đến chỗ voi chúa.,, Thế rồi, đàn voi liền đi đến đứng trước voi chúa. Lúc đó, tám ngàn voi kia theo voi chúa Thiện Trụ đến ao Ma- đà-diên. Trong đàn voi ấy, có con dùng vòi quấn lọng che voi chúa, có con dùng vòi quấn quạt báu quạt cho voi chúa,

có con tấu xướng kỹ nhạc đi trước mở đường. Voi chúa Thiện Trụ vào ao tắm rửa, tấu xướng kỹ nhạc, cùng nhau vui chơi, có con rửa vòi cho voi chúa, có con rửa miệng, rửa đầu; có con rửa ngà, rửa tai, rửa bụng, kỳ lưng, rửa đuôi, rửa chân. Trong đó có con nhổ gốc hoa rửa sạch dâng voi chúa ăn, có con lấy bốn loại hoa rải trên voi chúa. Sau khi tắm rửa, ăn uống và cùng nhau vui chơi xong, voi chúa Thiện Trụ lên bờ đến đứng bên cây Thiện Trụ thì tám ngàn voi kia đều vào ao tắm rửa, ăn uống cùng nhau vui chơi xong, lên bờ rồi đến chỗ voi chúa đứng. Khi ấy, voi chúa cùng tám ngàn voi tùy tùng vây quanh đi đến chỗ cây Thiện Trụ cao lớn. Trên đường đi, trong đàn voi có con dùng vòi quấn lọng che voi chúa, có con dùng vòi quấn quạt để quạt cho voi chúa, có con tấu xướng kỹ nhạc đi trước mở đường. Khi voi chúa Thiện Trụ đen cây Thiện Trụ cao lớn rồi ngồi, nằm, di, đứng thỏa thích thì tám ngàn voi tùy tùng cũng ở bên các cây tự do ngồi, nằm9 di, đứng tùy ý. Trong rừng cây ấy, có cây cao tám tầm, có cây cao chín tầm cho đến cây cao mười tầm, mười lăm tầm, chỉ có cây Ta-la chúa của voi chúa Thiện Trụ cao mười sáu tầm. Khi cành lá của tám ngàn cây Ta-la này rụng xuống thì có luồng gió mát mẻ thổi lùa cành lá rụng ra ngoài khu rừng, rồi khi tám ngàn con voi đại tiêu tiện thì có các quỷ dạ-xoa đên hót bỏ bên ngoài khu rừng. Đức Phật bảo: -Các Tỳ-kheo nên biết, voi chúa Thiện Trụ có thần lực lớn và công đức như thế, tuy là loài súc sanh nhimg vẫn hưởng được phước như vậy.

912 KINH TRƯỜNG A-HÀM

2. PHẨM UÁT-ĐAN-VIỆT39

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Châu ưất-đan-việt có nhiều núi non. Bên cạnh núi non có nhiều vườn cảnh, hồ tắm, mọc đủ các loại hoa, cây cối xanh mát, hoa quả sum suê, có vô số loài chim cùng hòa điệu hót ca. Lại nữa, trong núi ấy có rất nhiều nguồn nước bình lặng xuôi chảy ra biển, không có chảy xiết, có các loài hoa che phủ trên mặt nước và dập dềnh trôi xuôi. Hai bên bờ suối có nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả sum suê, đất mọc cỏ mềm, bò quanh theo chiều phải, màu xanh như lông khổng thúy,40 hương thơm như hoa bà-sư41 và mềm mại như vải cõi trời. Mặt đất bằng phẳng mềm mại như lòng bàn tay, không có cao thấp, khi giẫm lên thì mặt đất lún xuống bốn tấc, vừa nhấc chân lên thì đất trở lại như cũ. Này Tỳ-kheo! Bốn phía của châu này có bốn hồ A-nậu-đạt, mỗi cạnh của hồ ngang dọc một trăm dotuàn, nước hồ trong và sạch, không chút cặn bẩn, quanh bờ được lát nên băng bảy báu,... cho đên có vô sô loài chim cùng nhau hòa điệu hót ca. Sự tráng lệ của hồ này cũng giống như hồ Ma-đà-diên42 không khác. Nước từ bốn hồ lớn này chảy xuống bốn dòng sông lớn, rộng mười do-tuần, nước chảy xuôi ra biển cả, không có chảy xiết, có các loài hoa che phủ trên mặt nước và dập dềnh trôi xuôi. Giáp hai bên bờ hồ có nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả sum suê, đất mọc cỏ mềm, bò quanh theo chiều phải, màu xanh như lông khổng thúy, hương thơm như hoa bà-sư và mềm mại như vải cõi trời. Mặt đất bằng phẳng và mềm mại như lòng bàn tay, không có cao thấp, khi giẫm lên thì mặt đát lún xuống bốn tấc, vừa nhấc chân lên thì đất trở lại như cũ. Lại nữa, đất đai ở đây không có ngòi rãnh, khe suối, hầm hố? gai góc, gốc cây, không có muỗi mòng, rắn, rít, ong, bò cạp, hổ beo hay thú dữ. Đất đai toàn là châu báu, không có cát đá, thời tiêt

điêu hòa, bôn mùa thuận chuyên, không nóng không lạnh, không có bức bách phiền não. Đất đai ẩm ướt, nên không bụi bẩn, như có dầu bôi trên đất, bụi không thể bay. Trăm hoa đua nở, không có đông, hạ; cây côi xanh tươi, hoa quả sum suê. Đát mọc cỏ mem, bò quanh theo chiều phải, màu xanh như lông khổng thúy, hương thơm như hoa bà-sư, mềm mại như vải cõi trời. Mặt đất bằng phẳng và mềm mại như lòng bàn tay, không

39 Nguyên tác: uất-đan-việtphẩm roi. 0001.30.2. 0117cl3. 40 Nguyên tác: Khổng thúy L,cách viết khác của khổng tước L,l con chim công. 41 Bà-sư vassikā, tên một loài hoa thường nở rộ vào mùa mưa. 42 Ma-đà-diên tri Mandākinī còn gọi Mạn-đà-kỳ-ni trì ,Mạn-na-cát-nhĩ trì M..

30. KINH THẾ KÝ 913

CÓ cao thấp, khi giẫm chân xuống, mặt đất lún bốn tấc, vừa nhấc chân lên thì đất trở lại như cũ. [0118al0] Trong cõi này lúa thóc tự mọc, không cần gieo cấy, không có vỏ trấu, như đóa hoa trắng, giống thức ăn của trời Đao-lợi, đầy đủ các vi. Cõi ấy có nồi, vạc tự nhiên và ngọc ma-ni tên Diệm Quang thay cho lửa đặt dưới nồi, đên khi cơm chín thì ánh sáng tự nhiên tăt, không cân củi lửa, chăng nhọc sức người. Cõi này có một loại cây tên Khúc Cung, lá cây mọc dày, thứ lớp đan xen, trời mưa không thâm, dột. Nam nữ cõi ây ở dưới cây này. Lại có loài cây Hương, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, hương thơm lan tỏa. Loài cây này có cây cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm. Cây nhỏ nhất cao khoảng năm dặm, hoa trái đầy cành. Khi quả chín tới, vỏ tự nứt ra, hương thơm lan tỏa. Lại có loài cây Y, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn các y phục. Loài cây này, có cây cao sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, hoặc nhỏ nhất là cao năm dăm, hoa trái sum suê, từ đây lưu xuất các loại y phục. Lại có loài cây Trang Nghiêm, cao bảy mươi hoặc sáu mươi, năm mươi, bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao khoảng năm dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn đầy đủ các thứ trang sức thân thể. Lại có loài cây Hoa Man, cao bảy mươi hoặc sáu mươi, năm mươi, bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao khoảng năm dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín thì vỏ tự nứt, tuôn ra các thứ tràng hoa. Lại có loài cây Khí, cao bảy mươi hoặc sáu mươi, năm mươi, bốn mươi r s dặm, cây nhỏ nhát cao khoảng năm dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín thì vỏ tự nứt, tuôn ra các loại đồ dùng. Lại có loài cây Quả, cao bảy mươi hoặc sáu mươi, năm mươi, bổn mươi dặm, cây nhỏ nhát cao khoảng năm dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín thì vỏ tự nứt, tuôn ra các loại trái cây. Lại có cây Nhạc Khí, cao bảy mươi hoặc sáu mươi, năm mươi, bốn mươi £ dặm, cây nhỏ nhát cao khoảng năm dặm, hoa trái sum suê. Khi trái cây chín thì vỏ tự nứt, tuôn ra các loại nhạc cụ. [0118ỒO8] Cõi ấy có hồ Thiện Kiến, ngang dọc một trăm do-tuần9 nước hồ trong và sạch không chút cặn bẩn. Quanh bờ được lát nền bằng bảy báu, bao bọc chung quanh có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây,... cho đến có vô số loài chim cùng nhau hót vang, cũng giống như thế. Phía Bắc hồ Thiện Kiến có cây tên Ambàla, cao một trăm dăm, thân to bảy dăm, cành lá che phủ bốn phía năm mươi dặm. Phía Đông hồ Thiện Kiến tuôn ra một dòng sông tên Thiện Đạo, rộng một do-tuần5 dòng nước chảy chậm,

không có nước xoáy, nhiều loài hoa đan xen che phủ trên mặt nước. Hai bên

914 KINH TRƯỜNG A-HÀM

bờ sông CÓ nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả sum suê. Đất mọc cỏ mem, bò quanh theo chiêu phải, màu xanh như lông không thúy, hương thơm như hoa bà-sư9 mem mại như vải cõi trời. Mặt đát băng phăng và mem mại như lòng bàn tay, không có cao thấp, khi giẫm chân xuống, mặt đất lún bốn tấc, vừa nhấc chân lên thì đất trở lại như cũ. Trong sông ây có nhiêu thuyên báu. Dân chúng ở đây muôn đên hô tăm rửa vui chơi thì cởi áo để trên bờ rồi chèo thuyền ra giữa dòng dạo chơi. Khi đã thỏa thích thì chèo thuyền vào, ai lên trước thì mặc y phục trước, ai lên sau thì mặc y phục sau, không cần lấy y phục của mình đã mặc lúc trước. Sau đó, họ đi đến cây Hương thì cây tự rũ thân xuống, mọi người chỉ cần đưa tay lấy các loại hương xoa lên thân thê. Roi họ đên cây Ỵ, cây tự rũ thân xuống, mọi người chỉ cần đưa tay lấy các thứ y phục và tùy ý mặc vào. Kê nữa, họ đên cây Trang Nghiêm, cây tự rũ thân xuông đê mọi người chỉ cần đưa tay lấy đủ loại trang sức để tự trang điểm cho mình. Sau đó? họ đến cây Man thì cây tự rũ thân xuống, mọi người chỉ cần đưa tay lấy các loại tràng hoa cài lên đầu. Tiếp theo, họ đến cây Khí, cây tự rũ thân xuống, mọi người chỉ cần đưa tay lấy các thứ đồ dùng quý báu để sử dụng. Sau đó, họ đến cây Quả, cây tự rũ thân xuông, mọi người chỉ cân đưa tay hái các loại trái cây ngon, hoặc là ăn, hoặc là ngậm hay vắt lấy nước uống. Lại đến cây Nhạc Khí, cây tự rũ thân xuông, mọi người chỉ cân đưa tay lây các loại nhạc khí roi cùng nhau tâu nhạc, âm thanh hòa quyện tuyệt diệu vang lên. Thế rồi, họ cùng nhau đến vườn cây vui chơi thỏa thích, hoặc một ngày, hoặc hai ngày cho đến bảy ngày, sau đó lại đi tiếp mà không ở chỗ nào nhất định. [0ll8c05] Phía Nam hồ Thiện Kiến khởi nguồn dòng sông Diệu Thể. Phía Tây hồ Thiện Kiến khởi nguồn dòng sông Diệu Vị. Phía Bắc hồ Thiện Kiến khởi nguôn dòng sông Quang Anh, cũng giông như trên. Phía Đông hô Thiện Kiến có khu vườn tên là Thiện Kiến, ngang dọc một trăm do-tuần, chung quanh bôn bên khu vườn đêu có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, nhiêu màu đan xen do bảy báu tạo thành. Bôn phía khu vườn đêu có bôn cửa lớn, mỗi cửa đều có lan can bao quanh, đều trang hoàng bằng bảy báu. Trong vườn yên tĩnh, không có gai góc, đát đai băng phăng, không có khe suôi, hâm hố, đồi núi; không có muỗi mòng, rắn, rít, bò cạp, hổ beo, thú dữ, đất đai toàn là châu báu, không có cát đá, thời tiêt điêu hòa, bôn mùa thuận chuyên, không nóng không lạnh, không có bức bách phiên não. Đát đai âm ướt, không có bụi bẩn, đất như thấm dầu, bụi không thể bay. Trăm hoa đua nở, không có đông hạ, cây côi xanh tươi, hoa quả sum suê. Đát mọc cỏ mem, bò quanh theo chiêu phải, màu xanh như lông khổng thúy, hương thơm như hoa bà-sư9 mềm mại như vải cõi trời. Mặt đát băng phăng và mem mại như lòng bàn tay, không có cao thấp, khi giẫm chân xuống, mặt đất lún bốn tấc, vừa nhấc chân lên thì đất trở lại như cũ.

30. KINH THÊ KÝ 915

Trong vườn này lúa thóc tự mọc, không cần gieo cấy, không có vỏ trấu, như đóa hoa trắng, đầy đủ các vị, giống thức ăn của trời Đao-lợi. Vườn ấy có nồi, vạc tự nhiên và ngọc ma-ni tên Diệm Quang thay cho lửa đặt dưới nồi, đến khi cơm chín thì ánh sáng

tự nhiên tắt, không cần củi lửa, chẳng nhọc sức người. Trong vườn lại có cây tên Khúc Cung, lá mọc đan xen thứ lớp, trời mưa không dột, nên mọi người đều trú dưới tàn cây. Lại có cây Hương, cao bảy mươi dặm, hoa trái đầy cành, khi trái chín thì vỏ tự nứt, hương thơm lan tỏa khắp nơi. Lại có cây cao sáu mươi, năm mươi, bốn mươi và cây nhỏ nhất là cao năm dặm, hoa trái đầy cành, khi trái chín thì mùi hương lan tỏa... cho đến cây Khí, cũng giống như trên. Dân chúng ở vùng này đên trong khu vườn ây vui chơi thỏa thích, hoặc một ngày, hai ngày cho đên bảy ngày. Vườn Thiện Kiên ây không người trông coi nên tùy ý dạo chơi, sau đó lại đi tiếp. Phía Nam hồ Thiện Kiến có khu vườn tên Đại Thiện Kiến. Phía Tây hồ Thiện Kiến có khu vườn tên Ngô Lạc. Phía Bắc hồ Thiện Kiến có khu vưcm tên Đẳng Hoa, cảnh vật cũng giống như trên, ở đây, cứ vào nửa đêm hoặc cuối đêm, rồng chúa A-nậu-đạt thường giăng mây thanh tịnh khắp bầu trời, rồi tuôn mưa cam lộ xuông? giông như văt sữa bò, khiên trong chóc lát nước tám vị thâm ướt cung khăp, nước không đọng lại, đát không bùn lây. Giông như thợ làm tràng hoa dùng nước rưới lên hoa khiến không khô héo, lại thấm ướt tốt tươi. Khi trời gần sáng thì hết mưa, bầu trời quang đãng, không một gợn mây, gió mát từ biển thổi vào, trong lành dễ chiu, khiến thân tâm khoan khoái. Hơn nữa, đất đai nơi này phì nhiêu, dân chúng sung túc. Khi cần ăn thì lấy gạo thơm tự nhiên để vào nồi, lấy ngọc Diệm Quang để dưới nồi mà nấu, cơm tự nhiên chín, ánh sáng tự tắt. Nếu khách đến thì tự lấy dùng, nếu chủ nhà không đứng dậy thì cơm không hết, nếu chủ nhà đứng dậy thì cơm cũng vừa hết. Cơm ấy tinh khiết, như đóa hoa trắng, đầy đủ mùi vi như cơm cõi trời Đao-lợi, người ăn vào không sanh bệnh mà còn giúp cho khí lực sung mãn, nhan sắc tươi đẹp, không bị già suy. [0119al4] Lại nữa, người ở cõi ấy dung mạo giống nhau, không thể phân biệt, tất cả đều như thanh niên hai mươi tuổi ở cõi Diêm-phù-đề, răng trắng đều đặn, băng và khít, tóc màu xanh biêc, không có cáu bân, tóc dài tám lóng tay, phía trước xõa xuống ngang mày, không dài không ngắn. Nếu người ở cõi ấy khởi tâm dục thì họ sẽ nhìn chăm chú vào người nữ rồi bỏ di, người nữ liền theo vào vườn rừng. Hai kẻ nam nữ ây nêu như có liên hệ huyêt thông với chú bác, 7 . r r '

CÔ dì nên không thê cộng giao thì cây côi sẽ không rũ cành che mát, lúc ây hai người tự rời xa. Nếu không phải là người trong thân tộc thì cây cối tự rũ cành che kín, hai người tùy ý gần gũi vui chơi từ một, hai hoặc bảy ngày rồi sau đó chia tay. Người nữ này mang thai bảy ngày hoặc tám ngày thì chuyển dạ, khi đứa bé chào đời thì bát kê là con trai hay con gái đêu đặt tại ngã tư đường roi

bỏ đi. Nếu CÓ ai đi ngang qua thì đưa ngón tay cho đứa bé này bú, sữa từ đầu ngón tay tuôn ra lưu chuyển khắp thân, nuôi lớn đứa bé. Sau bảy ngày thì đứa bé này lớn lên như bao người khác. Lúc ấy, nếu là nam thì nó theo chúng nam, là nữ thì theo chúng nữ. Người nơi đây khi mạng chung, quyến thuộc không khóc than mà chỉ trang điểm cho tử thi rồi đặt tại ngã tư đường và sau đó bỏ đi. Bấy giờ, có loài chim Ưu-ủy-thiền-già cắp tử thi mang đi nơi khác. Lại nữa, khi dân chúng muốn đại tiện hay tiểu tiện thì mặt đất tự nứt ra, đại tiện và tiểu tiện xong thì mặt đát khép lại. Loài người nơi đây không có tâm luyến ái ràng buộc, cũng không cất chứa mọi thứ, thọ mạng thường định, sau

khi mạng chung đều sanh về cõi trời. Vì sao thọ mạng thường định? Vì đời trước họ tu mười hạnh lành nên sau khi chết sanh về cõi uất-đan-việt, thọ mạng một ngàn tuổi, không tăng không giảm. Thế nên thọ mạng của họ đều như nhau. [0H9b06] Lại nữa, người sát sanh đọa vào đường ác, người không sát sanh sanh vào nẻo thiện. Kẻ trộm cướp, tà dâm, nói hai chiều, nói thô ác, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, ganh ghét và tà kiến đều đọa vào đường ác. Người không trộm cướp, không tà dâm, không nói hai chiều, không nói lời thô ác, không nói dối, không nói thêu dệt, không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến thì khi thân hoại mạng chung . sẽr sanh vê cõi Uât-đan-việt, thọ mạng một ngàn tuôi, * y

không tăng không giảm. Thê nên thọ mạng của họ đêu như nhau. Lại nữa, nếu ai keo kiệt tham lam, không chiu bố thí thì sau khi mạng chung đọa vào đường ác. Nếu người cỏ tâm rộng lớn không keo kiệt, thường đem tài vật ban phát cho người thì được sanh vê cõi lành. Nêu ai cúng dường cho Sa- môn, Bà-la-môn và bô thí cho những người bân cùng ăn xin, bệnh tật khôn khô những vật dụng như áo quần, xe cộ, vòng hoa, hương xoa, giường chiếu, phòng ốc, lại xây chùa tháp, đốt đèn cúng dường thì sau khi mạng chung được sanh về cõi uất-đan-việt, thọ mạng một ngàn tuổi, không tăng không giảm. Thế nên thọ mạng của họ đều như nhau. Vì sao gọi cõi uất-đan-việt là thù thắng? Vì người dân nơi đây tuy không lãnh thọ mười điều thiện nhưng tất cả hành động và cử chỉ của họ đều tự nhiên hợp với mười điêu thiện nên sau khi mạng chung sẽ sanh vê cõi lành, cõi trời. Vì thế người cõi này được khen rằng: "Tốt đẹp thay người Uat-dan-vi?t.^ Vậy uất-đan-việt là gì? Là cõi đứng đầu trong ba cõi thiên hạ, là tối thượng, tối thắng nên gọi là uất-đan-việt.

30. KINH THẾ KÝ 917

3. PHẨM CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG43

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Thế gian có đấng Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu bảy báu và bốn thân đức. Bảy báu đó là bánh xe báu băng vàng, voi trăng báu, ngựa tía báu, than châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và chủ binh báu. Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu bánh xe báu bằng vàng như thế nào? Khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện trong cõi Diêm-phù-đề thì vào ngày rằm trăng tròn, vua quán đảnh dòng Sát-lợi tắm gội bằng nước thơm, rồi lên điện cao cùng vui đùa với các thể nữ. Khi ấy, bánh xe báu bằng vàng cõi trời bông nhiên xuất hiện. Bánh xe có ngàn căm, đường kính bôn trượng, sáng chói đủ màu, được làm bằng vàng cõi trời, do thợ trời chế tạo, người đời không thể làm được. Khi nhìn thấy bánh xe, Chuyển Luân Thánh Vương thầm nghĩ: "Ta từng nghe các bậc tiên đức kỳ cựu nói rằng: 'Nếu vào ngày rằm trăng tròn, vua quán đảnh dòng Sát-lợi tăm gội băng nước thơm, roi lên điện cao cùng vui đùa với các thê nữ thì bánh xe báu băng vàng cõi trời bông nhiên hiện đến. Bánh xe có ngàn căm, đường kính bốn trượng, sáng chói đủ màu, do thợ trời chế tạo, người đời không thể làm được, vị vua ấy được gọi là Chuyển Luân Thánh Vương/ Nay bánh xe này xuất hiện, phải chăng là điềm lành ấy? Nay ta hãy thử nghiệm bánh xe này!" Thế rồi, Chuyển Luân Thánh Vương triệu tập bốn bộ binh chủng hướng về bánh xe báu bằng vàng rồi sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, tay phải chạm vào bánh xe

bằng vàng và nói: "Hãy chạy về hướng Đông, như pháp mà chuyên, chớ trái lệ thương." Bánh xe liên chuyên vê phương Đông. Khi ấy, Chuyển Luân Thánh Vương dẫn bốn bộ binh chủng theo sau, trước bánh xe báu bằng vàng có bốn vị thần dẫn đường. Bánh xe dừng nơi nào, vua cũng dừng nơi đó. Bấy giờ, các vua nước nhỏ ở phương Đông thấy Đại vương đến, liền dùng bát vàng đựng đầy thóc bạc, bát bạc đựng đầy thóc vàng đến chỗ Đại vương cúi đàu thưa: uQuý thay Đại vương! Phương Đông này đất đai màu mỡ, có nhiều châu báu, dân chúng đông đúc, lòng đầy nhân ái, từ hòa, hiếu thuận, trung thành. Cúi xin Thánh vương hãy tri vì ở đây, chúng tôi sẽ hầu hạ và cung cấp những thứ cần dùng!^,

43 Nguyên tác: Chuyển Luân Thảnh Vương phẩm (01. 0001.30.3. 0119Ò24).

918 KINH TRƯỜNG A-HÀM

LÚC đó, Vua Chuyển Luân bảo các vua nước nhỏ: 'Thôi, thôi! Chư Hiền! Các ông nói như vậy là đã cúng dường cho ta rồi. Chỉ cần các vị dùng Chánh pháp để cai trị, đừng để oan sai, không để trong nước có những kẻ làm điều phi pháp. Chính mình không sát sanh, khuyên bảo người khác không sát sanh; không trộm cướp, tà dâm, nói hai chiều, nói lời thô ác, nói dối, thêu dệt, tham lam, sân hận, ganh ghét và tà kiến. Làm được như thế thì cũng như có ta trị vì vậy.,, Các vua nước nhỏ nghe dạy xong, liên theo đại vương đên kháp các cõi nước cho đến tận cùng bờ biển phía Đông, rồi dần đi về phương Nam, phương Tây và phương Băc. Bát cứ chô nào mà bánh xe chuyên đên, các vua ở đó đêu dâng hiến cõi nước, cũng như các vua nước nhỏ ở phương Đông vậy. Cõi Diêm-phù-đề này có đất đai màu mỡ, phong phú, sản sanh nhiều châu báu, vườn rừng mát mẻ, suối nước trong xanh, những nơi bằng phẳng, bánh xe lăn khắp, ấn định ranh giới, từ Đông sang Tây mười hai do-tuần, từ Nam đến Bắc mười do-tuần. Vào ban đêm, các thần ở trong đó xây dựng thành quách. Thành có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng băng bảy báu,... cho đên có vô sô các loài chim cùng nhau ca hót. Thành được xây xong, bánh xe bằng vàng lại xuất hiện, ấn định ranh giới từ Đông sang Tây bốn do-tuần, từ Nam đến Bắc hai do-tuần. Vào ban đêm, các thần cũng ở trong đó xây dựng thành quách. Cung điện có bảy lớp tường băng bảy báu,... cho đên có vô sô các loài chim cùng nhau ca hót, như đã nói ở trên. Cung điện được dựng xong thì bánh xe báu bằng vàng trụ giữa hư không, ngay phía trước cung điện, hoàn toàn không chuyển động. Chuyển Luân Thánh Vương vui mừng nói: "Bánh xe báu bằng vàng này đúng là điềm lành cho ta. Nay ta thật sự là Chuyển Luân Thánh Vương!99 Đó là sự thành tựu bánh xe báu bang vàng. [0120all] Báu vật voi trắng được thành tựu như thế nào? Vào một buổi sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương ngồi trên chánh điện, voi trắng bỗng nhiên xuất hiện trước mặt. Lông của nó thuần trắng, bảy chỗ đay đặn, có khả năng bay giữa hư không. Đau của nó nhiều màu, sáu ngà thon dài, giữa ngà được cẩn vàng. Thấy thế, vua liền thầm nghĩ: "Con voi này thuần tính, nếu khéo huấn luyện thì có thể cu&i." Vua liền cho người huấn luyện đầy đủ các kỹ năng. Rồi vào buổi sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương muốn thử voi, liền cưỡi voi xuất thành, đi khắp bốn biển, đến giờ ăn trưa thì trở về. Nhà vua phấn khởi nói: "Vói trắng báu này thật là điềm lành của ta. Nay ta thật sự là

Chuyển Luân Thánh Vuông!" Đó là sự thành tựu về voi báu. Chuyên Luân Thánh Vương thành tựu ngựa tía báu như thê nào? Khi ây, vào buôi sáng sớm, Chuyên Luân Thánh Vương ngôi tại chánh điện, bỗng nhiên ngựa tía báu xuất hiện. Thân nó xanh thẫm, bờm và đuôi màu đỏ,

đâu và cô giông như voi, có khả năng bay giữa hư không. Thây thê, vua liên nghĩ: “Con ngựa này thuần tính, nếu khéo huấn luyện thì có thể cưỡi.,, Vua bèn cho huấn luyện đầy đủ các kỹ năng. Rồi vào buổi sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương muôn thử ngựa báu, liên cưỡi ngựa xuất thành, đi kháp bôn biên, đến giờ ăn trưa thì trở về. Chuyển Luân Thánh Vương phấn khởi nói: "Báu vật ngựa tía này thật là điềm lành của ta. Nay ta thật sự là Chuyển Luân Thánh Vuông!" Đó là sự thành tựu về ngựa tía báu. Báu vật thần châu được thành tựu như thế nào? Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương ngồi tại chánh điện, thần châu báu bỗng nhiên xuất hiện, trong suốt, không chút tỳ vết. Thấy như thế rồi, vua tự nghĩ: "Hạt châu này thật tuyệt vời, ánh sáng phát ra có thể chiêu sáng cả cung diên.” Bây giờ, Chuyên Luân Thánh Vương muôn thử thân châu này, liền triệu tập bốn bộ binh chủng rồi đặt báu thần châu lên cây phướn cao, trong đêm tối thì cầm cây phướn ra khỏi thành. Ánh sáng của thần châu chiêu xa một do-tuân. Dân chúng trong thành này đêu thức dậy làm việc, vì cho rằng trời đã sáng. Chuyển Luân Thánh Vương vui mừng nói: "Nay thần châu này đúng là điềm lành của ta. Nay ta thật sự là Chuyển Luân Thánh Vuông!" Đó là sự thành tựu báu thần châu. Ngọc nữ báu được thành tựu như thê nào? Lúc ấy, ngọc nữ báu bỗng nhiên xuất hiện, dung nghi, diện mạo đều tuyệt vời đoan chánh, không cao không tháp, không mập không ôm, không trăng không đen, không cứng răn, không mem yêu, mùa đông thì thân âm, mùa hè thì thân mát. Từ các lỗ chân lông khắp thân ngọc nữ tỏa hương chiên-đàn, miệng tỏa ra mùi thơm hoa sen xanh, nói năng dịu dàng, cử chỉ khoan thai, đứng dậy trước vua nhưng ngồi xuống sau vua, không mất uy nghi phép tắc. Sau khi trông thấy, Chuyển Luân Thánh Vương khởi tâm thương quý, lòng chẳng tạm rời, huống hồ được gần gũi? Thế rồi, Chuyển Luân Thánh Vương vui mừng nói: "Ngọc nữ báu này đúng là diêm lành của ta. Nay ta thật sự là Chuyên Luân Thánh Vuông!" Đó là sự thành tựu báu ngọc nữ. Cư sĩ báu được thành tựu như thế nào? Lúc ấy, một người nam cư sĩ bỗng nhiên xuất hiện, với kho báu tự nhiên, tài sản vô lượng. Do phước đức đời trước nên đôi măt cư sĩ này có thê nhìn thây các kho tàng dưới lòng đất, lại biết rõ có chủ hay chưa có chủ, kho nào có chủ thì giúp giữ gìn, kho nào chưa có chủ thì lây đê dâng vua sử dụng. Bây giờ, cư sĩ báu đen tâu vua: "Tâu Đại vương! Ngài cần những gì, tôi có thể cung cấp, xin đừng lo lang!99 Chuyên Luân Thánh Vương muôn thử cư sĩ báu, liên ban lệnh chuân bị thuyên ra sông thưởng ngoạn. Khi thuyên ra giữa sông, vua liên bảo cư sĩ: “Ta cân vàng bạc, ngươi hãy mang đên cho ta ngay!”

Cư SĨ báu tâu: "Xin Đại vương hãy đợi một lát, cần phải lên b&!" Vua liền hối thúc: “Ta đang cần gấp. Ngươi hãy lập tức mang đến cho ta." Thấy lệnh vua nghiêm, cư sĩ báu vội quỳ dài trên thuyền, đưa tay phải xuống nước thì từ trong nước có bình báu bám theo

tay mà lên thuyền, giống như con sâu leo cây, cư sĩ báu kia cũng vậy, khi đe tay vào trong nước thì báu vật theo tay leo lên đây cả thuyên. Roi cư sĩ tâu vua: "Vừa rồi Vua bảo cần châu báu để dùng, mà cần bao nhiêu?" Chuyển Luân Thánh Vương nói với cư sĩ: "Thôi, thôi! Ta không cần gì cả, chỉ muốn thử ngươi mà thôi! Ngươi làm như thế là đã dâng cúng ta r8i." Khi nghe vua nói như vậy, cư sĩ liền ném tất cả châu báu xuống nước. Chuyển Luân Thánh Vương vui mừng nói rằng: "Cu sĩ báu này chính là điềm lành của ta. Ta nay thật sự là Chuyển Luân Thánh Vương!" Đó là sự thành tựu cư sĩ báu. Chủ binh báu thành tựu như thế nào? Bây giờ, chủ binh báu bông nhiên xuất hiện. Vị này rát mưu trí, dũng mãnh, có tài thao lược, quyết đoán. Ông đến chỗ vua rồi tâu: "Tâu Đại vương! Nêu cân chinh phạt nơi nào, xin Ngài đừng lo, tôi có thê đảm nhan!" Chuyển Luân Thánh Vương muốn thử tài trí của chủ binh báu, liền triệu tập bốn bộ binh chủng và lệnh: "H6m nay, ngươi hãy điều binh. Binh chủng nào chưa tập hợp thì tập hợp lại, đã tập hợp rồi thì giải tán. Binh chủng nào chưa nghiêm hãy chỉnh cho nghiêm, đã nghiêm rồi thì hãy cho thư thả. Binh chủng nào chưa đi hãy cho đi, đã đi hãy khiến dừng l@i." Nghe vua nói xong, chủ binh báu liên điêu động bôn bộ binh chủng. Binh chủng nào chưa tập hợp thì tập hợp lại, đã tập hợp rồi thì giải tán. Binh chủng nào chưa nghiêm liền chỉnh cho nghiêm, đã nghiêm rồi thì cho thư thả. Binh chủng nào chưa đi thì cho di, đã đi thì khiến dừng lại. Chuyển Luân Thánh Vương thây vậy vui mừng nói răng: "Chủ binh báu này đúng là diêm lành của ta. Nay ta thật sự là Chuyển Luân Thánh Vuông!" Đây là sự thành tựu chủ binh báu. Bốn thần đức là những gì? Một, không bị chết yểu, trường thọ không ai bằng. Hai, không bệnh, thân thể cường tráng không ai bằng. Ba, dung mạo đoan chánh không ai băng. Bôn, kho tàng châu báu dôi dào không ai băng. Đây là sự thành tựu bảy báu và bôn thân đức của Chuyên Luân Thánh Vương.

30. KINH THẾ KÝ 921

Một thời gian, sau khi Chuyên Luân Thánh Vương lên ngôi đã lâu, vua mới ra lệnh xuất cung dạo chơi, liền bảo người đánh xe: "Ngươi hãy đánh xe đi cho khéo léo! Vì sao như vậy? Vì ta muốn quan sát kỹ dân chúng trong nước có được an lạc hay có tai họa gì chng?" Bấy giờ, dân chúng trong nước đứng dọc hai bên đường trông thấy vua, liền nói với người hầu rằng: "Ong cho xe đi chậm lại. Chúng tôi muôn ngăm rõ tôn dung uy nghiêm của đức Thánh Vuông!" Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương thương yêu, chăm sóc dân chúng như cha thương con. Dân chúng mến mộ nhà vua cũng như con kính ngưỡng cha, hễ có những gì quý báu đều dâng vua, họ đồng tâu: "Xin Đại vương rủ lòng thọ nhận rồi tùy ý sử dung!" Nhà vua đáp: "Các ngươi hãy thôi đi! Ta có đủ tài vật, các ngươi hãy sử dụng tài sản của minh." Khi Chuyển Luân Thánh Vương cai trị cõi Diêm-phù-đề này, đất đai bằng phẳng, không có gai góc, không có khe suối, hầm hố, đồi núi, không có muỗi mòng, rắn, rít, ong, bò cạp, hổ lang, thú dữ, đất đai toàn là châu báu, không có cát dá, thời tiêt điêu hòa, bôn mùa thuận chuyên, không nóng không lạnh, không bức bách, phiền não, đất đai thấm nhuần, không có bụi bẩn, đất như tráng dầu, bụi không tung lên; trăm hoa đua nở, không có đông hạ, cây cối xanh tươi, hoa quả sum suê; đát mọc cỏ mem, bò quanh theo chiêu phải, màu xanh như lông không thúy, tỏa hương thơm như hoa bà-sư, mem mại như vải cõi ười. Mặt đát băng phăng và

mem mại như lòng bàn tay không có cao tháp, khi giâm chân xuông thì mặt đất lún xuông bôn tác, vừa nhác chân lên thì đất trở lại như cũ. ở cõi ấy, lúa thóc tự mọc, không cần gieo cấy, không có vỏ trấu, đầy đủ các vị. Lại có cây Hương, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, mùi thơm lan tỏa. Lại có cây Y, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn các y phục. Lại có cây Trang Nghiêm, hoa trái sum suê, khi trái chín, vỏ tư nứt ra, tuôn ra đây đủ các loại trang sức thân thê. Lại có cây Man, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra các thứ tràng hoa. Lại có cây Khí, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra các loại đồ dùng. Lại có cây Quả, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra đủ loại trái cây. Lại có cây Nhạc Khí, hoa trái sum suê, khi trái cây chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra các loại nhạc cụ. [0121al2] Lúc Chuyển Luân Thánh Vương cai trị ở thế gian, vua rồng A-nậu-đạt cứ vào nửa đêm, hoặc là cuối đêm, thường giăng mây lớn dày đặc, trùm khắp cõi nước, rồi trút cơn mưa lớn, như trong khoảng thời gian vắt sữa bò, nước mưa tuôn xuống có tám vị, thấm ướt cùng khắp nhưng đất không đọng

nước, chẳng có bùn lầy. Đất đai thấm nhuần, đẫm ướt, khiến sinh trưởng các loài cây cỏ. Giống như thợ làm tràng hoa dùng nước rưới lên hoa, khiến không khô héo, thấm ướt tốt tươi; những cơn mưa đúng thời thấm nhuần cũng như thế. Lại nữa, lúc trời gần sáng thì tạnh mưa, bầu trời quang đãng, không một gợn mây, gió mát từ biển thổi vào, trong lành dễ chiu, khiến thân tâm thật khoan khoái. Cõi Diêm-phù-đề do Chuyển Luân Thánh Vương cai trị, dân chúng an lạc, đời sống sung túc, tài sản, của báu dồi dào, không ai thiếu thốn. Thuở ấy, Chuyển Luân Thánh Vương dùng chánh pháp trị thế, không có ai bi oan uổng. Vua thường tu mười hạnh lành, dân chúng trong nước cũng tu chánh kiến, thực tập mười hạnh lành. Trải qua thời gian rất lâu, rất lâu sau, vua lâm trọng bệnh rồi băng hà. Giống như người vì vui nên ăn quá no, thân the hơi khó chịu, thế rồi vua băng hà5 sanh lên cõi Phạm thiên. Lúc ấy, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu cùng dân chúng trong nước tấu các kỹ nhạc để làm lễ tẩn táng vua. Các ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu của vua cùng dân chúng trong nước dùng nước thơm tắm rửa thi hài vua, lấy vải kiếp-bối44 lần lượt quấn năm trăm lớp, sau đó đặt thi hài vua vào cỗ quan tài bằng vàng, rưới dầu thơm lên rồi đặt vào trong cỗ quách bằng sắt, lại đặt thêm cỗ quách bằng gỗ, rồi lấy vải bao bọc chung quanh, chất các loại củi thơm, phủ lên nhiều lớp vải rồi sau đó trà-tỳ. Trà-tỳ xong, xây tháp bằng bảy báu tại ngã tư đường, ngang dọc một do-tuần, nhiều màu đan xen, trang hoàng băng bảy báu. ơ bôn mặt r tháp đêu có cửa, lan can bao quanh được trang hoàng băng bảy báu. Bôn phía tháp có khoảng đát trông ngang dọc năm do-tuần9 được bọc bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy \ y y A lớp hàng cây. Tường băng vàng thì cửa băng bạc, tường băng bạc thì cửa băng vàng, tường băng lira ly thì cửa băng thủy tinh, tường băng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, tường bằng xích châu thì cửa bằng mã não, tường bằng mã não thì cửa băng xích châu, tường băng xà cừ thì cửa băng các loại báu. Lan can băng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can băng xích châu thì tay vịn băng mã não, lan can băng mã não thì tay vịn băng

xích châu, lan can băng xà cừ thì tay vịn băng các thứ báu. y \ 5 Dưới mành lưới băng vàng thì treo linh băng bạc, dưới mành lưới băng bạc thì treo linh bằng vàng, dưới mành lưới bằng lưu ly thì treo linh bằng thủy tinh, dưới mành lưới bằng thủy tinh thì treo linh bằng lưu ly, dưới mành lưới bằng xích châu thì treo linh bằng mã não, dưới mành lưới bằng mã não thì treo linh băng xích châu, dưới mành lưới băng xà cừ thì treo linh băng các thứ báu.

44 Kiếp-bối cũng gọi "ki&p.ba-duc",kappāsaṃ, một loại vải thượng hạng được dệt từ bông kiếp-boi. *

30. KINH THẾ KÝ 923

Cây bằng vàng thì lá, hoa và trái bằng bạc. Cây bằng bạc thì lá, hoa và trái bằng vàng. Cây bằng lưu ly thì hoa và lá bằng thủy tinh. Cây bằng thủy tinh thì hoa và lá bằng lưu ly. Cây bằng xích châu thì hoa và lá bằng mã não. Cây bằng mã não thì hoa và lá bằng xích châu. Cây bằng xà cừ thì hoa và lá bằng các loại báu. Bôn mặt tường của cung điện lại có bôn cửa có lan can bao quanh. Lại nữa, trên mỗi lớp tường cung điện đều có lau gác và đài báu. Bon mặt tường lại có cây côi, vườn rừng, dòng suôi, ao tăm, mọc đủ các loại hoa, cây côi mát mẻ, * 0 r 9 ĩ

hoa trái sum suê, tỏa ra hương thơm, các loài chim quý cát tiêng hót vang. Tháp được xây dựng xong, các ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu và dân chúng cả nước đều đen tháp đe chiêm bái cúng dường và bo thí cho những người nghèo thiêu. Những người cân thức ăn thì cho thức ăn, cân y phục thì cho y phục, cung cấp voi, ngựa, xe báu, các vật dụng can dùng, theo ý muốn của mỗi người thảy đều chu cấp đầy đủ. Chuyên Luân Thánh Vương có công dức, oai thân và sự tích như vậy.45

45 Bản Hán, hết quyển 18.

924 KINH TRƯỜNG A-HÀM

4. PHẨM ĐỊA NGỤC46

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Bên ngoài bốn châu thiên hạ này có tám ngàn thiên hạ vây quanh, bên ngoài tám ngàn thiên hạ lại có biển lớn vây quanh, bên ngoài biển lớn lại có núi Đại Kim Cang. Bên ngoài núi Đại Kim Cang lại có núi Đại Kim Cang thứ hai. Khu vực giữa hai ngọn núi tối tăm, mờ mịt. Mặt trời, mặt trăng, trời, thần dù có oai lực lớn cũng không thể soi sáng đến chốn này. Giữa hai ngọn núi này có tám địa ngục lớn, mỗi địa ngục lớn lại có mười sáu địa ngục nhỏ. Tám địa ngục lớn ấy là: Địa ngục Tưởng,47 địa ngục Dây Đen,48 địa ngục Đá Ép,49 địa ngục Kêu Gào, địa ngục Kêu Gào Lớn, địa ngục Thiêu Nướng, địa ngục Thiêu Nướng Lớn và địa ngục Vô Gián. Trong địa ngục Tưởng có mười sáu địa ngục nhỏ, mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Mười sáu địa ngục nhỏ là: Địa ngục Cát Đen, địa ngục Phân Tiểu, địa ngục Đinh sắt, địa ngục Đói, địa ngục Khát, địa ngục Một Chảo Đồng Sôi, địa ngục Nhiều Chảo Đồng Sôi, địa ngục cối Đá, địa ngục Máu Mủ, địa ngục Đong Lửa, địa ngục Sông Tro, địa ngục Hòn sắt Nóng, địa ngục Búa Rìu, địa ngục Chó Sói, địa ngục Rừng Kiếm và địa ngục Băng Lạnh. [0121C14] Vì sao gọi là địa ngục Tưởng? Vì tội nhân ở trong ngục này, tay mọc móng sắt

vừa dài, vừa nhọn. Họ thù hận nhau, luôn có ý nghĩ tàn hại nhau, dùng móng tay cào câu lân nhau, làm cho da thịt theo móng tay rơi xuống. Thê rồi, họ tưởng mình đã chết, bỗng nhiên có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt liền lại như cũ, họ sống lại, đứng dậy và có ý tưởng: "Nay ta đã sống lại.” Chúng sanh khác nói: "Ta tưởng ngươi đang s6ng." Vì nghĩ tưởng như thế, nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục Tưởng trong lòng lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, luôn quây phá nhau. Tay chúng câm dao kiêm tự nhiên, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt, băm thân thể nát nhừ trên đất. Thế rồi, họ tưởng mình đã chết, bỗng nhiên có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt liền lại như cũ, họ sống lại, đứng dậy và có ý tưởng: "Nay ta đã sống

46 Nguyên tác: Địa ngục phẩm (roi. 0001.30.4. 0l2lb28). Tham chiếu: Thiết thành nê-lê kinh (T.Ol. 0042. 0826c26); Dỉêm-la vương ngũ thiên sứ giả kinh (T.Ol. 0043.0828bl2); Nê-ỉê kinh (roi. 0086. 0907al0). 47 Nguyên tác: Tưởng (Saựýíva). 48 Nguyên tác: Hắc Thằng (Kālasutta. s. Kālasūtra). 49 Nguyên tác: Đôi Áp (Saiụghata).

lại." Chúng sanh khác nói: "Ta tưởng ngươi đang s6ng." Do nguyên nhân này, nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục Tưởng trong lòng lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, luôn quấy phá nhau. Tay chúng cầm dao kiếm, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt, băm thân thể nát nhừ. Thế rồi, họ tưởng mình đã chết, bỗng nhiên có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt liền lại như trước, họ sống lại, đứng dậy và có ý tưởng: "Nay ta đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta tưởng ngươi đang sống?9 Do nguyên nhân này, nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục Tưởng trong lòng lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, luôn quấy phá nhau. Tay chúng cầm đao Du Ảnh,50 vừa nhọn vừa bén, đâm chém lân nhau, lóc da, xẻ thịt, băm thân thê nát nhừ. Thê roi, họ tưởng mình đã chết, bỗng nhiên có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt liền lại như trước, họ sống lại, đứng dậy và có ý tưởng: "Nay ta đã sống lại.” Chúng sanh khác nói: "Ta tưởng ngươi đang s6ng." Do nguyên nhân ấy, nên gọi là địa ngục Tưởng. [0122a02] Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục Tưởng trong lòng lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, luôn quấy phá nhau. Tay chúng cầm dao nhỏ, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt, băm thân thể nát nhừ. Thế rồi, họ tưởng mình đã chết, bỗng nhiên có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt liền lại như trước, họ sống lại, đứng dậy và có ý tưởng: "Nay ta đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta tưởng ngươi đang s6ng." Do nguyên nhân ấy, nên gọi là địa ngục Tưởng. Những tội nhân ở trong đó, sau khi chịu khổ đã lâu, mới được thoát khỏi địa ngục Tưởng nên hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhung vì tội quá khứ lôi kéo, khônệ ngờ lại rơi vào địa n^ục Cát Đen. Bấy giờ, một cơn gió nóng bốc lên dữ dội, thoi cát đen nóng bay tấp vào thân người tội, khiến toàn thân đều đen, giống như đám mây đen. Cát nóng thiêu cháy da thịt, tận cả xương tủy. Sau đó, trong thân người tội có một ngọn lửa đen noi lên, đốt cháy toàn thân, rồi cháy vào xương thịt, chịu các nỗi khổ bị thiêu đốt. Vì nguyên nhân gây tội mà phải chuốc lấy quả khổ nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được.

Trải qua thời gian dài chịu khổ ở trong đó, những tội nhân mới thoát khỏi địa ngục Cát Đen, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Phân Tiểu. Trong ngục này có những hòn sắt bằng phân tiểu tự nhiên hiện đầy trước mặt, đuổi bức người tội phải ôm hòn sắt nóng, làm thiêu cháy thân thể và tay chân, cháy dần đến đầu, mặt, rồi thiêu rụi toàn thân. Lại khiến người tội bốc hòn sắt nóng bỏ vào miệng, đốt cháy cả môi, lưỡi, roi từ cô họng xuông đên bụng, dân dân thăng xuông dưới đêu bi đốt cháy hết. Lại có loài trùng mỏ sắt rúc rỉa da thịt người tội đến tận xương

50 Du Ảnh đao .

926 KINH TRƯỜNG A-HÀM

tủy, đau đớn nhức nhối, khổ não vô cùng nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Chiu khổ trong thời gian dài mới thoát khỏi địa ngục Phân Tiểu, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình, không ngờ lại rơi vào địa ngục Đinh sắt. Sau khi đã vào đó5 ngục tót bát tội nhân năm trên sát nóng, căng thân họ ra roi đóng đinh vào tay, chân và tim, lại đóng năm trăm cây đinh khắp cả thân the. Tội nhân đau re : ỉ /K • -l c? •í. đớn nhức nhôi, kêu gào rên xiêt nhưng vì tội lôi chưa hét nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ mới thoát khỏi địa ngục Đinh sắt, lại hoảng / 9 • e . r r

hót bỏ chạy đê tự cứu mình, không ngờ lại rơi vào địa ngục Đói. Ngục tót đên hỏi: -Các ngươi đến đây, mong cầu điều gì? Tôi nhan đáp: -Tôi đói quá! Tức thì, ngục tốt bắt tội nhân nằm trên giường sắt nóng rồi căng thân ra, lây móc sát đê cạy miệng, lây hòn sát nóng bỏ vào miệng, đót cháy môi lưỡi, từ cô họng đên bụng roi thăng xuống dưới đêu bị đót cháy hét. Tội nhân đau r* - l r r -g « đớn nhức nhôi, kêu gào rên xiêt nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thể chết được. [0l22b02] Trải qua một thời gian dài chịu khổ, tội nhân mới thoát khỏi địa r * 9 • .

ngục Đói, lại hoảng hót bỏ chạy đê tự cứu mình, không ngờ lại rơi vào địa ngục Khát. Ngục tốt đến hỏi: -Các ngươi đến đây, mong cầu điều gì? ITI f Ạ. Tôi nhân đáp: -Tôi khát quá! Tức thi, ngục tốt bắt tội nhân nằm trên giường sắt nóng rồi căng thân ra, lấy móc sắt cạy miệng, rót nước đồng sôi vào miệng, đốt cháy môi lưỡi, từ cổ họng đến bụng rồi thẳng xuống dưới đều bị đốt cháy hết. Tội nhân đau đớn nhức nhối, kêu gào rên xiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ, tội nhân thoát khỏi địa ngục Khát, lại hoảng hốt bỏ chạy đe tự cứu mình, không ngờ lại rơi vào địa ngục Một Chảo Đong Sôi. Khi đã vào ngục, ngục tốt trừng mắt, xách ngược người tội ném vào trong chảo, thân thê theo nước sôi sùng sục ngoi lên hụp xuống từ đáy chảo lên miệng, roi từ miệng chảo chìm xuổng đáy, hoặc ở giữa chảo, toàn thân bi nâu nhừ. Giông như nâu đậu, hạt đậu tày theo lượng nước sôi mà nôi lên chìm xuông, các hạt đậu cả trong lân ngoài đêu được nâu nhừ. Tội nhân bị nâu trong chảo đông sôi ngoi lên hụp xuống cũng như thê, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiêt nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được.

30. KINH THẾ KÝ 927

Trải qua thời gian dài chịu khổ, tội nhân mới thoát khỏi địa ngục Một Chảo Đồng Sôi, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Nhiêu Chảo Đông Sôi. A r Địa ngục nàye ngang dọc năm trăm do-tuân. Vào ngục này, ngục tót trừng mat xách ngược tội nhân ném vào trong chảo, thân thể theo nước sôi sùng sục ngoi lên hụp xuống, đáy chảo từ

lên đến miệng, từ miệng chảo chìm xuống tận đáy, hoặc ở giữa chảo, toàn thân bi nấu nhừ. Giống như nấu đậu, hạt đậu tùy theo lượng nước sôi mà nổi lên chìm xuông, các hạt đậu cả trong lân ngoài đêu được nâu nhừ. Tội nhân bi hành hình trong ngục cũng như thế, nằm trong chảo đồng sôi rồi ngoi lên hụp xuống, roi từ đáy chảo ngoi lên đên miệng, từ miệng chảo hụp xuông đên đáy, hoặc tay chân nôi lên, hoặc lưng bụng nôi lên, hoặc đâu mặt nôi lên, ngục tót dùng móc sắt móc tội nhân ném qua chảo khác. Tội nhân đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ, tội nhân mới thoát khỏi địa ngục Nhiều Chảo Đồng Sôi, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng vì tội đời trước lôi kéo, không . ngờ lại vào địa ngục Côi Xay. Ngục này ngang dọc năm trăm do- y 9 e # r \

tuân. Khi vào ngục này, ngục tót nôi giận, bát người tội năm trên đá nóng, căng tay chân ra, dùng tảng đá nóng lớn đè lên thân người tội5 chà đi xát lại làm cho xương thịt tan nát, máu mủ chảy tràn. Tội nhân đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. [0122c02] Chịu khổ một thời gian dài, người tội mới thoát khỏi địa ngục cối Xay, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng vì tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Máu Mủ. Ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần, bên trong ngục cối Xay tự nhiên có máu mủ nóng sôi trào, tội nhân ở trong đó chạy từ Đông sang Tây, toàn thân bị bỏng, tay chân, đâu mặt đêu tan nát, lại tự uông nước máu mủ nóng sôi5 môi lưỡi đều bỏng, từ cổ đến bụng không có chỗ nào không tan nát. Tội nhân đau đớn nhức nhối không thể chiu nổi nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ, người tội mới ra khỏi địa ngục Máu Mủ, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng vì tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại vào địa ngục Đong Lửa. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này có đống lửa lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt, lửa cháy hừng hực. Ngục tốt giận dữ đuổi bắt, bức ép người tội tay cầm cái đấu bằng sắt để đong đông lửa ây. Khi tội nhân đong lửa, lửa đót cháy tay chân và cả toàn thân, đau khổ vô cùng, kêu la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Trải qua thời gian dài chịu khổ, người tội mới thoát khỏi địa ngục Đong Lửa? lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Sông Tro. Địa ngục này ngang dọc, sâu rộng đêu năm trăm do-tuần. Nước tro sôi sùng sục, khí độc xông lên ngùn ngụt, các dòng sóng

xoáy vỗ vào nhau, phát ra âm vang đáng sợ. Từ đáy sông lên đến mặt sông đầy dẫy gai sắt, ngang dọc, mũi nhọn dài tám tấc, trên bờ lại có rừng Cây Kiếm, nhánh lá hoa quả đều là gươm đao bén nhọn cỡ tám tấc. Khi tội nhân vào trong sông, theo con sóng lên hay xuống mà ngoi lên hụp xuống, gai sắt đâm khắp thân, da thịt tan nát, máu mủ tuôn

chảy. Tội nhân đau đớn muôn phần, kêu la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ, tội nhân mới thoát khỏi địa ngục Sông Tro, khi bước lên bờ thì bị đao kiếm đâm thủng toàn thân, tay chân đều bi thương tổn. Lúc đó, ngục tốt hỏi người tội: Các ngươi đến dây, mong cầu điều gì? Tội nhân đáp: Chúng tôi đói quá! Ngục tốt liền bắt tội nhân ném lên ban sắt nóng, căng thân thể ra rồi lấy móc sắt móc miệng tội nhân, lấy nước đồng sôi rót vào làm phỏng môi, lưỡi, từ cô đên bụng, suốt trên xuông dưới, không có chô nào không tiêu tan. Lại CÓ loài chó sói răng nanh dài bén đên căn tội nhân, ăn tươi nuốt sông. Lúc đó, tội nhân bi sông tro đun nấu, bị đao kiếm đâm thủng, bi rót nước đồng sôi vào miệng roi bị chó sói ăn thịt xong, tội nhân liên bỏ chạy thì lại leo lên cây kiêm, khi leo lên cây kiếm thì bị đao kiếm chĩa xuống; khi tuột xuống thì cây kiếm chĩa lên, tay nắm thì tay đứt, chân đạp thì chân đứt, đao kiếm đâm chém khắp thân, da thịt rơi xuông, máu chảy lai láng, chỉ còn xương trăng và gân két dính với nhau. Bây giờ, trên cây kiêm lại có quạ mỏ sat mô đâu và xương đê ăn tủy não người tội. Họ đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, lại bị trở vào địa ngục Sông Tro lần nữa. Tội nhân này theo dòng nước lên xuống mà ngoi lên hụp xuống, bị gai sắt đâm khắp thân, da thịt tan nát, máu mủ tuôn chảy, chỉ còn xương trắng trôi nổi bồng bềnh. Khi ấy, có gió lạnh thổi đến, da thịt liền lại như trước, họ liền đứng dậy, hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Hòn sắt Nóng. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào đây, tự nhiên có những hòn sắt nóng hiện ra trước mặt. Ngục tốt đuổi bắt, bứt ép người tội ôm lấy hòn sắt nóng khiến tay chân tan nát, toàn thân lửa đốt, muôn khổ ập đến, khóc la thảm thiết nhirng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. [0123al6] Chịu khổ một thời gian dài,... cho đến thoát khỏi địa ngục Hòn Sat Nóng, lại hoảng hot bỏ chạy đê tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Búa Rìu. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi vào địa ngục này, ngục tốt nổi giận bắt người tội nằm trên bàn sắt nóng, dùng búa sắt nóng băm chặt tay chân, thân thể, cắt tai, xẻo mũi, làm cho đau đớn nhức nhối, khóc la thảm thiết nhung vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được.

30. KINH THẾ KÝ 929

Trải qua thời gian dài bị hành hình chiu tội mới thoát khỏi địa ngục Búa Rìu, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại vào địa ngục Chó Sói. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Tội nhân vào ngục này thì có bầy chó sói tranh nhau chạy đến cắn xé, khiến cho xương nát thịt rơi, máu mủ đầm đìa. Tội nhân đau đớn muôn phần, khóc la thảm thiết nhung vì tội cũ chưa hết nên tội nhân vẫn không thể chết được. Sau một thời gian dài chịu khổ mới ra khỏi địa ngục Chó Sói, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Rừng Kiếm. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Tội nhân vào đây thì gió mạnh nổi lên, thổi lá cây bằng gươm đao rớt trên thân thể tội nhân, hễ chạm vào tay thì đứt tay, dính vào chân thì chân lìa, thân the, đau mặt đêu bị tôn thương. Lại có quạ mỏ săt đứng ở trên đâu mô hai măt tội nhân. Tội nhân đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. [0123b04] Trải

qua một thời gian dài chịu khổ mới thoát khỏi địa ngục Rừng Kiếm, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Băng Lạnh. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Tội nhân vào địa ngục này thì có cơn gió lạnh buốt thổi vào cơ thể, khiến cho toàn thân rét cóng, da thịt nứt nẻ, rớt ra từng mảnh. Tội nhân đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết, sau đó mạng chung. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Địa ngục lớn Dây Đen có mười sáu địa ngục nhỏ vây quanh, mỗi ngục dài rộng năm trăm do-tuân. Vì sao gọi là địa ngục Dây Đen? Vì ở đó, ngục tót bắt tội nhân năm trên sát nóng, căng thân thê ra, dùng dây sát nóng kéo ra cho thăng, roi dùng búa sát nóng xẻ theo đường sợi dây, xẻ tội nhân thành trăm ngàn đoạn. Giống như người thợ mộc dùng dây mực búng vào thân cây rồi dùng búa bén theo đường mực mà bổ ra thành trăm ngàn đoạn. Cách hành hình tội nhân trong địa ngục này cũng như vậy, đau đớn vô cùng, không thể kể hết nhưng vì chưa hết tội cũ nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Dây Đen. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục Dây Đen bắt người tội nằm trên sắt nóng, căng thân thể ra, dùng dây sắt nóng kéo ra cho thẳng, rồi lấy cưa xẻ tội nhân. Ví như người thợ mộc dùng dây mực búng vào thân cây, rồi dùng cưa để cưa cây theo đường mực, cách hành hình tội nhân cũng lại như vậy, đau đớn vô cùng, không thể kể hết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Dây Đen. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục Dây Đen bắt người tội nằm trên sắt nóng, căng thân thể ra, dùng dây sắt nóng để trên thân tội nhân, làm cho da thịt bị thiêu đốt, cháy xương sôi tủy, đau đớn vô cùng, không thể kể hết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Dây Đen.

930 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Lại nữa, trong địa ngục Dây Đen, ngục tót dùng vô sô dây săt nóng giăng ngang, rồi rượt đuổi, bắt tội nhân phải đi giữa những sợi dây này, lại có cơn gió lốc nổi lên, thổi những sợi dây sắt nóng quấn quanh thân người tội, đốt cháy da thịt, tiêu xương sôi tủy, đau đớn muôn phần, không thể kể hết nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, cho nên gọi là địa ngục Dây Đen. Lại nữa, trong địa ngục Dây Đen, ngục tốt đuổi bắt, bức ép tội nhân mặc áo băng dây sát nóng, đót cháy da thịt, tiêu xương sôi tủy, đau đớn muôn phân, không thể kể hết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, cho nên gọi là địa ngục Dây Đen. Trải qua thời gian dài chiu khổ, tội nhân mới ra khỏi địa ngục Dây Đen, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại đọa vào địa ngục Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, như đã nói trước. [0123c06] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Địa ngục Đá Ép cũng có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi ngục dài rộng năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Đá Ép? Vì trong ngục này có núi đá lớn, từng cặp đoi xứng, khi tội nhân vào giữa thì hai ngọn núi tự nhiên khép lại, ép chặt thân thể tội nhân, làm cho xương tan thịt nát, xong rồi núi trở lại vị trí cũ. Ví như lấy cây đánh vào cây, theo lực đàn hồi sẽ bật trở lại. Sự hành hình tội nhân ở địa ngục ấy cũng như thế, đau đớn muôn phần, không thể kể hét nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, vì vậy nên gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, trong địa ngục Đá Ép có voi sát lớn, toàn thân bóc lửa, gào rông chạy đến rồi giẫm đạp tội nhân, giẫm qua giẫm lại

khiến cho thân thể tan nát, máu mủ tuôn chảy, đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiêt nhung vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, trong địa ngục Đá Ép, ngục tót băt tội nhân năm trên bàn đá mài, rồi lấy đá mài để mài thân, làm cho thịt nát xương tan, máu mủ tuôn chảy, đau đớn vô cùng, không thể kể hết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chét được, vì vậy nên gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, trong địa ngục Đá Ép, ngục tốt bắt tội nhân nằm trên tảng đá lớn, rồi lấy một tảng khác đè lên, làm cho xương thịt tan nát, máu mủ tuôn tràn, đau đớn vô cùng, muôn khô ập đên nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, vì thê nên gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, trong địa ngục Đá Ép, ngục tốt bắt tội nhân nằm trong cối sắt, rồi dùng chày sắt giã từ chân đến đầu, da thịt tan nát, máu mủ tuôn tràn, muôn vàn khô ập đên, họ đau đớn vô cùng nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không 7 • x e [r

thê chét được, vì thê nên gọi là địa ngục Đá Ép.

30. KINH THẾ KV 931

Trải qua thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân mới thoát khỏi địa ngục Đá Ép, họ hoảng hốt bỏ chạy mong cầu cứu giúp nhung bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Cát Ben,. cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, như đã nói ở trên. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: —Địa ngục Kêu Gào có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi ngục dài rộng năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Kêu Gào? Vì ở đây, ngục tốt bắt tội nhân ném vào trong vạc lớn, nước sôi sùnạ sục, nau nhừ tội nhân, khiến họ kêu la thảm thiết, đau đớn tột cùng, muôn kho ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Kêu Gào. [0124a04] Lại nữa, trong địa ngục Kêu Gào, ngục tốt bắt tội nhân ném vào trong vò sắt lớn, nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân, khiến họ đau đớn tột cùng, kêu la thảm thiết nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Kêu Gào. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục Kêu Gào bắt người tội ném vào trong nồi sắt lớn, nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân, khiến họ kêu la thảm thiết, đau đớn tột cùng nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Kêu Gào. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục Kêu Gào bắt người tội ném vào trong nồi sắt nhỏ, nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân, khiến họ kêu la thảm thiết, đau đớn tột cùng nhimg vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, cho nên gọi là địa ngục Kêu Gào. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục Kêu Gào bắt người tội ném lên trên vỉ sắt nướng rồi lật qua, trở lại trên ngọn lửa hồng, khiến họ kêu la thảm thiết, đau đớn tột cùng nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, cho nên gọi là địa ngục Kêu Gào. Sau thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân mới ra khỏi địa ngục Kêu Gào, họ hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, cũng lại như thế. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Địa ngục Kêu Gào Lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh. Vì sao gọi là địa ngục Kêu Gào Lớn? Vì ở đây, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào nồi sắt lớn, nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân, khiến họ kêu la gào thét, khóc lóc thảm thiết, đau đớn tột cùng, muôn vàn thông khô ập đên nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thể

chết được, nên gọi là địa ngục Kêu Gào Lớn. Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục này bắt người tội bỏ vào cái vò sắt lớn, nước sôi sùng sục nấu như ngưòd tội, khiến họ kêu la thảm thiết, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, nên gọi là địa ngục Kêu Gào Lớn.

932 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục này bắt người tội bỏ vào chảo sắt lớn, nước sôi sùng sục nấu như tội nhân, khiến kọ kêu la gào thét, đau đớn vô cùng, muôn Sự độc hại ập đên nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, vì thế [nên] gọi là địa ngục Kêu Gào Lớn. [0124b01] Lại nữa, ngục tốt trong địa ngục này bắt người tội bỏ vào trong chảo dầu nhỏ, nước sôi sùng sục nấu như tội nhân, khiến họ kêu la gào thét, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì thế [nên] gọi là địa ngục Kêu Gào Lớn. Lại nữa, trong địa ngục Kêu Gào Lớn, ngục tốt bắt người tội bỏ lên trên vỉ sắt nướng, lật qua, trở lại trên ngọn lửa hồng, khiến họ kêu la gào thét, khóc lóc thảm thiêt, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đên nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thể chết được, cho nên gọi là địa ngục Kêu Gào Lớn. Sau thời gian chịu khổ lâu dài mới ra khỏi địa ngục này, lại hoảng hốt bỏ chạy để tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại vào địa ngục Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, cũng giống như trước. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Địa ngục Thiêu Nướng cũng có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh. Vì sao gọi là địa ngục Thiêu Nướng? Vì ở trong ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong thành sắt, thành sắt bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không the chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tốt bắt người tội bỏ vào trong nhà sắt, nhà sắt bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân 9 ỉ e w

không thê chét được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tót bát người tội treo trên lâu sát, lâu sát bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tốt bắt người tội bỏ vào trong lò sắt lớn, lò sắt bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tốt bắt người tội bỏ lên trên vỉ nướng lớn, vỉ nướng bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, muôn sự độc hại ập đến nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng.

30. KINH THẾ KÝ 933

Sau một thời gian dài chịu khổ, tội nhân mới ra khỏi địa ngục này, lại hoảng hốt bỏ chạy mong tự cứu mình nhưng bi tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục

Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, cũng lại như vậy. [0124c03] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Địa ngục Thiêu Nướng Lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi ngục rộng dài đều năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn? Vì ở đó ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào thành sắt, thành sắt bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tót bát người tội bỏ vào trong nhà săt9 nhà sắt bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tót bát người tội bỏ trên lâu săt, lâu sát bóc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, trong địa ngục này, ngục tót băt người tội bỏ vào trong lò sát lớn, t L : ve a ..v. a lò sát bóc cháy, trong ngoài đêu đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiêu lần, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, ở trong địa ngục Thiêu Nướng Lớn tự nhiên lại có hàm lửa lớn, ngọn lửa bốc cháy hừng hực, hai bên bờ hầm này lại có núi lửa lớn. Các ngục tốt ở đây bắt tội nhân ghim vào chĩa sắt, rồi dựng đứng trong lửa đỏ, lửa lớn thiêu đốt thân thể, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, muôn sự độc hại ập đến, đau đớn tột cùng nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được. Sau thời gian dài chiu khô, tội nhân mới ra khỏi địa ngục này, họ hoảng hót bỏ chạy để tự cứu mình nhxmg vì tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, cũng lại như vậy. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Địa ngục Vô Gián có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuàn. Vì sao gọi là địa ngục Vô Gián? Vì ở đó ngục tốt bắt tội nhân lột da từ chân đến đầu, rồi lấy da ấy quấn thân họ vào bánh xe bốc lửa, roi cho xe bóc lửa chạy qua chạy lại trên nên sát nóng, làm cho thân thê nát

tan, da thịt rã rời từng mảnh, muôn sự độc hại ập đến, đau đớn tột cùng nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Vô Gián. [0125a05] Lại nữa, trong địa ngục Vô Gián có thành sắt lớn. Bốn mặt thành lửa cháy dữ dội, ngọn lửa từ Đông lan sang Tây, từ Tây lan sang Đông, từ Nam lan đến Bắc, từ Bắc lan đến Nam, từ trên lan xuống dưới, từ dưới cháy lên trên, lửa dữ cháy khắp, không sót chỗ nào. Tội nhân ở trong đó cứ chạy từ Đông sang Tây, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được, vì vậy gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, trong địa ngục này có thành sắt, lửa cháy hừng hực. Tội nhân trong đó bị lửa đốt thân, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hét nên tội nhân không thê chét được, vì vậy gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, tội nhân trong địa ngục Vô Gián

chiu khổ một thời gian dài thì cửa mở, những người tội này liền chạy ve phía cửa mở, khi đang chạy thì các bộ phận trên thân thể đều bốc lửa, cũng giống như người lực sĩ tay cầm bó đuốc lớn bằng cỏ lại chạy ngược gió thì ngọn lửa ấy cháy phừng phực, khi tội nhân chạy cũng lại như vậy. Khi chạy đên gân cửa thì cửa bông nhiên đóng lại, tội nhân ngã xuồng, năm trên nên sát nóng, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt tiêu tan, đau đớn tột cùng, muôn sự độc hại ập đến nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không the chết được, vì vậy nên gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục này, mắt chỉ thấy toàn cảnh ác? tai toàn nghe tiếng dữ, mũi ngửi toàn mùi hôi, thân xúc chạm toàn là điều gây ra đau đớn, ý luôn nghĩ điêu ác. Lại nữa, tội nhân ở đây chịu khô liên tục, dù trong khoảnh khắc cũng không gián đoạn, vì vậy gọi là địa ngục Vô Gián. Tội nhân ở trong đó chịu khổ thời gian dài mới thoát khỏi địa ngục ấy, họ hoảng hốt bỏ chạy đe tự cứu mình nhưng vì bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Cát Đen,... cho đến địa ngục Băng Lạnh rồi sau đó mạng chung, cũng lại như vậy. [0125a27] Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ: Thân tạo nghiệp bất thiện, Miệng, ý cũng chẳng lành, Nên đọa địa ngục Tưởng, Hoảng sợ đến thất kinh. Ngỗ nghịch với mẹ cha, Hủy báng Phật, Tăng-già? Ngục Dây Đen phải đọa, Khổ không biết ngày ra. Vì tạo ba nghiệp ác, Không tu ba hạnh lành, Nên đọa ngục Đá Ép, Khổ đau tận trời xanh! Tàn bạo và hận sân, Tay đẫm máu sát sanh, Gây ra bao tội ác, Ngục Kêu Gào thất thanh

30. KINH THẾ KÝ 935

Thường làm việc trái sai, Bi lưới ái bủa vây, Địa ngục Kêu Gào đó, Cho kẻ đê hèn này. . M r y Làm nghề nướng thịt quay, Thiêu sông chúng sanh này, Thì đọa ngục Thiêu Nướng, Mãi mãi bi nướng quay. Từ bỏ các nghiệp lành, Không hành đạo tinh thanh, Lại gây nhiêu nghiệp ác, Ngục Thiêu Nướng phải sanh Tội cực ác gây ra, Đường dữ tất phải qua, Thẳng vào ngục Vô Gián, Chịu tội không thể ra. Ngục Tưởng, ngục Dây Đen, Đá Ép và Kêu Gào, Thiêu Nướng, Thiêu Nướng Lớn, Thứ tám là Vô Gián. Tám địa ngục lớn đó Toàn là màu lửa đỏ, Đều do ác nghiệp xưạ, Cùng mười sáu ngục nhỏ. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Giữa hai ngọn núi Kim Cang Lớn có cơn gió lớn trỗi lên, tên là Tăng-khư. Nêu cơn gió này thôi đên bôn châu thiên hạ cùng tám mươi ngàn thiên hạ khác thì nó sẽ thổi đại địa này và các danh sơn cùng núi chúa Tu-di bay khỏi mặt đất từ mười dặm cho đến trăm dặm, tung lên hư không, tất cả thảy đều vỡ vụn, giống như tráng sĩ tay cầm một nắm trấu nhẹ tung lên hư không. Sức mạnh của cơn gió kia, giả sử thổi đến thiên hạ này cũng giống như vậy. Nhờ có hai ngọn núi Kim Cang Lớn ngăn chặn ngọn gió ấy, nên gió không ập đen được. Tỳ-kheo nên biết, hai ngọn núi Kim Cang này có rất nhiều lợi ích, đong thời cũng do kết quả hành nghiệp của chúng sanh chiêu cảm nên. Lại nữa, gió ở khoảng giữa hai ngọn núi này nóng hừng hực. Nếu như luồng gió ấy thổi đến bốn châu thiên hạ thì chúng sanh ở trong đó, ngay cả núi non, biên cả5 sông ngoi, cay coi, rừng rạm đêu sẽ bị cháy khô. Cũng như giữa cơn năng mùa hè, cắt một năm cỏ non đê dưới mặt trời thì cỏ liên khô héo. Cơn gió kia cũng như vậy, nêu thôi đên thê giới này thì hơi nóng đó thiêu rụi tát cả. Nhờ có hai ngọn núi Kim Cang này ngăn chặn lại, nên ngọn gió ấy không thể thổi đến đây được. Tỳ-kheo nên biêt, hai ngọn núi Kim Cang này có rát nhiêu lọi ích, đông thời cũng do kết quả hành nghiệp của chúng sanh mà chiêu cảm nên. [0125c05] Lại nữa, gió ở khoảng giữa hai ngọn núi này thôi đên bóc

mùi bát tịnh, tanh hôi nồng nặc, nếu như luồng gió đó thổi đến bốn châu thiên hạ này thì sẽ xông lên làm cho chúng sanh đều bị mù lòa nhưng nhờ có hai ngọn núi Kim Cang Lớn này ngăn chặn luồng gió ấy, nên không thể thổi đến được. Tỳ-kheo nên biết, hai ngọn núi Kim Cang này có rất nhiêu lợi ích, đông thời cũng do két quả hành nghiệp của chúng sanh mà chiêu cảm nên. Lại nữa, khoảng giữa hai ngọn núi này lại có mười địa ngục: Một tên Hậu Vân, hai tên Vô Vân, ba tên Ha-ha, bốn tên Nại Hà, năm tên Dương Minh, sáu tên Tu-càn-đề, bảy tên Ưu-bát-la, tám tên Câu-vật-đàu, chín tên Phân-đà-lợi,

mười tên Bát-đâu-ma. Vì sao gọi là địa ngục Hậu Vân? Vì tội nhân ở trong địa ngục này tự nhiên sanh ra, thân thể như lớp mây dày đặc cho nên gọi là Hậu Vân. Vì sao gọi là địa ngục Vô Vân? Vì tội nhân ở trong địa ngục này tự nhiên sanh ra, thân thể như khối thịt cho nên gọi là Vô Vân. Vì sao gọi là Ha-ha? Vì chúng sanh chiu tội trong ngục này, đau đớn bức bách, rên la "ối 6i", cho nên gọi là Ha-ha. Vì sao gọi là Nại Hà? Vì chúng sanh chiu tội ở trong địa ngục này, đau đớn bức bách, không có nơi nương tựa, đều thốt lời than trách "sao bây gi&", cho nên gọi là Nại Hà. Vì sao gọi là Dương Minh? Vì chúng sanh chịu tội ở trong ngục này bị hành hình, đau đớn bức bách, muốn kêu la nhưng lưỡi không cử động được, cứ bập bẹ như tiếng dê kêu, nên gọi là Dương Minh. Vì sao gọi là Tu-càn-đề? Vì toàn bộ ngục này tối đen, như màu hoa tu-càn-đề? cho nên gọi là Tu-càn-đề. Vì sao gọi là Ưu-bát-la? Vì toàn bộ ngục này có màu xanh, như màu hoa ưu-bát-la, cho nên gọi là Ưu-bát-la. Vì sao gọi là Câu-vật- đâu? Vì toàn bộ ngục này có màu hông, giông như màu hoa câu-vật-đâu, cho nên gọi là Câu-vật-đầu. Vì sao gọi là Phân-đà-lợi? Vì toàn bộ ngục này có màu trắng, như màu hoa phân-đà-lợi, cho nên gọi là Phân-đà-lợi. Vì sao gọi là Bát- đầu-ma? Vì toàn bộ ngục này có màu đỏ, như màu hoa bát-đầu-ma? cho nên gọi là Bát-đầu-ma. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Ví như cái thùng có sáu mươi bôn hộc, môi hộc đựng đây hạt mè, có một người cứ trăm năm lấy đi một hạt, lần lượt lấy cho đến hết số mè đó thì chúng sanh chiu tội trong địa ngục Hậu Vân vẫn chưa thể chấm dứt. Nấu tội nhân ở địa ngục Hậu Vân hai mươi năm thì bằng một năm ở địa ngục Vô Vân. Tội nhân ở địa ngục Vô Vân hai mươi năm, chỉ bằng một năm ở địa ngục Ha-ha. Tội nhân ở địa ngục Ha-ha hai mươi năm thì chỉ bằng một năm ở địa ngục Nại Hà. Tội nhân ở địa ngục Nại Hà hai mươi năm thì băng ở địa ngục Dương Minh một năm. Tội nhân ở địa ngục Dương Minh hai mươi năm thì băng một năm ở địa ngục Tu-càn-đề. Tội nhân ở địa ngục Tu-càn-đề hai mươi năm thì bằng một năm ở địa ngục Ưu-bát-la. Tội nhân ở địa ngục ưu-bát-la hai mươi năm thì bằng một năm ở địa ngục Câu-vật-đầu. Tội nhân ở địa ngục Câu-vật-đầu hai mươi năm thì bằng một năm ở địa ngục Phân-đà-lợi. Tội nhân ở địa ngục Phân-đà-lợi hai mươi năm thì bằng một năm ở địa ngục Bát-đầu-ma. Tội nhân ở địa ngục Bát-đầu-ma hai mươi năm thì gọi là một trung kiếp, hai mươi trung kiếp thì gọi là một đại kiếp. Trong địa ngục Bát-đầu-ma lửa cháy hừng hực, dù tội nhân ở cách ngọn lửa một trăm do-tuần vẫn bi lửa thiêu đốt. Tội nhân ở cách sáu mươi do-tuần thì hai tai bi điêc, không còn nghe gì cả, nêu cách xa năm mươi do-tuân thì hai mắt đều mù, không còn thấy gì cả. Tỳ-kheo Cù-ba-lê51 với tâm xấu ác, chê bai

51 Câu chuyện về vị Tỳ-kheo này và bài kệ liên quan xuất hiện trong nhiều bản kinh. Xem thêm: Tạp. (Ĩ.02. 0099.1278. Ó351bl2); Biệt Tạp.(r.02. 0100.276. 0470al4); Tăng.(r.02. 0125.21.5. 0603b02); S. I. 323, 325; A. v. í70

Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên nên sau khi chết, bị đọa vào địa ngục Bát-đầu-ma này. [0126al8] Bấy giờ, Phạm vương liền nói bài kệ: Phàm người sống trên đời, Búa rìu ở cửa miệng, Sở dĩ giết chết mình, Đều do lời nói ác. Người đáng chê lại khen, Người đáng khen lại chê, Miệng gây ra nghiệp ác, Thân phải chịu tội ấy. Mánh khóe cướp của cải, Tội ấy vẫn còn nhẹ, Nhưng chê bai Thánh hiền, Tội ấy nặng vô cùng. Đọa Vô Vân, trăm ngàn, Đọa Hậu Vân, bốn mốt, Hủy Thánh, mắc tội này, Do tâm, miệng làm ác. [0126Ồ09] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Phạm thiên nói bài kệ như vậy là lời nói chân chánh, được Phật ấn khả. Vì sao như vậy? Vì Ta, đấng Như Lai, bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác cũng nói nghĩa này: Phàm người sống trên đời, Búa rìu ở cửa miệng, Sở dĩ giết chết mình, Đều do lời nói ác. Người đáng chê lại khen, Người đáng khen lại chê, Miệng gây ra nghiệp ác, Thân phải chịu tội ấy. Mánh khóe cướp của cải, Tội ấy vẫn còn nhẹ, Nhưng chê bai Thánh hiền, Tội ây nặng vô cùng. Đọa Vô Vân, trăm ngàn, Đọa Hậu Vân, bốn mốt, Hủy Thánh, mắc tội này, Do tâm, miệng làm ác. [0126b09] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Trong núi Kim Cang Lớn ở Nam Diêm-phù-đề có cung của Vua Diêm-la. Thành Vua Diêm-la ngự tri, dài rộng sáu ngàn do-tuần. Thành này có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. Nơi Vua Diêm-la cai trị5 ngày đêm ba lần có chảo đồng lớn tự nhiên hiện ra trước mặt. Nếu thấy chảo đồng xuất hiện ' r .x À M , • trong cung thì vua sợ hãi, bỏ ra ngoài cung. Nêu chảo đông xuât hiện ngoài cung thì vua sợ hãi, đi vào trong cung. Có ngục tốt cao lớn bắt Vua Diêm-la năm trên giường săt nóng, lây móc sát cạy miệng roi rót nước đông sôi vào, môi lưỡi đều bỏng, từ cổ họng đến bụng, thông suốt xuống dưới, không chỗ nào là không chín nhừ. Sau khi chịu tội xong, vua cùng vui chơi với các thể nữ. Các vi đại thần nơi đây cùng thọ báo như vậy. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Có ba vị thiên sứ.52 Đó là ba vị nào? Một là già, hai là bệnh và ba là chết. Nêu chúng sanh nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác thì kẻ ây

52 về 3 vị thiên sứ này, xem thêm M. 130, Devadũta Sutta (Kinh Thiên sứ).

sau khi mạng chung sẽ bi đọa vào địa ngục. Lúc đó, ngục tốt dẫn tội nhân đến trước Vua Diêm-la và thưa: “Bây là kẻ mà thiên sứ đòi, cúi xin Đại vương hãy hỏi cung hắn!^^ Vua hỏi tội nhân: "Ngươi không thấy thiên sứ thứ nhất sao?" Tội nhan đáp: "T6i không thấy r Vua lại hỏi: "LÚC làm người, ngươi có thây người đời khi vê già thì tóc bạc, răng rụng, mắt mờ5 da thịt nhăn nheo, lưng còng chống gậy, vừa đi vừa rên rỉ, thân the run rẩy, sức khỏe suy yếu, ngươi có thấy điều này chng?" Tội nhan đáp: "Thưa có thZy!” Vua hỏi tiếp: "Tại sao ngươi không tự nghĩ: 'Ta cũng sẽ như vậy?9,9 Tội nhan đáp: "Lúc đó tôi buông lung, nên không thể tự biết.” Vua nói: "Ngươi buông lung nên không tu tập thân, miệng và ý, không bỏ ác làm lành. Nay ta sẽ cho ngươi biết cái khổ của sự

buông lung.” Vua lại nói: “Nay ngươi phải nhận tội. Tội này không phải của cha mẹ, không phải của anh em, không phải của Thiên đế, cũng không phải của tổ tiên, không phải của hàng tri thức, đây tớ, sứ giả, cũng không phải của Sa-môn hay Bà-la-môn mà tội này do chính ngươi tạo ác nên nay phải tự mình chuốc lấy quả báo.^, [0126c05] Bấy giờ, Vua Diêm-la dùng thiên sứ thứ nhất để hỏi cung tội nhân xong, lại dùng thiên sứ thứ hai để hỏi cung tội nhân: "Thế nào, ngươi có thấy thiên sứ thứ hai chng?" Tội nhan đáp: "Thua, không thấy!" Vua lại hỏi: "Khi làm thân người, ngươi có thây người bệnh tật khôn đôn, bệnh năm liệt giường, tiêu tiểu tại chỗ, không thể cử động, ăn uống phải nhờ người, gân cốt đau nhức, khóc than rên rỉ, không thể nói được. Ngươi có thấy người như thế chng?" Tội nhan đáp: "Thua, có thấy!"

30. KINH THẾ KÝ 939

Vua lại hỏi: "Sao ngươi không tự nghĩ: 'Rồi đây ta cũng sẽ bệnh khổ như vay?"' Tôi nhân đáp: "Vi lúc ấy buông lung nên tôi không tự biết đượcy Vua lại bảo: "Vi chính ngươi buông lung nên không thể tu tập thân, miệng và ý, không bỏ ác làm lành. Nay ta sẽ cho ngươi biết the nào là kho của sự buông lung." Vua lại nói: "Nay ngươi phải nhận tội. Tội này không phải của cha mẹ, anh em, Thiên đế, tổ tiên, hàng tri thức, đầy tớ, sứ giả, Sa-môn hay Bà-la-môn mà tội này do chính ngươi tạo ác nên tự mình phải chuốc lấy quả báo.” Khi Vua Diêm-la dùng thiên sứ thứ hai hỏi cung tội nhân xong, lại dùng thiên sứ thứ ba để hỏi cung tội nhân: “Thế nào, ngươi có thấy vị thiên sứ thứ ba chng?" Tội nhan đáp: “Thua, không thấy!” Vua hỏi tiếp: "Khi làm người, ngươi có thấy người chết, thân hoại mạng chung, các căn hoại diệt, thân thể cứng đơ, giống như cây khô, vứt ngoài gò mả, bị chim muông đến ăn thịt, hoặc bỏ vào quan tài, hoặc dùng lửa thiêu đốt. Ngươi có thấy điều đó chang?” Tôi nhan đáp: "Thật có thấy!” Vua lại hỏi: “Tại sao ngươi không tự nghĩ: 'Rồi đây ta cũng sẽ chết, giống như người đó chẳng khác g?" PT* A • _L -4- L___ Tôi nhan đáp: “Vi khi đó buông lung nên tôi không thể tự biết đượcy Vua lại bảo: "Vi chính ngươi buông lung nên không the tu tập thân, miệng và ý, không bỏ ác làm lành, nay ta sẽ cho ngươi biết cái khổ do buông lung là thế nO." Vua lại nói: "Nay ngươi phải chịu tội. Tội này không phải của cha mẹ, anh em, Thiên dế, tổ tiên, hàng tri thức, đầy tớ? sứ giả, Sa-môn hay Bà-la-môn mà tội này do chính ngươi tạo ác nên phải tự chuốc lấy quả báo."

940 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Bấy giờ, sau khi dùng thiên sứ thứ ba hỏi cung xong, Vua Diêm-la liền giao cho ngục tốt dẫn tội nhân đến địa ngục lớn. Địa ngục lớn này ngang dọc một A 8 trăm do-tuân, sâu một trăm do-tuân. [0127a03] Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ: Bốn hướng có bốn cửa, Ngõ ngách đều như nhau, Dùng sắt làm tường ngục, Trên che màn lưới sắt. Dùng sắt làm nền ngục, Tự nhiên lửa bốc cháy, Ngang dọc trăm do-tuần Đứng yên, không lay động. Lửa đen phừng phục cháy, Cháy mạnh, khó nhìn thay, Có mười sáu ngục nhỏ, Lửa cháy do làm ác. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Khi ấy Vua Diêm-la nghĩ: “Trong đời, những chúng sanh do mê muội không biết nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Do đó, sau khi mạng chung, ít có ai thoát khỏi sự khổ này. Nếu chúng sanh ở thế gian có thê sửa đôi hành vi xâu ác, tu tập thân, miệng, ý và làm việc lành thì

sau khi mạng chung sẽ được an vui, giống như các thiên thần. Nếu ta lâm chung, được sanh vào cõi người, hoặc gặp được đức Như Lai thì ta sẽ ở trong Chánh pháp, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, đem lòng tin thanh tịnh để tu Phạm hạnh, sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Bây giơ, đức The Ton noi kẹ: Dù đã thấy thiên sứ, Nhưng vẫn còn buông lung, Họ ôm lòng lo sợ, Sanh vào chốn ti tiện. Nếu người có trí tuệ, Khi thấy thiên sứ đến, Gần gũi pháp Hiền thánh, Mà không còn buông lung. Thấy thọ sanh mà sợ, Vì sanh, già, bệnh, chết, Không thọ sanh: Giải thoát, Hết sanh, già, bệnh, chết. Người đó được an ổn, Hiện tại chứng vô vi, Đã vượt qua lo sợ, Chắc chắn đạt Niết-bàn.

j.

30. KINH THẾ KÝ 941

5. PHẨM RỒNG VÀ CHIM CÁNH VÀNG53

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, có bốn loài rồng, đó là: Loài sanh từ trứng, loài sanh từ bào thai, loài sanh từ chỗ ẩm thấp và loài do biến hóa mà sanh, đó là bốn loài rồng. Có bốn loài chim Cánh Vàng, đó là: Loài sanh từ trứng, loài sanh từ bào thai, loài sanh từ chỗ ẩm thấp và loài do biến hóa mà sanh, đó ỉa bốn loài chim Cánh Vàng. ở dưới đáy biển lớn có cung điện của vua rồng Sa-kiệt,54 ngang dọc tám mươi ngàn do-tuần, cung điện có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng và bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. Giữa hai ngọn núi chúa Tu-di và núi Khư-đà-la có cung điện của hai vua rồng Nan-đà và Bạt-nan-đà. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần5 có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lóp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng bằng bảy báu,. cho đến có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. [0127b 10] Phía Bắc bờ biển lớn có một cây lớn tên là Cứu-la-thiểm-ma-la.55 Vua rồng và chim Cánh Vàng đều có cây này, thân cây to bảy do-tuần, cao một trăm do-tuàn, bóng cây che phủ bốn phía rộng năm mươi do-tuần. Phía Đông của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sanh ra từ trứng và cung điện của loài chim Cánh Vàng sanh ra từ trứng. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. Phía Nam cây Cứu-la-thiểm-ma-la này có cung điện của loài vua rồng sanh ra từ bào thai và cung điện của loài chim Cánh Vàng sanh ra từ bào thai. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế.

53 Nguyên tác: Long điểu phẩm roi. 0001.30.5. 0127a27. 54 Sa-kiệt long vương ,Sāgara nāgarājā. 55 Cứu-la-thiểm-ma-la .

942 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Phía Tây cây Cứu-la-thiểm-ma-la này có cung điện của loài vua rồng sanh ra từ nơi âm tháp và cung điện của loài chim Cánh Vàng sanh ra từ nơi âm tháp. Môi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuân, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng băng bảy báu,... cho đên có vô sô các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thê. Phía Bác cây Cửu-la-thiêm-ma-la này có cung điện của loài vua rông sanh ra từ sự biến hóa và cung điện của loài chim Cánh Vàng sanh ra từ sự biến hóa. ~ r -t 9 y Môi cung điện ngang dọc đêu sáu ngàn do-tuân, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh tường thành được trang hoàng bằng bảy báu,... cho đen có vô so các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như the. Khi chim Cánh Vàng sanh ra từ trứng muôn bát loài rông đê ăn thịt thì từ nhánh phía Đông của cây Cứu-la-thiểm-ma-la, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biển lớn dạt sang hai bên hai trăm do-tuần5 rồi bắt lấy loài rồng sanh ra từ trứng để ăn một cách tự tại tùy ý nhưng chúng không thể bắt loài rồng sanh ra từ bào thai, từ nơi ẩm thấp và từ biến hóa được. [0127c03] Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ bào thai muốn bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Đông, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biển lớn dạt sang hai bên hai trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn một cách tự tại tùy ý. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ bào thai muốn bắt loài rồng sanh ra từ bào thai để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Nam, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biên lớn dạt sang hai bên bôn trăm do-tuân, roi bát loài rông sanh từ bào thai đê ăn một cách tự tại tùy ý nhưng chúng không bát được loài rông sanh từ 9 r e r 9

nơi âm tháp và từ biên hóa đê ăn. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ nơi âm tháp muôn bát loài rông sanh ra từ trứng đê ăn thịt thì từ nhánh cây phía Đông, chúng bay xuông, vô cánh rẽ nước biển lớn dạt sang hai bên hai trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ trứng đe ăn thịt một cách tự tại tùy ý. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ nơi âm tháp muôn bát loài rông sanh ra từ bào thai để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Nam, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biên lớn dạt sang hai bên bôn trăm do-tuân, roi bát loài rông sanh ra từ bào thai để ăn thịt một cách tự tại tùy ý. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ nơi ẩm thấp muốn bắt loài rồng sanh ra từ nơi ẩm thấp để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Tây, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biển lớn dạt sang hai bên tám trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ nơi âm tháp đê ăn thịt một cách tự tại tùy ý nhimg chúng không bát được loài ròng sanh ra từ biến hóa để ăn thịt.

30. KINH THẾ KÝ 943

Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ sự biến hóa muốn bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Đông, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biên dạt sang hai bên hai trăm do-tuân, roi bát loài rông sanh ra từ trứng để ăn thịt một cách tự tại tùy ý. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ sự biến hóa muốn bắt loài rồng sanh ra từ bào thai để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Nam, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biển dạt sang hai bên bốn trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt một cách tự tại tùy ý. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ sự biên hóa muôn bát loài rông sanh ra từ nơi ẩm thấp để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Tây, chúng bay xuống, vỗ cánh

rẽ nước biển lớn dạt sang hai bên tám trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ nơi ẩm thấp để ăn thịt. Khi loài chim Cánh Vàng sanh ra từ sự biến hóa muốn bắt loài rồng sanh ra từ sự biến hóa để ăn thịt thì từ nhánh cây phía Bắc, chúng bay xuống, vỗ cánh rẽ nước biển lớn dạt sang hai bên một ngàn sáu trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ sự biến hóa để ăn một cách tự tại tùy ý, bởi vì các loài rồng là thức ăn của loài chim Cánh Vàng. Tuy nhiên, có những loài rồng chúa mà loài chim Cánh Vàng không thể bắt được. Những loài rồng đó là: Vua rồng Sa-kiệt, vua rồng Nan-đà? vua rồng Bạt- nan-đà5 vua rông Y-na-bà-la, vua rông Đê-đâu-lại-tra, vua rông Thiện Kiên, vua rông A-16, vua rông Ca-câu-la, vua rông Ca-tỳ-la, vua rông A-ba-la, vua rông Ca-nậu? vua rồng Cù-ca-nậu, vua rồng A-nậu-đạt? vua rồng Thiện Tru, vua rồng Ưu-thiêm-ca-bà-đâu, vua rông Đăc-xoa-ca. Các loài rông chúa này không bị các loài chim Cánh Vàng bắt ăn thịt, đồng thời các loài rồng khác ở gần trú xứ của những loài rồng chúa này cũng không bị loài chim Cánh Vàng bắt ăn thịt. [0128a07] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Nêu chúnệ sanh nào giữ giới của rông, tâm nghĩ đên rông, thực hành theo cách sống của rông thì sẽ sanh vào loài rông. Chúng sanh nào giữ giới của chim Cánh Vàng, tâm nghĩ đên chim Cánh Vàng, thực hành theo cách sông của loài chim Cánh Vàng thì sẽ sanh vào loài chim Cánh Vàng. Chúng sanh nào giữ giới của thỏ, của chim kiêu; tâm nghĩ đến thỏ, chim kiêu; thực hành theo cách sống của thỏ, chim kiêu thì sẽ sanh vào loài thỏ và loài chim kiêu. Nếu chúng sanh nào giữ giới của chó, hoặc giới của bò, hoặc giới của nai, hoặc giữ giới câm lặng, hoặc giữ giới của Ma-ni-bà-đà,56 hoặc giữ giới lửa, hoặc giữ giới mặt trăng, hoặc giữ giới mặt trời, hoặc giữ giới nước, hoặc giữ giới cúng dường lửa, hoặc tu những pháp khổ hạnh ở những nơi dơ bẩn, rồi nghĩ như vầy: “Ta thực hành pháp câm lăng, pháp Ma-ni-bà-đà? pháp thờ lửa, pháp thờ mặt

56 Nguyên tác: Ma-ni-bà-đà giới .,C6 thể đây là giớiluật của giáo phái phụng thờ châu ngoe, như Chân-đà ma-ni hoặc Chấn-đa ma-ni xem châu ngọc ià linh vật có thê giải trừ tai nạn.

trời, mặt trăng, pháp thờ nước, pháp cúng dường lửa và những pháp khổ hạnh, ta đem công đức giữ giới này, nguyện sanh về cõi trời", đây chính là tà kiến. Đức Phật dạy: Ta cho rằng hạng người tà kiến này chắc chắn rơi vào hai cõi: Hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào loài súc sanh. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lập luận như thế này, quan điểm như thế này: “Ngãi và thế giới là thường, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vọng; hoặc ngã và thế giới là vô thường, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều hư vọng; hoặc ngã và thế giới vừa thương vừa vô thường, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều hư vọng; hoặc ngã và thê giới chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vọng; hoặc ngã và thế giới là có giới hạn, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vọng; hoặc ngã và thế giới là không có giới hạn, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đêu là hư vọng; hoặc ngã và thê giới vừa có giới hạn vừa không có giới hạn, chỉ có điêu này là thật, ngoài ra đêu là hư vọng; hoặc ngã và thê giới chẳng phải có giới hạn chẳng phải không có giới hạn, chỉ có điều này là thật, Iiệoài ra đều là hư vọng; hoặc mạng tức là thân, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đêu là hư vọng;

hoặc mạng khác thân khác, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vọng; hoặc chẳng phải có mạng, chẳng phải không có mạng, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vọng; hoặc không có mạng không có thân, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vQng." Hoặc có người cho rằng: "Con người sau khi chết còn tồn tại, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư v?ng"; hoặc có người nói: "Con người sau khi chết không còn tồn tại, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vong"; hoặc nói: "Con người sau khi chét, vừa còn tôn tại vừa không còn tôn tại, chỉ có điêu này là thật, ngoài ra đều là hư vQíig"; lại nói: "Con người sau khi chết, chẳng phải còn tồn tại, chẳng phải không còn tồn tại, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vong." Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập luận như vậy, quan diêm như vậy, nên họ cho rằng: "Thế giới là thường, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là hư vQĩig." Những người ấy, đối với các pháp hữu vi57 họ khởi lên kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: "Ngài và thế giới là thường hằng." Nếu họ cho rằng: "Ngãi và thế gian là vô thường,, thì đối với các pháp hữu vi, họ sẽ khởi kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: "Ngã và thế giới là vô thường.,^ Những ai chủ trương vừa thường vừa vô thường thì đoi với các pháp hữu vi, họ khởi kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: "Thế giới vừa thường vừa là vô thường?9

57 Nguyên tác: Hành .Theo Đại thừa nghĩa chương T.44. 1851.2. 0495a23, sự tập khởi của các pháp hữu vi, gọi đó là "hành",.

Những ai chủ trương chẳng phải thường, chẳng phải vô thường thì đối với các pháp hữu vi, họ khởi kiên châp vê ngã, kiên châp vê mạng, kiên châp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: uNgã và thế giới chẳng phải thường, chẳng phải vô thường.,, [0128b09] Những ai chủ trương ngã và thế giới là có giới hạn thì đối với các pháp hữu vi, họ khởi kiên châp vê ngã, kiên châp vê mạng, kiên châp vê thân, kiến chấp về thế giới, vì thế cho rằng: "Mạng sông có giới hạn, thân có giới hạn, thế giới có giới hạn. Từ khi mới gá vào thai mẹ cho đến lúc chết vứt bỏ ngoài gò mả, những gì thuộc vê thân bôn đại đêu lưu chuyên như vậy, tôi đa bảy lân sanh trở lại, khi thân căn và sanh mạng58 đã hết thì ngã trở về chốn thanh tjnh", nên họ cho rang: "Ngãi là có giới han?9 Những ai chủ trương ngã và thế giới là không giới hạn thì đối vói các pháp hữu vi, họ khởi kiên châp vê ngã, kiên châp vê mạng, kiên châp vê thân, kiên chấp về thế giới, vì vậy họ cho rằng: "Mạng sống là không giới hạn, thân người là không giới hạn, thế giới là không giới hạn. Từ khi mới gá vào thai mẹ cho đến lúc chết vứt bỏ ngoài gò mả? những gì thuộc về thân tứ đại này đều lưu chuyển như vậy, tối đa bảy lần sanh trở lại, khi thân căn và sanh mạng đã hết thì ngã trở về chốn thanh tinh", nên họ cho rằng: "Ngã và thế giới là không giới hạn." Những ai chủ trương thế giới này vừa có giới hạn vừa không có giới hạn thì đối với các pháp hữu vi, họ khởi kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: "Mạng sống vừa có giới hạn vừa không có giới hạn. Từ khi mới gá vào thai mẹ cho đến lúc chết vứt bỏ ngoài gò mả, những gì thuộc về thân tứ đại này đều lưu chuyển như vậy, tối đa bảy lần

sanh trở lại, khi thân căn và sanh mạng đã hết thì ngã trở về chốn thanh tjnh", nên họ cho rằng: "Ngã vừa có giới hạn vừa không có giới hạn." Những ai chủ trương ngã và thế giới chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn, nên đối với các pháp hữu vi, họ khởi kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế giới, nên họ cho rằng: "Mạng sống và thân thể chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn. Từ khi mới gá vào thai mẹ cho đến lúc chết vứt bỏ ngoài gò mả, những gì thuộc về thân tứ đại này đều lưu chuyển như vậy, tối đa bảy lần sanh trở lại, khi thân căn và sanh mạng đã hết thì ngã trở về chốn thanh tinh", nên họ cho rằng: "Ngã chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn.” Những ai chủ trương mạng tức là thân thì đôi với thân này, họ thây có mạng; đối với thân khác, họ cũng thấy có mạng và cho rằng: “Mạng tức là thân." Những ai chủ trương mạng khác, thân khác thì đối với thân này, họ thấy có mạng; nhưng đối với thân khác, họ không thấy có mạng, nên họ cho rằng: “Mạng khác, thin khác.,,

58 Nguyên tác: Mạng hành .Theo SĀ. 1257, mạng hành ở đây chỉ cho năng lượng của nghiệp, cũng chỉ cho sanh mạng.

Những ai chủ trương thân và mạng chẳng có cũng chẳng không thì đối với thân này họ không thấy có mạng; nhtrng đối với thân khác, họ lại thấy có mạng, nên họ cho rằng: "Thân và mạng chẳng có cũng chẳng không?9 Những người chủ trương không có thân, không có mạng, nên đối với thân này và đôi với thân khác họ đêu không thây có mạng, cho nên họ nói: "Không có mạng, không có than/5 Những ai chủ trương con người sau khi chết còn tồn tại thì người đó thấy đời này có thân và mạng, đời sau cũng có thân và mạng tồn tại, cho nên họ nói: “Con người sau khi chết còn tồn tại." Những ai chủ trương con người sau khi chết không còn tồn tại thì họ cho rằng đời này có mạng nhung đời sau không có mạng, cho nên họ nói: "Con người sau khi chết không còn tồn tại." Những ai chủ trương con người sau khi chết vừa tồn tại vừa không còn tồn tại thì họ cho rằng đời này mạng đoạn diệt, đời sau mạng còn tồn tại, cho nên họ nói: "Con người sau khi chết vừa tồn tại vừa không còn tồn tại." Những ai chủ trương con người sau khi chết chẳng phải còn tồn tại, chẳng phải không còn tồn tại, nên họ cho rằng thân và mạng đời này cùng thân và mạng đời sau đều đoạn diệt, cho nên họ nói: “Con người sau khi chết chẳng phải còn tồn tại, chẳng phải không còn tồn tại.” [0128C11] Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: về thời quá khứ xa xua, có vị vua tên Kính Diện. Một hôm, vua triệu tập những người mù bàm sinh vào một nơi roi hỏi họ răng: "Các ngươi bi mù từ khi mới sanh, vậy có ai biết hình dáng của con voi như thế nào kh6ng?" Họ đều đáp: "Tâu Đại vương! Chúng tôi không biết.” Vua hỏi tiếp: "Vậy các ngươi có muốn biết hình dáng của con voi không?,, Họ đáp: “Thua, rất muốn biết!” Bấy giờ, nhà vua liền ra lệnh người hầu, gọi quản tượng dẫn voi đến và bảo những người mù lấy tay sờ thử. Trong số người mù đó, có người sờ trúng vòi voi, vua bảo rằng đó là con voi, hoặc có người sờ trúng ngà voi, có người sờ trúng lỗ tai voi, có người sờ trúng đầu voi, có người sờ trúng lưng voi, có người sờ trúng bụng voi, có người sờ trúng đùi voi, có người sờ trúng chân voi, có người sờ trúng bàn chân voi, có người sờ trúng đuôi voi. Khi mỗi người sờ trúng

mỗi bộ phận của con voi thì nhà vua đều nói: "Đó là con voi."

30. KINH THẾ KÝ 947

Rồi Vua Kính Diện ra lệnh dắt voi đi và hỏi những người mù: “Hinh dáng con voi như thế nào?" Thế là, trong những người mù này, người sờ trúng vòi voi thì bảo voi giống như cái càng xe bị cong, người sờ trúng ngà voi thì bảo voi giống như cái chày, người sờ trúng tai voi thì bảo voi như cái sàng, người sờ trúng đau voi thì bảo voi như cái đỉnh, người sờ trúng limg thì bảo voi như gò đất, người sờ trúng bụng thì bảo voi giống như vách tường, người sờ trúng đùi voi thì bảo voi giống như khúc cây, người sờ trúng chân voi thì bảo voi như trụ cột, người sờ trúng bàn chân thì bảo voi giống như cái cối, người sờ trúng đuôi thì bảo voi giống như cây chổi. Họ tranh cãi nhau về việc đúng sai. Người này bảo như vậy, người kia nói không đúng... cứ thế mà tranh cãi với nhau không dứt.59 [0129a02] Bấy giờ, thấy như vậy rồi, Vua Kính Diện vui vẻ cười lớn và nói bài kệ: Những người mù tập hợp, Tranh cãi về hình voi, Thân voi vôn một thê, Tưởng khác, tranh đúng sai. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Các ngoại đạo tà kiến cũng thế, họ không biết khổ dế, không biết tập đế, không biết diệt đế và không biết đạo đế nên mỗi người có kiến giải khác nhau, từ đó tranh luận đúng sai, ai cũng cho rằng mình là đúng nên xảy ra tranh tụng. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể biết đúng như thật về khổ Thánh dế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế và khổ đạo Thánh đế thì những vị ấy tự tư duy, cùng nhau hòa hợp, vì cùng một lãnh thọ, cùng học một thầy, nên phải hòa hợp như sữa hòa với nước, nhờ vậy pháp Phật mới sáng rỡ, đem lại an lạc lâu dài. LÚC ay, đức The Tôn noi kẹ: Nếu người không biết khổ, Không biết khổ do dâu, Cũng lại không biết khổ, Sẽ diệt tận chốn nào, Cũng lại không thể biết, Pháp diệt khổ từ đâu, Thì mất tâm giải thoát, Tuệ giải thoát mất luôn, Nên không rõ gốc nguồn, Khổ sanh, già, bệnh, chết. Biết sự thật về khổ, Biết khổ là do dâu, Cũng biết rõ khổ kia, Sẽ diệt tận nơi nào, Lại hay khéo phân biệt, Pháp diệt gốc khổ đau, Thì được tâm giải thoát, Tuệ giải thoát cũng vậy. Người này chấm dứt được, Cội gốc của khổ ấm, Hết sanh, già, bệnh, chết Nguồn gốc của tái sanh.60

59 Câu chuyện người mù xem voi còn xuất hiện trong Ud. 66, Pathamanānātitthiyasutta (Kinh thứ nhất về ngoại đạo). 60 Nguyên tác: Thọ hữu ().

948 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này Tỳ-kheo! Thế nên, các thầy hãy nỗ lực khéo léo tư duy Thánh đế về khô, Thanh đe vê nguyên nhan cua kho, Thanh đe ve kho diệt va Thánh đe vê con đường đưa đến khổ diệt.61

61 Bản Hán, hết quyển 19.

30. KINH THẾ KÝ 949

6. PHẢMA-TU-LUÂN62

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Dưới đáy biển lớn ở phía Bắc núi Tu-di có thành a-tu-luân La-ha/3 ngang dọc tám mươi ngàn do-tuần. Thành đó có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh được trang hoàng bằng

bảy báu. Thành cao ba ngàn do-tuần, rộng hai ngàn do-tuần. Cửa thành cao một ngàn do-tuần,64 rộng một ngàn do-tuần. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng,...cho đến có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Thành nhỏ, nơi ngự trị của vua a-tu-luân nằm ở trong thành lớn, có tên là Luân-thâu-ma-bạt-tra,65 ngang dọc sáu mươi ngàn do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đều trang 5 A \ hoàng băng bảy báu. Thành cao ba ngàn do-tuân, rộng hai ngàn do-tuân. Cửa thành cao hai ngàn do-tuân, rộng một ngàn do-tuân. Thành băng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng,... cho đến có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. ở trong thành này có xây riêng một nghị đường tên là Thất-thi-lợi-sa.66 Nghi đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đêu trang hoàng băng bảy báu. Nên nhà được lát băng xà cừ, cột kèo toàn bang bảy báu, các trụ giữa điện đường lớn một ngàn do-tuần, cao mười ngàn do-tuần, dưới mỗi gốc cột đều có tòa Chánh pháp, ngang dọc bảy trăm do-tuần, được điêu khắc, chạm trổ bang bảy báu. Nghi đường có bốn cửa, lan can bao quanh, có bảy lớp bậc thềm, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Phía Băc nghi đường có cung điện a-tu-luân, ngang dọc mười ngàn do-tuân, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng

62 Nguyên tác: A-tu-luân phẩm ỉroi. 0001.30.6. 0129ỒỌỊ. A-tu!un còn gọi là a-tu-la ,,asurā, a-tố-lạc ,một trong những vị thần cổ xưa ở Ấn Độ, thường được xem là thần hiếu chiến hay tranh đâu với trời Đế-thích không ngừng nên có danh từ: A-tu-la trường, a-tu-la chiến, v.v... 63 Nguyên tác: La-ha atuluân . 64 Các bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Cửa cao 2000 do-tuần. 65 Nguyên tác: Luân-thâu-ma-bạt-tra . 66 Nguyen tác: Thất-thilợi-sa .

cây và chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như the. Phía Đông nghị đường có khu vườn rừng tên là Sa-la, ngang dọc mười ngàn do-tuần, khu vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đêu trang hoàng băng bảy báu,... cho đên có nhiêu loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Phía Nam nghị đường có khu vườn rừng tên là Cực Diệu, ngang dọc mười ngàn do-tuần. Sự tráng lệ của khu vườn này giống như vườn Sa-la. Phía Tây nghị đường có khu vườn rừng tên là Diệm-ma, ngang dọc mười ngàn do-tuân. Sự tráng lệ của khu vườn này cũng giông như vườn Sa-la. Phía Băc nghi đường có khu vườn rưng tên là Lạc Lâm, ngang dọc mười ngàn do-tuần. Sự tráng lệ của khu vườn này cũng giống như vườn Sa-la. [0129c03] Giữa hai khu vườn Sa-la và Cực Diệu có cây Trú Độ,67 gốc to bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, nhánh lá che phủ bốn phía rộng năm mươi do tuần. Chung quanh cây có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, đều trang hoàng bang bảy báu,... cho đen có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Giữa hai khu vườn Diệm-ma và Lạc Lâm có ao Bạt-nan-đà? nước trong ao trong sạch mát mẻ, không

chút cặn bẩn, có bảy lớp hào báu vây quanh. Cạnh thềm ao là bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh giáp vòng đều trang hoàng bằng bảy báu. Trong ao mọc bốn loài hoa, lá hoa lớn một do-tuần, hương thơm lan tỏa cũng một do-tuần. Rễ hoa như ổ trục xe, tiết ra nhựa có màu trăng như sữa, vị ngọt như mật, có vô sô các loài chim cùng nhau ca hót. Lại nữa, bên cạnh ao này có bảy lớp bậc thềm, bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có vô số loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Cung điện hạ thần của vua a-tu-luân có chiều ngang dọc mười ngàn do- tuân, hoặc chín ngàn, tám ngàn do-tuân9 cung điện nhỏ nhát là một ngàn do- tuần; mỗi cung điện đều có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Cung điện của các a-tu-luân nhỏ có chiêu ngang dọc một ngàn do-tuân? hoặc chín trăm, tám trăm, cho đến nhỏ nhất là một trăm do-tuần; mỗi cung đều có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây và chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có nhiều loài chim cùng nhau ca hót, cũng như các cõi khác. Phía Bắc nghi đường có bảy đường bậc cấp báu dẫn vào trong cung điện. Lại có đường bậc cấp dẫn đến vườn Sa-la, lại có đường bậc cấp dẫn vào vườn

67 Trú Độ tho Pārichattaka. Xem chú thích 7l, kinh số l, tr. 515.

Cực Diệu, lại có đường bậc cấp dẫn vào vườn Diệm-ma, lại có đường bậc cấp dẫn vào vườn Lạc Lâm? lại có đường bậc cấp dẫn vào cây Trú Độ? lại có đường bậc cấp dẫn vào ao Bạt-nan-đà, lại có đường bậc cấp dẫn vào cung điện các vi đại thần, lại có đường bậc cấp dẫn vào cung điện của các a-tu-luân nhỏ. Nêu vua a-tu-luân muôn đi dạo vườn Sa-la thì chỉ cân nghĩ đên Vua A-tu- luân Tỳ-ma-chất-đa. Khi ấy, Vua A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa lại tự nghĩ: "Vua A-tu-luân La-ha đang nghĩ đến ta9\ lập tức tự mình trang hoàng cỗ xe ngựa báu rồi cùng vô số người theo hầu vây quanh, đi đến trước mặt vua a-tu-luân rồi đứng sang một bên. Khi ấy, vua a-tu-luân lại nghĩ đến Vua A-tu-luân Ba-la-ha? tức thì Vua A-tu-luân Ba-la-ha lại tự nghĩ: "Vua A-tu-luân đang nghĩ đến ta” liên tự mình trang hoàng cô xe ngựa báu, cùng vô sô người theo hâu vây quanh, đi đến trước mặt Vua La-ha và đứng sang một bên. [0l30a07] Khi vua a-tu-luân nghĩ đến Vua A-tu-luân Thiểm-ma-la thì Vua A-tu-luân Thiểm-ma-la cũng lại tự nghĩ: “Vua a-tu-luân đang nghĩ đến ta", lập tức tự mình trang hoàng cô xe ngựa báu, cùng vô sô người theo hâu vây quanh, đi đến trước mặt Vua La-ha rồi đứng sang một bên. Khi vua a-tu-luân lại nghĩ đến đại thần a-tu-luân thì các đại thần a-tu-luân ây cũng tự nghĩ: “Vua đang nghĩ đên ta", lập tức tự mình trang hoàng cô xe ngựa báu, cùng vô số người theo hầu vây quanh, đi đến trước mặt Vua La-ha rồi đứng sang một bên. Khi vua a-tu-luân lại nghĩ đến các a-tu-luân nhỏ thì các a-tu-luân nhỏ cũng tự nghĩ: "Vua đang nghĩ đến ta9\ lập tức tự mình sửa soạn, cùng với mọi người đi đên trước mặt Vua La-ha roi đứng sang một bên. Bấy giờ, Vua La-ha khoác áo báu, cưỡi xe ngựa báu rồi cùng vô số người theo hầu vây quanh đi đến trong vườn Sa-la, tự nhiên có gió thổi làm cửa tự mở, tự

nhiên có gió thôi khiên đát sạch sẽ, tự nhiên có gió thôi khiên hoa rơi trên đát, xác hoa ngập đến đầu gối. Sau khi Vua La-ha đã vào khu vườn, mọi người cùng nhau vui chơi từ một ngày, hai ngày,... cho đến bảy ngày, khi đã chơi thỏa thh thì trở vê cung điện của mình. Sau đó, lại tiêp tục dạo chơi vườn Cực Diệu, vườn Thiểm-ma, vườn Lạc Lâm, cũng lại như vậy. Lúc ấy, Vua La-ha luôn có năm a-tu-luân lớn thường theo hộ vệ hai bên: Một tên Đe Trì, hai tên Hùng Lực, ba tên Võ Di, bốn tên Đầu Thủ, năm tên Tồi Phục. Năm vị a-tu-luân lớn này luôn theo sát hộ vệ hai bên. Cung điện của Vua La-ha nằm dưới đáy biển lớn. Nước biển ở trên được duy trì bởi bốn loại gió: Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bất Động phong, bốn là Kiên Cô phong. Bôn loại gió này giữ cho nước biên lớn treo ngược giữa hư không, giông như mây trôi, cách cung điện a-tu-luân mười ngàn do-tuân, không bao giờ rơi xuống. Phước báu, công đức oai thần của vua a-tu-luân quả thật lớn lao như thế.

952 KINH TRƯỜNG A-HÀM

7. PHẨM TỨ THIÊN VƯƠNG68

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Cách phía Đông núi chúa Tu-di một ngàn do-tuần có thành tên là Hiền Thượng của Thiên vương Đê-đâu-lại-tra, ngang dọc sáu ngàn do-tuân. Thành này có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. Cách phía Nam núi Tu-di một ngàn do-tuần có thành tên là Thiện Kiến của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc, ngang dọc sáu ngàn do-tuân. Thành này có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. Cách phía Tây núi Tu-di một ngàn do-tuần có thành tên là Châu-la Thiện -r _ • y : Kiên của Thiên vương Tỳ-lâu-bà-xoa, ngang dọc sáu ngàn do-tuân. Thành này có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như the. Cách phía Bắc núi Tu-di một ngàn do-tuần có ba thành của Thiên vương Tỳ-sa-môn: Một thành tên là Khả úy, một thành tên là Thiên Kính và một thành tên là Chúng Quy. Mỗi thành ngang dọc sáu ngàn do-tuần. Thành này có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bang bảy báu,... cho đen có vô so loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế. Phía Băc thành Chúng Quy có khu vườn rừng tên là Già-tỳ-diên-đâu9 ngang dọc bốn ngàn do-tuần. Khu vườn được bao bọc bởi bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như thế.

68 Nguyên tác: Tứ Thiên Vương phẩm 0,1. 0001.30.7. 0130b01. Tứ Thiên Vương là 4 vị Thiên vương trấn giữ 4 phương hướng. Bắc Thiên vương còn gọi Đa Văn thiên , cũng gọi ỉa Tỳ-sạ-môn Thiên vương ,Vèssạvạọa, da mau xanh lam, tay trái cầm cờ chiến thắng?tay phai cầm một bảo tháp. Bác Tliien vương là vị Thiên vương quan trọng nhất trong 4 vị Thiên Vương. Nam Thiên vương l

Tăng Tnrongthien ,Virūlhaka co thānmau xanh lá, cầm gươm hộ trì Phát pháp. Đông Thiên vương wcòn gọi Trì Quốc thiên , Dhatarattha, cũng gọi lạĐề-đầu-lại-tra Thiên vương ,có thân màu trắng, tay cầm đàn. Tây Thiên vương còn có tên Quảng Mục thiên Virũpakkha có thân màu đỏ, quán sát thế giới và họ trì chúng sanh.

30. KINH THỂ KÝ 953

Khoảng giữa khu vườn và thành có hồ tên Na-lân-ni, ngang dọc bốn mươi do-tuân. Nước trong hô đó trong sạch mát mẻ, không chút cặn bân. Quanh hô được lát nền bằng bảy báu, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu. Trong hồ có hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, nhiều màu đan xen, ánh sáng phản chiếu đên nửa do-tuân, hương thơm lan tỏa nửa do-tuân. Rê hoa như ô trục xe, tiêt ra nhựa có màu trắng như sữa, vị ngọt như mật,... cho đen có vô số các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như the. Ngoài cung điện Nhật Nguyệt còn có các cung điện của bốn Thiên vương, ngang dọc bốn mươi do-tuần. Các cung điện đều có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh giáp vòng đều trang hoàng băng bảy báu,... cho đên vô sô các loài chim cùng nhau hót vang, cũng lại như the. Các cung điện ấy, có cung điện ngang dọc bon mươi do-tuần, hoặc hai mươi do-tuần, cung điện nhỏ nhất ngang dọc năm do-tuần. Từ thành Chúng Quy có con đường bậc cáp băng báu dân đên thành Hiên Thượng, lại có con đường bậc cáp dân đên thành Thiện Kiên, lại có con đường bậc cáp dân đến thành Châu-la Thiện Kiến, lại có con đường bậc cấp dẫn đến thành Khả Uy, thành Thiên Kính, lại co con đương bậc cấp dẫn đến khu vườn Già-tỳ-diên-đầu, lại có con đường bậc cấp dẫn đến hồ Na-lân-ni, lại có con đường bậc cấp dẫn đến cung điện các đại thần của bốn Thiên vương. [0130c08] Lúc Thiên vương Tỳ-sa-môn muốn đến khu vườn Già-tỳ-diên- đầu thưởng ngoạn, liền nghĩ đến Thiên vương Đề-đầu-lại. Khi ấy, Thiên vương Đề-đầu-lại cũng tự nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến ta9\ lập tức tự trang hoàng cô xe ngựa báu, cùng vô sô thân càn-thát-bà theo hâu trước sau, đi đến trước Thiên vương Tỳ-sa-môn rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương lại nghĩ đến Thiên vương Tỳ-lâu-lặc. Khi ấy, Thiên vương Tỳ-lâu-lặc cũng tự nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến ta", lập tức tự trang hoàng cỗ xe ngựa báu, cùng vô số thần cưu-bàn-trà theo hầu trước sau, đi đến trước Tỳ-sa-môn Thiên vương rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến Thiên vương Tỳ-lâu-bà- xoa. Khi ấy, Thiên vương Tỳ-lâu-bà-xoa cũng tự nghĩ: "Thiên vương Ty-sa- môn đang nghĩ đến lập tức tự trang hoàng cỗ xe ngựa báu cùng vô số thần rông theo hâu trước sau, đi đên trước Thiên vương Tỳ-sa-môn roi đứng sang một bên. Bấy giờ, Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến các đại thần của bốn Thiên vương thì các vi đại thần cũng tự nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến chúng ta", lập tức tự trang hoàng cỗ xe ngựa báu cùng dẫn theo vô số chư thiên, đi đến trước Thiên vương Tỳ-sa-môn rồi đứng sang một bên. LÚC ây, Tỳ-sa-môn Thiên vương tự sửa soạn, mặc y phục báu, cưỡi xe ngựa báu cùng vô sô trăm ngàn thiên thân đên vườn Già-tỳ-diên-đâu. Đên nơi, tự

nhiên có gió thổi khiến cửa tự mở, tự nhiên có gió thổi đất sạch sẽ, tự nhiên có . 2 • r , : M y . .

gió thôi hoa rơi trên đát, xác hoa ngập đên đâu gói. Sau khi Thiên vương Tỳ-sa-môn đã vào khu vườn, mọi người cùng nhau vui chơi từ một ngày, hai ngày,...cho đến bảy ngày. Khi đã vui chơi thỏa thích, mọi người trở về cung điện của mình. Thiên vương Tỳ-sa-môn luôn có năm quỷ thần lớn thường theo hộ vệ hai bên: Một tên Bác-xà-lâu? hai tên Đàn-đà-la, ba tên Hê-ma-bạt-đà, bốn tên Đề-yết-la và năm là Tu-dật-lộ-ma. Phước báu, công đức và oai thần của Thiên vương Tỳ-sa-môn là như thế.

30. KINH THẾ KÝ 955

8. PHẨM TRỜI ĐAO-LỢI69

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Trên đỉnh núi chúa Tu-di có thành của cõi trời Ba Mươi Ba, ngang dọc tám mươi ngàn do-tuần. Thành ấy có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu. Thành cao một trăm do-tuần5 phần trên rộng sáu mươi do-tuần. Cửa thành cao sáu mươi do-tuân9 rộng ba mươi do-tuân, cách nhau khoảng năm trăm do-tuân lại có một cửa thành. Môi cửa thành đêu có năm trăm quỷ thân canh giữ, bảo vệ cõi trời Ba Mươi Ba. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Trong thành lớn ây lại có một thành nhỏ, ngang dọc sáu mươi ngàn do-tuân, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu. Thành cao một trăm do-tuần, rộng sáu mươi do-tuần, cách nhau khoảng năm trăm do-tuần lại có một cửa thành, cao sáu mươi do-tuân9 rộng ba mươi do-tuân. Môi cửa thành đêu có năm trăm quỷ thần đứng canh giữ, bảo vệ cõi trời Ba Mươi Ba. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng, thành bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, thành bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh, thành bằng xích châu thì cửa bằng mã não, thành bằng mã não thì cửa bằng xích châu, thành bằng xà cừ thì cửa bằng các loại báu khác. Các lan can của thành ây5 nêu lan can vàng thì bậc cáp băng bạc, lan can bạc thì bậc cấp bằng vàng, lan can thủy tinh thì bậc cấp bằng lưu ly, lan can lưu ly thì bậc cấp bằng thủy tinh, lan can xích châu thì bậc cấp bằng mã não, lan can mã não thì bậc cấp bằng xích châu, lan can xà cừ thì bậc cấp bằng các loại báu khác. Trên lan can có mành lưới báu, dưới mành lưới vàng thì treo linh bang bạc, dưới lưới bạc thì treo linh bằng vàng, dưới lưới lưu ly thì treo linh bằng thủy tinh, dưới lưới thủy tinh thì treo linh bằng lưu ly, dưới lưới xích châu thì treo linh bằng mã não, dưới lưới bằng mã não thì treo linh bằng xích châu, dưới lưới bang xà cừ thì treo linh bang các loại báu khác. Lại nữa, cây băng vàng thì rê và nhánh đêu băng vàng nhưng lá, hoa và quả đều bằng bạc. Cây bằng bạc thì rễ và nhánh đều bằng bạc nhưng lá, hoa và quả băng vàng. Cây băng thủy tinh thì rê và nhánh đêu băng thủy tinh nhưng hoa và lá bằng lưu ly. Cây bằng lưu ly thì rễ và nhánh đều bằng lưu ly nhưng hoa

69 Nguyên tác: Đao-lợi thiên phẩm (roi. 0001.30.8. 0131a03).

và lá băng thủy tinh. Cây băng xích châu thì rê và nhánh đêu băng xích châu nhưng hoa và lá băng mã não. Cây băng mã não thì rê và nhánh đêu băng mã não nhưng hoa và lá bằng xích châu. Cây bằng xà cừ thì rễ và nhánh đều bằng xà cừ nhưng hoa và lá bằng các loại khác. Bảy lớp tường của thành ấy, mỗi lớp tường đều có bốn cửa, mỗi cửa đều có lan can. Trên bảy lớp tường thành đều có đền đài, lầu gác bao bọc chung quanh, có vườn rừng, ao tắm, mọc các loài hoa quý, nhiều màu đan xen, cây báu xếp thành hàng, hoa quả tốt tươi, gió đưa hương lan tỏa khắp nơi làm vui đẹp lòng người. Chim le le, nhạn, uyên ương cùng các loại chim quý hiếm, có hàng ngàn giống loại không kể xiết, cùng nhau hót vang. Khoảng giữa bên ngoài thành nhỏ có cung điện của vua rồng Y-la-bát, ngang dọc sáu ngàn do-tuần. Vách tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có vô sô các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. [0131b08] Bên trong thành Thiện Kiến có giảng đường Thiện Pháp,70 ngang dọc một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng băng bảy báu. Nen nhà được lát bằng vàng ròng, cẩn lim ly phía trên. Các trụ cột trong chánh điện chu vi mười do-tuần, cao một trăm do-tuần, dưới trụ cột này là nơi đặt ngự tòa của trời Đe-thích, ngang dọc một do-tuần, được trang hoàng bằng bảy báu, màu sắc xen kẽ. Ngự tòa đó mềm mại, mịn như áo trời, hai bên ngự tòa có mười sáu chỗ ngồi. Lại nữa, giảng đường có bốn cửa, có lan can bao quanh, được làm bằng bảy báu. Giảng đường có lối đi bậc cấp, ngang dọc năm trăm do-tuần5 có bảy lớp cửa ngoài, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bang bảy báu,... cho đen có vô so các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Phía Bắc cung Thiện Kiến có cung điện của trời Đế-thích, ngang dọc một ngàn do-tuần. Cung điện có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bang bảy báu,... cho đen có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Phía Đông cung Thiện Kiến có khu vườn rừng tên là Thô Sáp, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đêu trang hoàng băng bảy báu,... cho đên có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Trong vườn Thô Sáp có hai tảng đá, một tên Hiền, hai tên Thiện Hiền, đều được trang trí bằng vàng cõi trời. Mỗi tảng đá ngang dọc năm mươi do-tuần5 tảng đá ấy trơn láng, mịn màng giống như áo trời.

70 Nguyên tác: Thiện Pháp đường ,Sudhamma sabhā, tên giảng đường của trời De-thich, ở góc Tây Nam ngoài thành Thiện Kiên trên đỉnh núi Tu-di. Theo Đại Bát-niết-bàn kinh r. 12. 0374.12. 0438c06, chư thiên ở cõi trời Đao-lợi thường tập hợp ở tòa Thiện Pháp đường này, bàn về các việc của trời và người,, .

30. KINH THẾ KÝ 957

___ r

Phía Nam cung Thiện Kiên có khu vườn rừng tên là Họa Lạc, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Trong khu vườn Họa Lạc có hai tảng dá, một tên Họa, hai tên Thiện Họa, đều do bảy báu tạo thành. Mỗi tảng đá ngang dọc năm mươi do-tuần9 tảng đá ấy trơn láng, min màng giống như áo trời. Phía Tây cung Thiện Kiến có vườn rừng tên là Tạp, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Trong vườn Tạp có hai tảng dá, một tên Thiện Kiến, hai tên Thuận Thiện Kiến, đều được trang trí bằn^ vàng cõi trời và do bảy báu tạo thành. Mỗi tảng đá ngang dọc năm mươi do-tuần, tảng đá ấy trơn láng, mịn màng giống như áo trời. Phía Bác cung Thiện Kiên có khu vườn rừng tên là Đại Hỷ, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Trong vườn Đại Hỷ lại có hai tảng đá, một tên Hỷ? hai tên Đại Hỷ5 được trang trí bằng xà cừ, ngang dọc năm mươi do-tuân, tảng đá ây trơn láng, min màng như áo trời. [0131C13] Khoảng giữa vườn Thô Sáp và vườn Họa Lạc có ao Nan-đà, ngang dọc một trăm do-tuần. Nước trong ao đó trong sạch mát mẻ, không chút bợn nhơ, bao quanh cạnh thềm ao là bảy lớp hào báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu. Bốn phía ao có bốn đường bậc cấp, mỗi bậc cấp có lan can bao quanh, do bảy báu tạo thành,...cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Lại nữa, trong ao mọc bốn loài hoa màu xanh, vàng, đỏ, trắng, lại đan xen với nhiều màu hồng, xanh nhạt. Lá hoa phủ kín một do-tuần? hương thơm lan tỏa một do-tuân, rê hoa như trục xe, lại tiêt ra nhựa, màu trăng như sữa, vi ngọt như mật. Chung quanh bốn phía của ao đều có vườn rừng. Khoảng giữa vườn Tạp và vườn Đại Hỷ có cây tên Trú Độ, thân cây bảy do-tuân, cao một trăm do-tuân9 cành lá phủ kín bôn phía năm mươi do-tuân. Phía ngoài cây này có ngôi đình trống, ngang dọc năm trăm do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Ngoài ra, các cung điện khác của trời Đao-lợi, ngang dọc một ngàn do-tuân? cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như the. Các cung điện còn lại ngang dọc chín

trăm, hoặc tám trăm do-tuân, cung nhỏ nhát một trăm do-tuân. Những cung điện này đều có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,...cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như thế. Những cung điện nhỏ ngang dọc một trăm do-tuân? hoặc chín mươi, hoặc tám mươi, cho đến nhỏ nhất là mười hai do-tuân, cũng có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, chung quanh đều trang hoàng bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng lại như the.

[0132a07] Phía Bắc cung Thiện Kiến có hai đường bậc cấp dẫn đến cung điện Đế-thích. Phía Đông cung Thiện Kiến có hai đường bậc cấp dẫn đến vườn Thô Sáp, lại có đường bậc cấp dẫn đến vườn Họa Lạc, lại có đường bậc cấp dẫn đến vườn Tạp, lại có đường bậc cấp dẫn đến vườn Đại Hỷ, lại có đường bậc cấp dẫn đến ao Đại Hỷ, lại có đường bậc cấp dẫn đến cây Trú Độ, lại có đường bậc cấp dẫn đến cung điện trời Ba Mươi Ba, lại có đường bậc cấp dẫn đến cung điện của chư thiên, lại có đường bậc cấp dẫn đến cung điện vua rồng Y-la-bát Khi trời Đế-thích muốn đến vườn Thô Sáp thưởng ngoạn, liền nghĩ đến các thiên thân của cõi trời Ba Mươi Ba, khi ây các thiên thân của cõi trời Ba Mươi Ba liền tự nghĩ: “E)éthích đang nghĩ đến ta”, lập tức tự trang hoàng cỗ xe ngựa báu cùng vô sô người theo hâu vây quanh đi đên trước mặt trời Đê-thích, rồi đứng sang một bên. Đế-thích lại nghĩ đến các chư thiên khác, chư thiên ấy liền tự nghĩ: "E)ế-thích đang nghĩ đến ta", lập tức tự frang hoàng cỗ xe ngựa báu cùng với các chư thiên khác đi đên trước mặt Đê-thích, roi đứng qua một bên. Đế-thích lại nghĩ đến vua rồng Y-la-bát thì vua rồng Y-la-bát liền tự nghĩ: "Bế-thích đang nghĩ đến ta”, lập tức biến ra thân hình có ba mươi ba dầu, mỗi đâu đêu có sáu sừng, môi sừng đêu có bảy ao tăm, môi ao tăm đêu có bảy hoa sen lớn, mỗi hoa sen lớn đều có một trăm cánh, mỗi cánh hoa đều có bảy ngọc nữ đánh trống, ca hát, nhảy múa, gảy đàn, vỗ nhịp ở trên đó. Sau khi biến hóa xong, vua rông liên đi đên trước mặt Đê-thích roi đứng sang một bên. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân đeo các trang sức báu và chuỗi ngọc quý vào thân rồi ngự trên đỉnh đầu thứ nhất của vua rồng Y-la-bát. Ke đó, mười sáu vi Thiên vương chia đều hai bên, theo thứ tự ngồi trên đỉnh đầu của vua rồng. Khi Thiên Đế-thh cùng vô số chư thiên và quyến thuộc vây quanh đi đến vườn Thô Sáp, tự nhiên có gió thổi khiến cửa tự mở, tự nhiên có gió thổi khiến đất sạch sẽ, tự nhiên có gió thổi làm hoa rơi trên mặt đất, xác hoa ngập đến đầu gối. Thế rồi, Thiên Đế-thích tự tại ngự trên hai tảng đá Hiền và Thiện Hiền, sau đó ba mươi ba vi Thiên vương cũng đều theo thứ tự mà ngồi. Lại có những chư thiên không được phép theo hầu để thấy được khu vườn ấy, không được vào 9 y . — c —

vườn đê cùng hưởng niêm vui năm dục. Vì sao như vậy? Vì do công đức và hạnh nghiệp không đồng. Lại có những chư thiên được thấy khu vườn ấy nhưng

30. KINH THÉ KÝ 959

không được vào, không được cùng hưởng niềm vui năm dục. Vì sao như vậy? Vì công đức và hạnh nghiệp không đồng. Lại có chư thiên được thấy, được vào khu vườn ấy nhưng không được cùng hưởng niềm vui năm dục. Vì sao như vậy? Vì công đức và hạnh nghiệp cũng không đồng. Lại có chư thiên được thấy, được vào khu vườn ấy và được cùng hưởng niềm vui năm dục. Vì sao như vậy? Vì công đức và hạnh nghiệp đồng nhau. [0132bl0] Sau khi Đê-thích đã vào khu vườn này, mọi người cùng nhau vui chơi từ một ngày, hai ngày,... cho đến bảy ngày, khi đã vui chơi thỏa thích thì trở về cung điện của mình. Trời Đế-thích lại tiếp tục dạo chơi vườn Họa Lạc, vườn Tạp và vườn Đại Hỷ, cũng lại như vậy. Vì sao gọi là vườn Thô Sáp? Vì khi vào trong khu vườn này thì thân thể tự nhiên thô nhám. Vì sao gọi là vườn Họa Lạc? Vì khi vào trong khu vườn này thì thân thể tự nhiên có những nét màu như vẽ nên lấy đó làm vui thích. Vì sao gọi là

vườn Tạp? Vì thường vào những ngày mùng tám, mười bốn và rằm mỗi tháng, ngoại trừ a-tu-la nữ, còn các thể nữ khác được phép tự do cùng đùa giỡn xen lẫn với các thiên tử, nên gọi là vườn Tạp. Vì sao gọi là vườn Đại Hỷ? Vì lúc vào khu vườn này thì hoan hỷ vui chơi, nên gọi là Đại Hỷ. Vì sao gọi là giảng đường Thiện Pháp? Vì khi nhóm họp nơi đây, tư duy về diệu pháp, cảm thọ niềm vui thanh tịnh, cho nên gọi là giảng đường Thiện Pháp. Vì sao gọi là cây Trú Độ? Vì cây này có vi thần tên Mạn-đà, thường tự gảy đàn ca hát để tự vui thích, cho nên gọi là Trú Độ. Vả lại, cây này lớn, cành nhánh che phủ bốn bề, hoa lá sum suê như đám mây báu lớn, nên gọi là Tru Độ. Thích-đề-hoàn-nhân thường có mười vị thiên tử lớn theo hầu cận, bảo vệ hai bên. Những vị đó là: Một tên Nhân-đà-la, hai tên Cù-di, ba tên Tỳ-lâu, bốn tên Tỳ-lâu-bà-đề, năm tên Đà-la9 sáu tên Bà-la, bảy tên Kỳ-bà? tám ten Linh-ê- nậu, chín tên Vật-la va mười tên Nan-đầu. Thích-đề-hoàn-nhân có thần lực lớn và oai đức lớn như thế. Lại nữa, người ở cõi Diêm-phù-đề rất quý loài hoa mọc trong nước như: Hoa ưu-bát-la, hoa bát-đầu-ma5 hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi, hoa tu-càn- đầu? hương thơm nhẹ nhàng, tinh khiết. Lại có các loài hoa mọc ở đất liền như: Hoa giải thoát, hoa chiêm-bặc, hoa bà-la-đà, hoa tu-mạn-châu-na5 hoa bà-sư, hoa đông nữ. Các cõi Câu-da-ni, Uất-đan-việt, Phất-vu-đãi, cung Rồng, cung chim Cánh Vàng cũng có các loại hoa mọc trong nước và trên đất liền như thế. Cung a-tu-la có các loại hoa sông trong nước như: Hoa ưu-bát-la9 hoa bát- đầu-ma, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi, hương thơm nhẹ nhàng, tinh khiết. Các loài hoa mọc ở trên đất liền như: Hoa thù hảo, hoa tân-phù, hoa đại tân- phù, hoa già-già-lợi, hoa đại già-già-lợi, hoa mạn-đà-la, hoa đại mạn-đà-la. Lại nữa, ở các cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Ba Mươi Ba, cõi trời Diệm-ma, cõi trời Đâu-suất, cõi trời Hóa Tự Tại và cõi trời Tha Hóa Tự Tại cũng yêu quý các loại hoa sống trong nước và trên đất liền như thế.

[0132c09] Chư thiên có mười phép. Những gì là mười? Một là bay đi không giới hạn. Hai là bay đến không giới hạn. Ba là đi vô ngại. Bôn là đên vô ngại. Năm là thân chư thiên không có da, xương, gân, mạch máu và thịt. Sáu là thân không có đại tiểu tiện bất tinh. Bảy là thân không mỏi mệt. Tám là thân thiên nữ không sinh sản. Chín là mắt trời không nháy. Mười là thân hiện màu sắc theo ý mình, như thích màu xanh thì hiện màu xanh, thích màu vàng thì hiện màu vàng, thích đỏ? trắng hay các màu sắc khác, đều tùy theo ý thích mà hiện. Đó là mười phép của chư thiên. Con người có bảy màu sắc. Những gì là bảy? Có người màu ánh kim, có người màu lửa, có người màu xanh, có người màu vàng, có người màu đỏ, có người màu đen, có người màu trắng. Chư thiên, a-tu-la cũng có bảy sắc màu như thế. Này Tỵ-kheo! Ánh sáng đom đóm không bằng ánh sáng đèn, nến; ánh sáng đèn, nen không bằng ánh sáng bó đuốc, ánh sáng bó đuốc không bằng ánh sáng của đống lửa, ánh sáng của đống lửa không bằng ánh sáng từ cung điện, thành quách, chuỗi ngọc, y phục và thân thể của Tứ Thiên Vương; ánh sáng từ cung điện, thành quách, chuỗi ngọc, y phục và thân thể của Tứ Thiên Vương không bằng ánh sáng của trời Ba Mươi Ba, ánh sáng của trời Ba Mươi Ba không bằng ánh sáng trời Diệm-ma, ánh sáng trời Diệm-ma không bằng ánh sáng cõi trời Đâu-suất, ánh sáng cõi trời Đâu-suất không bằng ánh sáng của cõi trời Hóa Tự Tại, ánh sáng của cõi trời

Hóa Tự Tại không bằng ánh sáng của cối trời Tha Hóa Tự Tại, ánh sáng của cõi trời Tha Hóa Tự Tại không bằng ánh sáng từ cung điện, y phục, thân thể của trời Phạm-ca-di; ánh sáng từ cung điện, y phục, thân thể của trời Phạm-ca-di không bằng ánh sáng của trời Quang Am, ánh sáng của trời Quang Âm không bằng ánh sáng của cõi trời Biến Tinh, ánh sáng của cõi trời Biến Tịnh không bằng ánh sáng của cõi trời Quả Thật, ánh sáng của cõi trời Quả Thật không bằng ánh sáng của trời Vô Tưởng, ánh sáng của trời Vô Tưởng không bằng ánh sáng của trời Vô Tạo, ánh sáng của trời Vô Tạo không bằng ánh sáng của trời Vô Nhiệt, ánh sáng của trời Vo Nhiệt không bằng ánh sáng của trời Thiện Kiến, ánh sáng của trời Thiện Kiến không bằng ánh sáng trời Đại Thiện, ánh sáng của trời Đại Thiện lại không bang ánh sáng của cõi trời Sắc Cứu Cánh, ánh sáng của trời sắc Cứu Cánh không bằng ánh sáng của trời Đại Tự Tại; ánh sáng của của trời Đại Tự Tại không bằng ánh sáng của đức Phật. Gom hết tất cả ánh sáng, từ ánh sáng của đom đóm,... cho đến ánh sáng của đức Phật, cũng không băng ánh sáng của khô đê, tập đê, diệt đê và đạo đế. Vì thế, này các Tỳ-kheo! Muốn tìm cầu ánh sáng, nên tìm cầu ánh sáng của khổ đế, tập đe, diệt đế và đạo đế. Các thầy hãy nên như vậy mà tu hành. [0133al0] Thân người cõi Diêm-phù cao ba khuỷu tay rưỡi, áo dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay rưỡi. Thân người Cù-da-ni và Phất-vu-đãi cũng cao ba khuỷu tay rưỡi, áo dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay rưỡi. Thân người uất- đan-việt cao bảy khuỷu tay, áo dài mười bon khuỷu tay, rộng bảy khuỷu tay, y

30. KINH THẾ KÝ^ 961

phục nặng một lượng. Thân a-tu-la cao một do-tuân? áo dài hai do-tuân, rộng một do-tuần, y phục nặng sáu thù.71 Thân của Tứ Thiên Vương cao nửa do-tuần9 áo dài một do-tuần, rộng nửa do-tuần, y phục nặng nửa lượng. Thân của trời Đao-lợi cao một do-tuần9 áo dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, phục nặng sáu Ỵ

thù. Thân của trời Diệm-ma cao hai do-tuần, áo dài bon do-tuần, rộng hai do- 1 Ạ A . 9 A M f tuân, y phục nặng ba thù. Thân của trời Đâu-suất cao bôn do-tuân, áo dài tám do-tuần, rộng bốn do-tuàn, y phục nặng một thù rưỡi. Thân của trời Hóa Tự Tại cao tám do-tuần, áo dài mười sáu do-tuầĩì, rộng tám do-tuần9 y phục nặng một thù. Thân của trời Tha Hóa Tự Tại cao mười sáu do-tuần? áo dài ba mươi hai dotuân, rộng mười sáu do-tuân9 y phục nặng nửa thù. Từ chư thiên trở lên, môi nơi tùy theo thân của họ mà mặc y phục. Tuổi thọ của người cõi Diêm-phù-đề là một trâm tuổi, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của người cõi Cù-da-ni là hai trăm tuổi, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của người cõi Phất-vu-đãi là ba trăm tuổi, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của người cõi uất-đan-việt là một ngàn tuổi, không tăng không giảm. Tuổi thọ của cõi nga quỷ là bảy mươi ngàn năm, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ loài rồng và chim Cánh Vàng là một kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của a-tu-la là một ngàn tuổi cõi trời, hoặc hơn kém sô đó một ít. Tuôi thọ của Tứ Thiên Vương là năm trăm tuổi cõi trời, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của trời Đao-lợi là một ngàn tuổi cõi trời, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của trời Diệm-ma là hai ngàn tuổi cõi trời, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của trời Đâu-suất là bốn ngàn tuổi cõi trời, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ của trời Hóa Tự Tại là tám ngàn tuổi cõi trời, hoặc hơn kém số đó một ít. Tuổi thọ

của trời Tha Hóa Tự Tại là mười sáu ngàn tuôi cõi trời, hoặc hơn kém sô đó một ít. Tuổi thọ của trời Phạm-ca-di là một kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Quang Âm là hai kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Biến Tịnh là ba kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Quả Thật là bốn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của trời Vô Tưởng là năm trăm kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Vô Tạo là một ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Vô Nhiệt là hai ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Thiện Kiến là ba ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Đại Thiện Kiến là bốn ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Sắc Cứu Cánh là năm ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Không Vô Biên Xứ là mười ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Thức Vô Biên Xứ là hai mươi mốt ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Vô Sở Hữu Xứ là bôn mươi hai ngàn kiêp9 hoặc ít hơn. Tuổi thọ của cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ là tám mươi bốn ngàn kiếp, hoặc ít hơn. Trong giới hạn ấy, được gọi là chúng sanh; trong giới hạn ấy, được gọi là 2. e r r • r .

tuôi thọ; trong giới hạn ây, được gọi là thê giới; trong giới hạn ây, được gọi là sự luân chuyển của tập hợp uẩn, xứ? giới, qua lại trong các cõi, sanh, già, bệnh, chết.

71 Thù :Đơn vị đo trọng lượng cổ đại, 24 thù bằng l lượng.

962 KINH TRƯỜNG A-HÀM

[0133b17] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Tất cả chúng sanh đều nhờ bốn loại thức ăn mà tồn tại. Bốn loại ấy là gì? Một là đoàn thực hay te hoạt thực. Hai là xúc thực. Ba là niệm thực. Bon là thức thực. Những loại thức ăn của chúng sanh không giống nhau. Như con người cõi Diêm-phù-đề dùng các loại cơm, bún, mì, cá, thịt làm đoàn thực, còn tắm gội, y phục là te hoạt thực. Con người cõi Cù-da-ni và Phất-vu-đãi cũng dùng các loại cơm, bún, mì, cá, thịt làm đoàn thực, còn tắm gội, y phục là tế hoạt thực. Con người cõi Uất-đan-việt chỉ dùng lúa thóc tự nhiên, đây đủ các vị ngon bô làm đoàn thực, còn tắm gội, y phục là tế hoạt thực. Loài rồn^ và chim Cánh Vàng dùng cá, ba ba... làm đoàn thực, còn tăm gội, y phục là tê hoạt thực. A-tu-la dùng thức ăn tinh sạch làm đoàn thực, còn tắm gội, y phục là tế hoạt thực. Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi, trời Diệm-ma9 trời Đâu-suất, trời Hóa Tự Tại và trời Tha Hóa Tự Tại đều lấy thức ăn tinh sạch làm đoàn thực, còn y phục, tắm gội là tế hoạt thực. Chư thiên từ cõi này trở lên đều dùng hỷ lạc của thiền định làm thức ăn. Những chúng sanh nào dùng xúc thực? Những chúng sanh được sanh ra từ trứng đều dùng xúc thực. Những chúng sanh nào dùng niệm thực? Có những chúng sanh nhờ vào niệm thực mà được tồn tại, tăng trưởng các căn và duy trì thân mạng, đó là niệm thực. Những chúng sanh nào dùng thức thực? Là những chúng sanh ở địa ngục và cõi trời Vô sắc đều dùng thức thực. [0133c04] Người ở cõi Diêm-phù-đê tự nuôi sông băng nghê kinh doanh mua bán các thứ vàng bạc, châu báu, lúa gạo, gấm lụa, nô bộc. Người ở cõi Cù-da-ni tự nuôi sống bằng nghề mua bán, trao đổi bò dê, châu báu. Người ở cõi Phất-vu-đãi tự nuôi sống bằng nghề mua bán lúa gạo, gấm lụa, châu ngọc. Người ở cõi uất-đan-việt không nuôi sống bằng nghề buôn bán nhung vẫn mưu sinh để tự nuôi sống. Người cõi Diêm-phù-đề, cối Cù-da-ni và Phất-vu-đãi đều có hôn nhân qua lại, có sự cưới gả giữa nam và nữ. Người uất-đan-việt thì không có hôn nhân, không có sự cưới gả giữa nam và nữ. Loài rồng, chim Cánh

Vàng và a-tu-la cũng có hôn nhân, có sự cưới gả giữa nam và nữ. Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi cho đến trời Tha Hóa Tự Tại cũng có hôn nhân, có sự cưới gả giữa nam và nữ. Chư thiên từ cõi này trở lên thì không còn nam và nữ. Người ở cõi Diêm-phù-đề, do có sự giao hội giữa nam và nữ, hai thân xúc chạm nhau nên sanh ra âm dương. Người cõi Cù-da-ni, Phất-vu-đãi và cõi uất-đan-việt cũng đều do hai thân xúc chạm nhau nên sanh ra âm dương. Loài rồng và chim Cánh Vàng cũng do hai thân xúc chạm nên sanh ra âm dương. Loài a-tu-la do hai thân gần nhau, phát sanh khí mà thành âm dương. Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi cũng như vậy. Trời Diệm-ma thì khi gần nhau liền sanh âm dương. Trời Đâu-suất khi nam nữ nắm tay nhau tức thành âm dương. Trời Hóa Tự Tại khi họ nhìn ngắm nhau tức thành âm dương. Trời Tha Hóa Tự Tại khi họ nháy mắt tức thành âm dương. Chư thiên từ cõi này trở lên thì không còn dâm dục.

30. KINH THẾ KÝ 963

r e y

Nêu có chúng sanh nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác thì sau khi thân hoại mạng chung bị đọa vào địa ngục, thức sau cùng ở cõi này diệt, thức trong loài địa ngục72 bắt đầu sanh, do có thức mà có danh sắc, do có danh sắc mà có lục nhập. Hoặc có chúng sanh thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác thì sau khi thân hoại mạng chung bị đọa vào loài súc sanh, thức sau cùng ở cối này diệt, thức trong cõi súc sanh bắt đầu sanh, do có thức r r

mà có danh sác, do có danh sác mà có lục nhập. Hoặc có chúng sanh thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác thì sau khi thân hoại mạng chung bi đọa vào loài nga quỷ, thức sau cùng ở cõi này diệt, thức trong cõi nga quỷ bắt đầu sanh, do có thức mà có danh sắc, do có danh sắc mà có lục nhập. Hoặc có chúng sanh nào thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện thì sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào loài người, thức sau cùng ở cõi này diệt, thức trong cõi người bắt đầu sanh, do có thức mà có danh r r

sác, do có danh sác mà có lục nhập. [0134a01] Hoặc có chúng sanh thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện thì sau khi thân hoại mạng chung được sanh trong cõi Tứ Thiên Vương, thức sau cùng ở cõi này diệt, thức trong Tứ Thiên Vương bắt đầu sanh, r r

do có thức mà có danh sác, do có danh sác mà có lục nhập. Lúc mới sanh ở cõi trời, hình hài như đứa trẻ một hai tuổi ở nhân gian, tự nhiên hóa hiện, ngồi trên đâu gói vi trời. Vị trời ây liên nói: "Đây là con ta." Do phước báo hạnh nghiệp nên tự nhiên trí tuệ phát sanh, liền tự nghĩ: "Ta do hành nghiệp gì mà nay sanh vào cõi này?" Rồi lại nghĩ: "Xua, ta làm người trong nhân gian, thân làm hạnh lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, nhờ hạnh nghiệp này, nay được sanh lên cõi trời. Nêu sau khi mạng chung ở cõi này, sanh trở lại trong nhân gian thì cũng giữ gìn thân, miệng và ý trong sạch, nỗ lực tu tập, siêng năng làm các hạnh lành gấp bội phần trước kia.” Đứa trẻ cõi trời sanh ra không lâu sau thì biêt đói, lúc ây tự nhiên có bát báu đựng thức ăn thanh tịnh tự nhiên của cõi trời hiện ra trước mặt, đủ trăm hương vị. Nếu đứa trẻ cõi trời này nhiều

phước thì thức ăn trong bát có màu trắng, ít phước hơn thì thức ăn có màu xanh, phước mỏng thì thức ăn hiện màu đỏ. Đứa bé đó dùng tay bốc thức ăn để vào miệng, thức ăn tự nhiên tan biến, như bơ ném vào trong lửa. Ăn xong, đứa bé vừa mới có cảm giác khát thì có chén báu đựng nước cam lồ tự nhiên hiện đến. Nếu đứa trẻ cõi trời này nhiều phước thì nước trong chén có màu trắng, ít phước hơn thì nước trong chén có màu xanh, phước mỏng thì nước trong chén hiện màu đỏ. Đứa bé bưng nước uống, nước tự nhiên tiêu hóa, như bơ ném vào trong lửa. Ăn uống xong, thân thể đứa bé ấy bỗng nhiên cao lớn, sánh bằng các vị trời khác, liền vào ao tắm, tắm gội sạch sẽ? tự hưởng thú vui. Sau khi tự hưởng thú vui, vị trời ra khỏi ao, đến bên cây Hương, cây tự rũ xuông5 roi tự tay lây các loại hương xoa lên thân thê. Sau đó

72 Nguyên tác: Nê-lê nirayo.

r — M y • Ả 'M . lại đên cây Y Kiêp-bôi, cây tự rũ xuông, vị trời ây tự tay lây các loại y phục, mặc vào thân mình. Roi đên cây Trang Nghiêm, cây tự rũ xuông, vị trời ây tự tay lấy các thứ trang sức, tự trang sức cho mình. Lại đến cây Man, cây tự rũ xuống, vị trời liên tự tay lây các loại tràng hoa cài lên đâu. Tiêp theo đên cây Khí, cây tự rũ xuống, vị trời ấy liền tự tay lấy các vật dụng quý báu. Sau đó đến cây Quả, cây tư rũ xuống, vị trời tự tay hái trái tự nhiên, hoặc ăn9 hoặc ngậm, hoặc vắt lấy nước uống. Lại đến cây Nhạc Khí, cây tự rũ xuống, vị ấy lấy các loại nhạc khí cõi trời, gảy lên âm thanh trong trẻo hòa quyện lời ca. Roi vị trời ấy đến các khu vườn, trông thấy vô số thiên nữ đang gảy đàn? đánh trống, ca hát, nói cười cùng nhau. Vị trời ấy dạo chơi, thấy những cảnh như vậy thì sanh tâm đắm nhiễm, đến nỗi nhìn Đông thì quên Tây, nhìn Tây thì quên Đông. Tuy lúc mới sanh, đứa trẻ tự biết và suy nghĩ: "Ta do hành nghiệp gì mà nay được sanh về cõi này?" nhưng trong lúc dạo chơi ngắm cảnh, vị trời ấy lại quên hết ý niệm này. Ngay khi ấy, vị trời liền có thể nữ theo hầu. [0134b02] Nếu có chúng sanh thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành thì sau khi mạng chunẹ được sanh về cõi Đao-lợi, thức sau cùng ở cõi này diệt, thức trong cõi ây băt đâu sanh. Do có thức này mà có danh sác, do có danh sắc mà có lục nhập. Khi đứa trẻ mới sanh, hình thể giống như đứa bé hai, ba tuổi ở cõi Diêm-phù-đề, tự nhiên hóa hiện, ngồi trên đầu gối của vi trời. Vi trời ấy liền nói: "Dây là con trai ta, đây là con gái ta.” Sự việc cũng như đã kể trên. Hoặc có chúng sanh thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, sau khi mạng chung được sanh vào cõi trời Diệm-ma. Khi đứa trẻ mới sanh, hình thể giống như đứa bé ba, bốn tuổi ở cõi Diêm-phù-đề. Hoặc có chúng sanh thân, miệng và ý đêu hành thiện, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vê cõi trời Đâu-suất. Khi đứa trẻ mới sanh, hình thê giống như đứa bé bon, năm tuổi ở the gian này. Hoặc có chúng sanh thân, miệng và ý đều hành thiện, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi trời Hóa Tự Tại. Khi đứa trẻ mới sanh, hình thê giông như đứa bé năm, sáu tuôi ở thê gian này. Hoặc có chúng sanh thân, miệng và ý đều hành thiện, sau khi mạng chung được sanh vào cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Khi đứa trẻ mới sanh, hình thể giống như đứa bé sáu, bảy tuổi ở thế gian này, cũng lại như vậy. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Mỗi nửa tháng có ba ngày trai giới, đó là ngày mùng tám, ngày mười bốn và ngày rằm. Đó là ba

ngày trai giới. Vì sao lấy mùng tám làm ngày trai giới? Vì vào ngày mùng tám, Tứ Thiên Vương thường bảo sứ giả: “Các ngươi hãy đi tuần tra thế gian, quan sát muôn dân, xem xét có ai biết hiếu thuận với cha mẹ, cung kính Sa-môn? Bà-la-môn, tôn trọng trưởng lão, tu trì trai giới, bố thí cúng dường, cứu giúp những người nghèo khổ chăng?,, Bấy giờ, vâng lệnh Tứ Thiên Vương, sứ giả liền đi tuần tra khắp thiên hạ để biết được những ai hiếu thảo cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trọng

30. KINH THÊ KÝ 965

A . 9

các trưởng lão, tu trì trai giới, bô thí cho người nghèo khô. Sau khi quán sát kỹ, thấy trong đời phần nhiều bất hiếu với cha mẹ, không cung kính thầy tổ, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo đói, sứ giả liền trở về thưa: "Tâu Thiên vương! ở thế gian, người hiếu thuận cha mẹ, tôn thờ sư trưởng, tu hành trai giới thanh tịnh, bố thí cho người nghèo khó, quả thật rất ít, rất ít!” Vừa nghe xong, Tứ Thiên Vương buôn bã không vui, roi nói: "Than ôi! Thật đáng buồn thay! Nếu người ở thế gian làm nhiều điều xấu ác, không hiếu thảo với cha mẹ, không kính trọng thầy tổ, không tu tập trai giới, không bô thí cho người nghèo khô thì chúng trời sẽ giảm xuống, chúng a-tu-la sẽ tăng thêm,,, r r JF e e r

Nêu sứ giả trông thây ở thê gian có người hiên thuận với cha mẹ5 tôn thờ sư trưởng, siêng năng tu hành trai giới, bố thí cho người nghèo khó thì trở về thưa với Thiên vương: "O thê gian có những người biêt hiêu thảo với cha mẹ, cung kính tôn thờ thầy tổ, siêng năng tu hành trai giới, bố thí cho người ngh©0.” Tứ Thiên Vương nghe xong, vô cùng hoan hỷ nói rằng: "Hay thay! Ta nhận được tin tốt lành. Nếu thế gian có người biết hiếu thảo với cha mẹ? tôn thờ sư trưởng, siêng tu trai giới, bố thí cho người nghèo khổ thì chúng trời sẽ tăng thêm, chúng a-tu-la giảm xu6ng." [0134c05] Vì sao lấy ngày mười bốn làm ngày trai giới? Vì vào ngày đó, Tứ Thiên Vương thường bảo thái tử: "Ngươi hãy đi tuân tra kháp thiên hạ, quan sát muôn dân, xem xét trong đời CÓ ai biêt hiêu thảo với cha mẹ? tôn thờ sư trưởng, siêng tu tập trai giới, bô thí cho người nghèo khó chăng?,, Vâng lệnh vua, thái tử liền đi tuần khắp thế gian, quan sát muôn dân, biết được ở thế gian có những người bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính sư trưởng, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo khó. Khi quan sát xong, thái tử liên trở vê cung thưa: "Tâu Thiên vương! Người ở thế gian hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, tu hành trai giới thanh tịnh, cứu giúp những người nghèo khó, quả thật rất ít, rất ít!” Vừa nghe xong, Tứ Thiên Vương buồn bã không vui rồi nói: “Than ôi! Thật đáng buồn thay! Người đời làm nhiều điều xấu ác, không hiếu thảo với cha mẹ, không tôn thờ sư trưởng, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo khô thì chúng trời sẽ giảm xuông, chúng a-tu-la sẽ tăng len?9 Nếu thái tử trông thấy ở thế gian có rất nhiều người biết hiếu thảo với cha mẹ,x cung kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bô thí cho người nghèo khô thì o

trở vê thưa:

966 KINH TRƯỜNG A-HÀM

uTâu Thiên vương! Người ở thế gian đa số biết hiếu thảo với cha mẹ, cung kính thầy tổ, siêng tu trai giới và bố thí cho những người nghèo kh6." Tứ Thiên Vương nghe xong, trong lòng hoan hỷ roi nói: "Hay thay! Ta đón nhận tin tốt lành. Nếu ở thế gian có người hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho người nghèo khó thì chúng trời sẽ tăng lên, chúng a-tu-la giảm xuống. Vì lẽ đó nên gọi ngày mười bốn là ngày trai gi&i." Vì sao lấy ngày rằm làm ngày trai giới? Vì vào ngày đó, Tứ Thiên Vương đích thân đi tuần khắp thiên hạ, quan sát muôn dân, xem xét có ai biết phụng dưỡng cha mẹ? tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho những người nghèo khó chăng? Nếu nhìn thấy thế gian phần nhiều bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính sư trưởng, không tu trai giới, không bố thí cho những người nghèo khó, lúc đó Tứ Thiên Vương đến cung điện Thiện Pháp thưa với Đế-thích: "Tâu Đại vương! Ngài nên biết, người ở thế gian phần nhiều bất hiếu với cha mẹ, không tôn thờ sư trưởng, không siêng tu trai giới và không bố thí cho người nghèo kh6." Đê-thích cùng chư thiên cõi Đao-lợi nghe xong, trong lòng lo buôn không vui roi nói: "Thật đáng buồn thay! Nấu người thế gian phần nhiều làm điều xấu ác, không hiêu thuận cha mẹ, không tôn thờ sư trưởng, không siêng tu trai giới, không bố thí cho những người nghèo khó thì chúng trời sẽ giảm xuống, chúng a-tu-la sẽ tăng lên?5 Nêu Tứ Thiên Vương nhận thây người đời biêt hiêu thảo với cha mẹ5 cung kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho người nghèo khó thì trở về, đến giảng đường Thiện Pháp tâu với Đế-thích: "O thê gian có những người biêt hiêu thảo với cha mẹ? tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho người nghèo kh6.” Đế-thích và chư thiên Đao-lợi nghe xong, lòng rất hoan hỷ rồi nói: "Lành thay! ở đời còn có người biết hiếu thuận với cha mẹ? tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho người nghèo khó, nhờ vậy chúng trời sẽ tăng lên, chúng a-tu-la sẽ giảm xuồng. Thê nên gọi ngày răm là ngày trai giới. Từ những điều trên, nên có ba ngày trai giới nAy." Bấy giờ, Đế-thích mong muốn chư thiên càng thêm hoan hỷ, liền nói kệ: Mỗi tháng vào những ngày, Mồng tám, mười bốn, rằm, Những ai tu trai giới, Thì đồng với ta đây! [0135al6] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Đế-thích nói bài kệ ấy, chẳng phải là khéo lãnh thọ, chẳng phải là khéo giảng nói, nên Ta không chấp thuận. Vì sao như vậy? Vì trời Đế-thích chưa dứt

30. KINH THẾ KÝ 967

sạch dâm dục, sân hận và si mê, cũng chưa thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não. Ta cho rằng vị ấy chưa lìa gốc khổ. Nấu có vị Tỳ-kheo nào dứt sạch hết lậu hoặc, chứng A-la-hán ở trong chánh pháp của Ta, việc cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đạt được mục đích của mình, dứt hết các phiền não kiết sử, thành tựu chánh trí giải thoát, Tỳ-kheo đó mới nên nói kệ: Môi tháng vào những ngày, Mông tám, mười bôn5 răm, Những ai tu trai giới, Thì đồng với ta đây! Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Tỳ-kheo kia nói bài kệ này mới gọi là khéo lãnh thọ, mới gọi là khéo giảng nói, nên được Ta châp thuận. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo ây đã dứt sạch dâm dục, sân hận và si mê, cũng đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não. Ta nói vi ấy đã xa lìa gốc khổ. Đức Phật bảo Tỳ"kheo: -Tất cả nhà cửa của dân chúng đều có quỷ thần cư ngụ, không chỗ nào là không có. Hết thảy đường sá, ngã tư, hàng thịt, chợ quán cho đến bãi tha ma cũng đêu có quỷ thân cư ngu, không chô nào là không có. Các loại quỷ thân đêu

được đặt tên theo chô họ cư ngụ. Nêu vị thân đó nương tựa người thì gọi thân cõi người, nương tựa thôn thì gọi thần thôn, nương tựa thành trì thì gọi thần thành, nương tựa quốc gia thì gọi thần quốc gia, nương tựa đất thì gọi thần đất, nương tựa núi thì gọi thân núi, nương tựa sông thì gọi là thân sông. [0135Ồ03] Phật bảo Tỳ-kheo: Tát cả mọi loài cây côi, dù nhỏ như trục xe cũng đêu có quỷ thân nương tựa, không chỗ nào là không có. Tất cả con người, bất luận nam, nữ, từ lúc mới sanh ra đêu có quỷ thân theo hộ vệ, đên khi con người săp lâm chung, quỷ thân giữ lấy rồi thu lấy tinh khí của họ, khiến người đó lập tức lâm chung. Này Tỳ-kheo! Giả sử co Phạm chí ngoại đạo hỏi: "Chu Hiền! Nếu tất cả nam, nữ lúc mới sanh ra đều có quỷ thần theo hộ vệ, cho đến khi con người sắp lâm chung thì quỷ thần giữ lấy họ, thu lấy tinh khí của họ, khiến người đó lập tức lâm chung, tại sao hiện nay có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu?,, Nếu có ai hỏi như thế thì các thầy hãy trả lời với họ rằng: “Vi người đời hành nghiệp phi pháp, tà kiến điên đảo, gây tạo mười nghiệp ác, những người như thế, trong trăm hay ngàn người mới CÓ một quỷ thân hộ vệ. Cũng giông như đàn bò, đàn dê có cả trăm con, ngàn con nhưng chỉ có một người chăn mà thôi. Trường hợp con người cũng vậy, do làm điều phi pháp, tà kiến điên đảo, gây tạo mười điều ác? những người như thế, trong trăm hay ngàn người mới có một quỷ thần theo bảo hộ. Nếu có người thực hành thiện pháp, tin và thực hành theo chánh kiến, đầy đủ mười nghiệp lành, một người như thê sẽ có trăm ngàn vị thân theo hộ vệ. Ví như quôc vương và đại thân của quôc vương có hàng trăm, hàng ngàn người theo

hộ vệ một người. Trường hợp này cũng vậy, người chuyên tu thiện pháp, đầy đủ mười nghiệp lành, người ấy chắc chắn có trăm ngàn quỷ thần theo hộ vệ. Vì lý do đó nên thế gian có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bi quỷ thần quấy nhiễu." Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Người ở cõi Diêm-phù-đề có ba năng lực hơn người ở cối Cù-da-ni. Những gì là ba? Một là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, có khả năng làm được các việc; hai là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, chuyên cần tu Phạm hạnh; ba là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, Phật xuất hiện ở cõi này. Do có ba điều này nên người cõi Diêm-phù-đề hơn người ở cõi Cù-da-ni. Người ở cõi Cù-da-ni CÓ ba việc hơn người cõi Diêm-phù-đê. Những gì là ba? Một là, nuôi nhiêu bò; hai là, nuôi nhiều dê; ba là9 có nhiều châu báu. Do ba điều này mà người ở cõi Cù-da-ni hơn người cõi Diêm-phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đê có ba việc hơn người cõi Phât-vu-đãi. Ba điêu ây là gì? Một là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, có khả năng làm được mọi việc; hai là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, có khả năng tu Phạm hạnh; ba là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, Phật xuất hiện ở cõi này. Do có ba điều này nên người cõi Diêm-phù-đề hơn người ở cõi Phất-vu-đãi. Người ở cõi Phất-vu-đãi có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là, cõi này cực rộng; hai là, cõi này cực lớn; ba là, quốc độ vô cùng tốt đẹp. Do ba điều này mà người cõi Phất-vu-đãi hơn người cõi Diêm-phù-đề. [0135c05] Người cõi Diêm-phù-đề hơn người cõi Uất-đan-việt ba điều. Ba điêu ây là gì? Một là? người dân dũng mãnh, nhớ dai, có khả năng làm được mọi việc; hai là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, có khả năng tu Phạm hạnh; ba là, người dân dũng mãnh, nhớ dai, Phật xuất hiện ở cõi này. Do ba điều ấy nên người cõi Diêm-phù-đề hơn người cõi uất-đan-việt.

Người cõi uất-đan-việt hơn người cõi Diêm-phù-đề ba điều. Ba điều ấy là gì? Một là? không bị trói buộc; hai là, không có ngã sở; ba là, tuổi thọ cố định là một ngàn năm. Do ba điều ấy mà người cõi uất-đan-việt hơn người cõi Diêm-phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đề cũng do ba điều trên mà hơn nga quỷ. Nga quỷ cũng có ba điều hơn người cõi Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là, trường thọ; hai là, thân cao lớn; ba là, nệười làm mà mình thọ dụng. Do ba điều này nên nga quỷ hơn cõi Diêm-phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đê cũng do ba điêu trên mà hơn loài rông và chim Cánh Vàng. Loài rồng và chim Cánh Vàng cũng có ba điều hơn người cõi Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là, trường thọ; hai là, thân lớn; ba là, cung điện. Do ba điều này nên loài rồng và chim Cánh Vàng hơn người cõi Diêm- phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đề cũng do ba điều trên mà hơn loài a-tu-la. A-tu-la cũng có ba điêu hơn người cõi Diêm-phù-đê. Ba điêu ây là gì? Một là, cung

điện cao rộng; hai là, cung điện trang nghiêm; ba là, cung điện thanh tinh. Do ba điều này mà a-tu-la hơn người cõi Diêm-phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đề cũng do ba điều trên mà hơn Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương lại có ba điều hơn người cõi Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là, trường thọ; hai là, đoan chánh; ba là, nhiều niềm vui. Do ba điều này nên Tứ Thiên Vương hơn người cõi Diêm-phù-đề. Người cõi Diêm-phù-đê cũng do ba điêu trên mà hơn chư thiên cõi trời Đao- lợi, cõi trời Diệm-ma5 cõi trời Đâu-suất, cõi trời Hóa Tự Tại và cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Chư thiên những cõi này cũng có ba điêu hơn người cõi Diêm-phù-đê. Ba điều ấy là gì? Một là, trường thọ; hai là5 đoan chánh; ba là, nhiều niềm vui. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Chúng sanh cõi Dục có mười hai loại. Mười hai loại ấy là gì? Một là địa ngục, hai là súc sanh, ba là nga quỷ, bốn là người, năm là a-tu-la, sáu là Tứ Thiên Vương, bảy là trời Đao-lợi, tám là trời Diệm-ma, chín là trời Đâu-suất, mười là trời Hóa Tự Tại, mười một là trời Tha Hóa Tự Tại, mười hai là Thiên ma.73 Chúng sanh cõi sắc có hai mươi hai loại, đó là: Một là trời Phạm Thân, , ĩ hai là trời Phạm Phụ, ba là trời Phạm Chúng, bôn là trời Đại Phạm, năm là cõi Quang Thiên, sáu là trời Thiểu Quang, bảy là trời Vô Lượng Quang, tám là trời Quang Ẩm, chín là cõi Tịnh Thiên, mười là trời Thiểu Tịnh, mười một là trời Vo Lượng Tịnh, mười hai là trời Biến Tinh, mười ba là trời Nghiêm Sức, mười bốn là trời Tiểu Nghiêm Sức, mười lăm là trời Vô Lượng Nghiêm Sức, mười sáu là trời Nghiêm Sức Quả Thật, mười bảy là trời Vô Tưởng, mười tám là trời Vô Tạo? mười chín là trời Vô Nhiệt, hai mươi là trời Thiện Kiến, hai mươi mốt là trời Đại Thiện Kiên và hai mươi hai là trời A-ca-ni-trá. Chúng sanh cõi Vô sắc có bốn loại. Bốn loại ấy là gì? Một là trời Không Trí, hai là trời Thức Trí, ba là trời Vô Sở Hữu Trí và bốn là trời Hữu Tưởng Vô Tưởng Trí.74 [0136al4] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Có bốn đại thiên thần. Những gì là bốn. Đó là Địa thần, Thủy thần, Phong thần và Hoả thần. Thuở xưa, địa thần khởi lên nhận thức sai lầm, cho rằng: "Trong đất không có nước, lửa và gió.,, Lúc đó, Ta biết ý niệm của địa thần này, liền đến bảo: “C6 phải ngươi từng nghĩ: 'Trong đất không có nước, lửa và gió chang?”' Địa thần trả lời: "Trong đất quả thật không có nước, lửa và gi6."

73 Chư thiên cõi Dục gồm có 6 tầng trời, gọi là lục dục thiên .Theo £7/ trí độ luận 0.25. 1509.10. 01353, trời ThaJIoa Tự Tại cũng chính là Thiên ma .ó đây tách ra thành 2, tức là trời Tha Hóa Tự Tại và Thiên ma. 74 Tức là Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Á • y rp r• Bay giơ, Ta noi: "Ngươi chớ sanh khởi ý niệm cho rằng 'trong đất không có nước, lửa và . , L . ĩ 9r gió/ Vì sao như vậy? Vì trong đát có nước, lửa và gió, chỉ vì đát chiêm nhiêu hơn nên lấy đất mà gọi tên.,, Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Lúc đó, Ta lần lượt giảng pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến cho hoan hỷ75 để dứt trừ nhận thức sai lầm của địa thần. Ta giảng về bố thí, luận về giữ giới, vê sanh thiên, tham dục là ô uê, căn bản phiên não là tai họa, giải thoát là cao tột và chỉ bày, khai mở Phạm hạnh thanh tịnh. Khi Ta biết tâm niệm của địa thân đã thanh tịnh, nhu nhuyên, hoan hỷ, không còn câu uê, có thê lãnh thọ giáo pháp, như thường pháp của chư Phật, Ta giảng rộng Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế khi khổ diệt và Thánh đế về con đường diệt khô. Khi ây, địa thân ngay nơi chô ngôi, liên xa lìa trân câu, chứng được pháp nhãn tinh. Cũng như tấm lụa trắng sạch, rất dễ nhuộm màu, địa thần cũng vậy, tín tâm đã thanh tinh, được pháp nhãn tinh, không còn hồ nghi, đã thấy pháp, đắc pháp, không còn đọa vào đường ác, không tin nơi khác,7677 được vô sở úy,77 liền bạch với Ta rằng: "Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, kính xin Ngài chấp nhận con được làm ưu-bà-di trong Chánh pháp! Từ nay ve sau, cho đến trọn đời, con không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.” [0136b03] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Thuở xưa, thủy thần khởi ý niệm sai lầm rằng: "Trong nước không có đất, lửa và gi6. Khi đó, địa thần biết rõ thủy thần có ý niệm sai lầm, liền đến nói với thủy thần: "C6 phải ngươi từng có nhận thức như vầy: 'Trong nước không có đất, lửa và gió chăng?9 Thủy thần đáp: "Đúng như vay!" Địa thần nói: "Ngươi không nên có nhận thức cho rằng trong nước không có đất, lửa và gió. Vì sao như vậy? Vì trong nước có đất, lửa và gió, chỉ vì thành tố nước chiếm nhiều hơn nên lấy nước mà gọi ten." Khi ấy, địa thần đã dứt trừ nhận thức sai lầm cho Thủy thần, đồng thời vì Thủy thần thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan

75 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,,Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511. 76 Nguyên tác: Bất hướng dư đạo vesārajjappatto, ở thể khẳng định có nghĩa là đạt đến chỗ tự tín. 77 Thành tựu vô úy abhayappattà'. Đạt đến chỗ không còn sợ hãi.

hy,78 lại giảng về bố thí, giữ giới, sanh thiên, tham dục là ô uế, căn bản phiền não là tai họa, giải thoát là cao tột, chỉ bày giáo hóa, khiến được Phạm hạnh thanh tịnh. Khi biết tâm Thủy thần đã nhu nhuyến, không còn cấu uế, hoan hỷ tin nhận, có thể lãnh thọ giáo pháp, như thường pháp của chư Phật, địa thần liền giảng Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế khi khổ diệt và Thánh đế về con đường diệt khổ.

Bây giờ, Thủy thân liên xa lìa trân câu, chứng được pháp nhãn tinh. Cũng như tấm lụa trắng sạch, rất dễ nhuộm màu, Thủy thần cũng vậy, tín tâm đã thanh tịnh, đăc pháp nhãn tịnh, không còn hô nghi, chác chăn thành tựu đạo quả, không còn đọa vào đường ác, không tin nơi khác, được vô sở úy, liền thưa với Địa thần: "Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Từ nay về sau, cho đến trọn đời, tôi không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu, xin cho tôi làm ưu-bà-di ở trong Chánh ph!" Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thuở xua, hỏa thần khởi ý niệm sai lầm rằng: “Trong lửa không có đất, nước và gi6." Khi ây, địa thân và thủy thân biêt Hỏa thân có ý niệm sai lâm này, liền đến nói với hỏa thần: "C6 thật ngươi có nhận thức sai lầm rằng: 'Trong lửa không có đất, nước và gió chăng?9,9 Hỏa thần đáp: "Đúng như vāy!99 Bấy giờ, địa thần và thủy thần nói: "Ngươi không nên có những nhận thức sai lâm này. Vì sao như vậy? Vì trong lửa có đất, nước và gió, chỉ vì thành tố lửa nhiều hơn nên lấy lửa để gọi tên.,, Khi ấy, hai vị thần đã dứt trừ nhận thức sai lầm cho Hỏa thần, rồi vì Hỏa thần thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.78 79 Sau đó giảng về bố thí, giữ giới, sanh thiên, tham dục là ô uế, căn bản phiền não là tai họa, giải thoát là cao tột, chỉ bày giáo hóa khiến được Phạm hạnh thanh tịnh. Khi biết tâm Hỏa thần đã nhu nhuyến, thanh tịnh, không còn cấu uế, hoan hỷ tin nhận, dễ dàng giáo hóa, như thường pháp của chư Phật, hai vị thần kia liền giảng khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế và khổ xuất yếu Thánh đế. Lúc ấy, Hỏa thần liền xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn tinh. A r r A •

Cũng như tâm lụa trăng sạch, rát dê nhuộm màu, hỏa thân cũng vậy, tín tâm đã thanh tịnh, đạt pháp nhãn tịnh, không còn hồ nghi, chắc chắn thành tựu đạo quả, không còn đọa vào đường ác, không tin nơi khác, được vô sở úy, liền thưa với hai vị than:

78 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511. 79 Như trên.

“Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, xin chap nhận cho tôi được làm ưu-bà-di ở trong Chánh pháp! Từ nay ve sau, cho đen trọn đời, tôi không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu." [0136c07] Đức Phật bảo Ty-kheo: -Thuở xưa, phong thần khởi lên nhận thức sai lầm, bảo rằng: "Trong gió không có đất, nước và lira." Khi đó, ba vi địa thần, thủy thần và hỏa thần biết phong thần khởi ý niệm như thế, bèn đến nói với phong thần: “C6 thật ngươi từng nảy sinh nhận thức sai lầm như vậy chng?" Phong thần đáp: “Búng như vay!" Ba vị thần nói: "Ngươi chớ nảy sinh nhận thức sai lầm như vậy. Vì sao như vậy? Vì trong gió có đất, nước và lửa. Chỉ vì thành tố gió nhiều hơn nên lấy gió mà gọi ten.95 Khi đó, ba vi thần đã dứt trừ nhận thức sai lầm cho phong thần, rồi vì phong thần thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.80 Sau đó giảng về bố thí, giữ giới, sanh thiên, tham dục là ô uế, căn bản phiền não là tai họa, giải thoát là cao tột, chỉ bày giáo hóa khiến được Phạm hạnh thanh tinh. Khi biêt tâm phong thân đã nhu nhuyên, thanh tịnh, không còn câu ue, hoan hỷ tin nhận, dễ dàng giáo hóa, như thường pháp của chư Phật, ba vị thần liền giảng giải về khổ Thánh dế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế

và khổ xuất yếu Thánh đế. Lúc ấy, phong thần liền xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn tinh. Cũng như tấm lụa trắng sạch, rất dễ nhuộm màu, phong thần cũng vậy, tín tâm đã thanh tịnh, được pháp nhãn tịnh, không còn hồ nghi, chắc chắn thành tựu đạo quả, không còn đọa vào đường ác, không tin nơi khác, được vô sở úy, liền thưa ba vị thần: "Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, xin chấp nhận cho tôi được làm ưu-bà-di ở trong Chánh pháp! Từ nay vê sau, cho đên trọn đời5 tôi không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu, thường khởi tâm từ với tát cả, không quây nhiêu chúng sanh." Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Mây có bôn loại. Thê nào là bôn? Một là màu trăng, hai là màu đen, ba là màu đỏ và bốn là màu hồng. Nếu mây màu trắng là chứa nhiều địa dại, mây màu đen là chứa nhiều thủy đại, mây màu đỏ là chứa nhiều hỏa đại và mây màu hông là chứa nhiêu phong đại. Mây bay cách mặt đất mười dặm, hai mươi dặm, ba mươi dặm, bốn mươi dặm, cho đến bốn ngàn dặm, ngoại trừ Kiếp sơ, còn sau đó thì mây bay đên tận trời Quang Am.

80 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ .Xem chú thích 60, kinh số l, tr. 511.

30. KINH THẾ KÝ 973

Sấm chớp có bốn loại. Bốn loại ấy là gì? sấm chớp ở phương Đông gọi là Thân Quang, sấm chớp ở phương Nam gọi là Nan Hủy, sấm chớp ở phương Tây gọi là Lưu Diệm, sấm chớp ở phương Bắc gọi là Định Minh. Vì sao mây trong hư không bỗng nhiên có ánh chớp? Bởi vi, có lúc Thân Quang và Nan Hủy chạm nhau, có lúc Thân Quang và Lưu Diệm chạm nhau, có lúc Thân Quang và Đinh Minh chạm nhau, có lúc Nan Hủy và Lưu Diệm chạm nhau, có lúc Nan Hủy và Định Minh chạm nhau, có lúc Lưu Diệm và Định Minh chạm nhau. Do những duyên cớ này mà trong đám mây giữa hư không phát ánh chớp rực sáng. Vì sao mây giữa hư không lại có tiêng sâm sét? Vì giữa hư không có lúc địa đại và thủy đại chạm nhau, có khi địa đại cùng hỏa đại chạm nhau, có khi địa đại cùng phong đại chạm nhau, có khi thủy đại và hỏa đại chạm nhau, có khi thủy đại và phong đại chạm nhau. Vì những nhân duyên này nên mây trong hư không có tiếng sấm sét. [0137all] Có năm nguyên nhân khiến không thể biết chắc chắn về mưa, nên các thây xem thiên tượng tiên đoán sai lâm. Năm trường hợp ây là gì? Thứ nhất, mây có sấm chớp, đoán sẽ có mưa nhưng vì hỏa đại nhiều nên thiêu hủy mây di, do đó không mưa, đây là lý do thứ nhất khiến thầy xem thiên tượng đoán sai lầm. Thứ hai, mây có sấm chớp, đoán sẽ có mưa nhưng vì phong đại nổi lên, thổi mây bay đi tứ tán vào trong các ngọn núi, đây là lý do thứ hai khiến thầy xem thiên tượng đoán sai lầm. Thứ ba, mây có sâm chớp, đoán sẽ có mưa nhưng bây giờ đại a-tu-la gom mây nôi đặt giữa biên cả, đây là lý do thứ ba khiên thây xem thiên tượng đoán sai lầm. Thứ tư, mây có sấm chớp, đoán sẽ có mưa nhưng vì thần mây, thần mưa buông lung dâm loạn, cuối cùng không tuôn mưa xuống, đây là lý do khiến thầy xem thiên tượng đoán sai lầm. Thứ năm, mây có sấm chớp, đoán sẽ có mưa nhưng vì chúng sanh ở thế gian không tu hành đúng pháp, buông lung, làm ô nhiễm hạnh thanh tịnh, tham lam ganh ghét, kiến chấp sai lầm nên khiến trời không tuôn mưa, vì lý do đó khiến các thầy xem thiên tượng đoán sai lầm. Đây là năm nguyên nhân khiến các thầy xem thiên tượng không thể biết để đoán mưa một cách chính xác được.

9. PHẨM TAM TAI81

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Có bốn sự kiện diễn ra lâu dài, không hạn lượng, không thể tính đếm được băng ngày, tháng, năm. Bôn sự kiện ây là gì? Thứ nhất, thế gian này có những tai họa khởi lên từ từ, khi thế giới này bị hủy diệt, sự việc ấy diễn ra trong khoảng thời gian rất lâu dài, không hạn lượng, không thể tính đếm được bằng ngày, tháng, năm. Thứ hai, sau khi thế giới này bi hủy diệt, giai đoạn trung gian là một khoảng trống mênh mông, không có thế giới, diễn ra trong thời gian lâu dài mịt mù, không thê tính đêm được băng ngày, tháng, năm. Thứ ba, khi trời đất mới manh nha hướng đến sự hình thành, sự việc ấy diễn ra trong khoảng thời gian lâu dài, không thể tính đếm được bằng ngày, tháng, năm. Thứ tư, sau khi trời đất đã hình thành rồi, sẽ tồn tại không hư hoại trong khoảng thời gian dài vô hạn, không the tính đem được bang ngày, tháng, năm. Đó là bốn sự kiện lâu dài, không hạn lượng, không thể tính đếm được bằng ngày, tháng, năm. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thế gian có ba tai họa. Ba tai họa ấy là gì? Một là nạn lửa, hai là nạn nước và ba là nạn gió. Ba tai họa này có ba giới hạn ở phía trên, là ba giới hạn nào? Đó là trời Quang Âm, trời Biến Tịnh và trời Quả Thật. Khi nạn lửa dấy lên thì chỉ cháy đến trời Quang Âm, nên cõi trời Quang Âm là giới hạn. Khi nạn nước dấy lên thì chỉ ngập đến trời Biến Tịnh, nên cõi trời Biến Tinh là giới hạn. Khi nạn gió dấy lên thì chỉ thổi đến trời Quả Thật, nên cõi trời Quả Thật là giới hạn. Thê nào là nạn lửa? Khi nạn lửa sáp dây lên, con người ở thê gian đêu thực hành Chánh pháp, có chánh kiến, không điên đảo, tu tập mười hạnh lành. Khi thực hành những pháp ây, có người chứng được Thiên thứ hai, liên bay lên không trung, trú vào cõi Thánh nhân, cõi trời và cõi Phạm roi nói lớn tiêng răng: "Các Hiền giả! Hãy nen biết niềm vui thiền thứ hai, không giác, không quán. Hạnh phúc thay, Thiền thứ hai không giác, không quán!^,

81 Nguyên tác: Tam tai phẩm (roi. 0001.30.9. 0137b01). Tham chiếu: Thất nhật kỉnh , (roi 0026.8. 0428c07); Tăng.(.02. 0125.40.1. 0735ỒỒ20); D. 27, Aggañña Sutta(Kỉnh Khởi the nhân bổn); A. 7.62-W. ỈỒQ.

30. KINH THẾ KÝ 975

LÚC đó, ở thế gian có người nghe được tiếng nói từ hư không, liền ngước lên trời nói với họ rằng: "Lành thay! Lành thay! Xin hãy chỉ bày cho tôi phương pháp tu tập của thiền thứ hai, không giác, không quan.59 Khi ấy, người ở giữa hư không nghe được tiếng nói ở thế gian, liền trình bày phương pháp tu tập của thiền thứ hai, không giác, không quán cho họ nghe. Sau khi nghe xong, người ở thế gian liền thực hành theo phương pháp tu tập nên đạt đến thiền thứ hai, không giác, không quán, sau khi qua đời, liền được sanh lên cõi trời Quang Am. Bấy giờ, có chúng sanh ở địa ngục đã dứt sạch tội, sau khi mạng chung thì sanh vào cõi người, lại tu tập thiền thứ hai, không giác, không quán, khi qua đời được sanh lên cõi trời Quang Âm. Những chúng sanh trong các loài súc sanh, nga quỷ, a-tu-la, Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi, trời Diệm-ma, trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại và Phạm thiên, sau khi thân hoại mạng chung đều

sanh trở lại chôn nhân gian, đêu tu tập thiên thứ hai, không giác, không quán, nên sau khi thân hoại mạng chung đều được sanh lên cõi trời Quang Âm. Do nhân duyên này nên các đường địa ngục, súc sanh, nga quỷ, a-tu-la cho đến Phạm thiên thảy đều chấm dứt. Ngay lúc ấy, trước tiên là cõi địa ngục chấm dứt, kế đến là cõi súc sanh chấm dứt, súc sanh chấm dứt rồi đến nga quỷ chấm dứt, nga quỷ đã chấm dứt rồi đến a-tu-la chấm dứt, a-tu-la chấm dứt rồi đến Tứ Thiên Vương chấm dứt, Tứ Thiên Vương chấm dứt rồi đến trời Đao-lợi chấm dứt, trời Đao-lợi chấm dứt rồi đến trời Diệm-ma chấm dứt, trời Diệm-ma chấm dứt rồi đến tròd Đâu-suất chấm dứt, trời Đâu-suất chấm dứt rồi đến trời Hóa Tự Tại chấm dứt, trời Hóa Tự Tại chấm dứt rồi đến trời Tha Hóa Tự Tại chấm dứt, trời Tha Hóa Tự Tại chấm dứt rồi đến trời cõi Phạm chấm dứt, Phạm thiên chấm dứt rồi, cuối cùng loài người diệt hết, không còn sót lại gì. Sau khi loài người hết sạch, thế gian này bi hủy diệt thì tai kiếp được hình thành. Từ đó về sau, trời không mưa, trăm thứ lúa mạ, các loại cỏ cây đều bị chết khô. [0137C12] Phật bảo Tỳ-kheo: Do sự kiện trên mà biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi thật đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có một trận cuồng phong dữ dội nổi lên, 2 2 r 9 r r thôi mạnh vào biên cả, khiên nước biên sâu đên tám mươi bôn ngàn do-tuân bị tách làm hai, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di, cách mặt đất bôn mươi hai ngàn do-tuân roi đặt làm quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thê gian có hai mặt trời xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện, những dòng sông, ngòi, kênh và rạch nhỏ trên thế gian này thảy đều khô cạn.

976 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Này các Tỳ-kheo! Do sự kiện trên mà biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm câu con đường giải thoát, vượt khỏi thê gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có một trận cuồng phong dữ dội nổi lên, thổi mạnh vào biển cả, khiến cho nước biển sâu đến tám mươi bốn ngàn do- tuần bi tách làm hai, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di, cách mặt đất bốn mươi hai ngàn do-tuần rồi đặt làm quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có ba mặt trời xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện, những dòng sông lớn như sông Hằng, sông Da-bà-na, sông Bà-la, sông A-di- la-bà-đề? sông A-na-khiếp, sông Tân-đà và sông cố-xa, thảy đều khô cạn, không còn một giọt. Do sự kiện trên mà biêt, tát cả các hành vô thường, là pháp biên đôi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có một trận cuồng phong dữ dội nổi lên, thôi mạnh vào biên cả, khiên cho nước biên sâu đên tám mươi bôn ngàn do-tuân bị tách làm hai, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di, cách mặt đất bốn mươi hai ngàn do-tuần rồi đặt làm quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thê gian có bôn mặt trời xuất hiện. Khi bôn mặt trời xuất hiện thì những nguôn suôi, vực sâu, ao hô trong thê gian, như hô lớn Thiện Kiên, hô A-nậu-đạt, hồ Tứ-phương-đà-diên, hồ Ưu-bát-la, hồ Câu-vật-đầu, hồ Phân-đà-lợi và hồ Ly ngang dọc năm mươi do-tuần5 thảy đều khô cạn. [0138a05] Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng

nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi the gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có một trận cuồng phong dữ dội nổi lên, thổi mạnh vào biển cả, khiến cho nước biển cả bị tách làm hai, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di rồi đặt làm quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có năm mặt trời xuất hiện. Khi năm mặt trời xuất hiện thì nước trong biển cả cạn dần, từ một trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần. Do đó nên biêt, tát cả các hành vô thường, là pháp biên đôi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Bấy giờ, nước trong biển cả dần dần khô cạn, chỉ còn lại bảy trăm do-tuần5 roi sáu trăm do-tuân, năm trăm do-tuân9 bôn trăm do-tuân, cho đên chỉ còn một trăm do-tuần. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian.

30. KINH THẾ KÝ 977

Rồi thi, nước trong biển cả dần dần giảm xuống đến bảy do-tuần, sáu do- tuàn, năm do-tuần9... cho đến còn một do-tuần. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: —Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Vê sau, nước trong biên cả dân dân khô cạn, chỉ còn sâu băng bảy cây dala, sáu cây đa-la5... cho đến chỉ còn một cây đa-la. Này các Tỳ-kheo! Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi the gian. Sau đó, nước trong biên cả cạn dân, chỉ còn sâu băng bảy người, sáu người, năm người, bốn người, ba người, hai người rồi một người, cho đến chỉ còn ngang lưng, rồi đến đầu gối, rồi chỉ còn ngang mắt cá chân. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Sau đó, nước biển khô cạn, chỉ còn giống như vũng nước trong dấu chân bò sau cơn mưa xuân, không đủ thâm ướt ngón tay người. [0138b01] Phật bảo Tỳ-kheo: —Từ đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có trận cuồng phong dữ dội nổi lên, thổi cát đáy biển sâu đến tám mươi bốn ngàn do-tuần5 khiến cát biển dạt đôi bờ, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di, tạo thành quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này, thê gian có sáu mặt trời xuất hiện. Khi sáu mặt trời xuất hiện thì bốn châu thiên hạ cùng với núi non trong tám vạn thiên hạ và núi lớn, núi chúa Tu-di thảy đều bốc khói, bùng lửa, giống như người thợ gốm vừa nhóm 16, khi sáu mặt trời xuất hiện cũng lại như vậy. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Trải qua thời gian rất lâu về sau nữa, có trận cuồng phong dữ dội nổi lên, thổi cát đáy biển sâu đến tám mươi bốn ngàn do-tuần9 khiến cát biển dạt đôi bờ? cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di, tạo thành quỹ đạo mặt trời.

Do nhân duyên này, thế gian có bảy mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời xuất hiện thì bốn châu thiên hạ này cùng với núi non trong tám vạn thiên hạ và núi lớn, núi chúa Tu-di thảy đều rực lửa, giông như thợ gôm đã đót lò9 ngọn lửa bóc lên, khi bảy mặt trời xuất hiện cũng lại như vậy. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi? hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi the gian. Bốn châu thiên hạ này cùng với núi non trong tám vạn thiên hạ và núi chúa Tu-di thảy đều rực lửa. Cùng lúc, cung điện của Tứ Thiên Vương, cung điện của trời Đao-lợi, trời Diệm-ma, trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại và cung điện của Phạm thiên thảy đều rực lửa. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Bấy giờ, sau khi bốn châu thiên hạ này,... cho đến Phạm thiên thảy đều rực lửa, gió thổi ngọn lửa bốc cháy lên đến trời Quang Âm, các thiên tử mới sanh ở cõi ấy trông thấy lửa cháy đều rất lo sợ, hét lên: “Oi! Vật gì thế?” Chư thiên sanh trước nói với chư thiên mới sanh: "Đừng lo sợ! Đám lửa kia đã từng lan đến nhưng đến ngang đây là dừng lại thoi/9 Vì nhớ ngọn lửa trước kia đã từng lan dèn, nên gọi là cõi trời Quang Niệm. Khi bốn châu thiên hạ này,...cho đến cõi Phạm thiên bi thiêu hủy hết thì núi chúa Tu-di dần dần sụp lở, từ một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần. [0138c01] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Do đó nên biết, tất cả các hành là vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Khi bốn châu thiên hạ này cho đến cõi Phạm thiên đã bị cháy sạch, dần hồi đại địa và núi Tu-di cũng đều cháy rụi không còn gì. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Khi đại địa đã cháy rụi thì nước ở trong lòng đất cạn kiệt, gió dưới mặt nước cũng dừng. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại,

không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm càu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Khi nạn lửa dấy lên thì trời không mưa, trăm thứ lúa mạ, cỏ cây tự nhiên chết khô. Ai sẽ tin điều này? Chỉ có ai đã nhìn thấy mới tự biết mà thôi. Nạn lửa xảy ra như thế,... cho đến nước ở trong lòng đất khô cạn, gió dưới mặt nước cũng dừng. Ai sẽ tin điều này? Chỉ có ai đã thay mới tự biết mà thôi. Đó là nạn lửa. Thê nào là sự khôi phục sau nạn lửa? Trải qua thời gian lâu dài vê sau, có đám mây đen rất lớn xuất hiện giữa hư không, giăng phủ đến cõi trời Quang Ầm, tuôn mưa xuống khắp nơi, giọt mưa to như bánh xe. Mưa như thế cho đến vô số trăm ngàn năm, nước mưa tăng dàn lên, cao đến vô số trăm ngàn do-tuần? r A

tràn ngập,... cho đên trời Quang Am. Lúc ấy, có bốn ngọn gió lớn nổi lên, giữ mực nước lại. Bốn ngọn gió đó là Trụ phong, Trì phong, Bất Động phong và Kiên cố phong. Sau đó, nước rút xuống trăm ngàn do-tuần, rồi vô số trăm ngàn vạn do-tuần. Bốn mặt nước ấy

nổi lên ngọn gió lớn tên là Tăng-già, thôi đên khuây động mặt nước, tạo thành sóng dữ, nổi bọt sóng kết tụ lại, rồi có ngọn gió thổi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không và tự nhiên trở nên rắn chắc, biến thành cung trời, được trang trí bằng bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Phạm-ca-di. Rồi nước tiếp tục rút dần cho đến vô số trăm ngàn vạn do-tuần. Bốn mặt nước ây nôi lên ngọn gió lớn tên là Tăng-già, thôi đên khuây động mặt nước, tạo thành sóng dữ9 nôi bọt sóng két tụ lại, roi có ngọn gió thôi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không và tự nhiên trở nên rắn chắc, biến thành cung trời, được trang trí bằng bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Tha Hoa Tự Tại. Nước lại tiêp tục rút dân xuống vô sô ngàn vạn do-tuân. Bôn mặt nước ây nổi lên ngọn gió lớn tên là Tăng-già, thổi đến khuấy động mặt nước, tạo thành sóng dữ, nổi bọt sóng kết tụ lại, rồi có ngọn gió thổi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không và tự nhiên trở nên rắn chắc, biến thành cung trời, được trang trí bang bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Hóa Tự Tại. Rồi nước tiếp tục rút dần đến vô số trăm ngàn do-tuần. Lại có ngọn gió tên là Tăng-già thổi đến khuấy động mặt nước, tạo thành sóng dữ, nổi bọt sóng kết tụ lại, roi có ngọn gió thôi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không và tự nhiên trở nên rắn chắc, biến thành cung trời, được trang trí bằng bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Đâu-suất. Rồi nước ấy tiếp tục rút dần xuống vô số trăm ngàn do-tuần. Lại có ngọn gió tên là Tăng-già nổi lên, thổi đến khuấy động mặt nước, tạo thành sóng dữ,

nổi bọt sóng kết tụ lại, rồi có ngọn gió thổi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không và tự nhiên trở nên răn chác, biên thành cung trời, được trang trí bằng bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Diệm-ma. Nước tiếp tục hạ thấp xuống đến vô số trăm ngàn do-tuần, có bọt nổi lên trên mặt nước, dày sáu mươi vạn tám ngàn do-tuần5 ranh giới không hạn đinh, cũng như dòng nước, suôi nguôn tuôn chảy ở thê gian này, trên mặt nước có nôi bọt thì mặt nước kia cũng như vậy. [0139al2] Vì nhân duyên gì mà có núi Tu-di? Vì có cuồng phong nổi len, thổi đám bọt nước này tạo thành núi Tu-di, cao sáu mươi vạn tám ngàn do-tuần? ngang dọc tám vạn bôn ngàn do-tuân và do bôn thứ báu là vàng, bạc, thủy tinh và lưu ly tạo thành. Vì nhân duyên gì mà có bốn cung điện a-tu-la? Vì có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước trên biển lớn quanh bốn phía núi Tu-di, tạo thành các cung điện lớn, mỗi cung ngang dọc đều tám vạn do-tuần, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu. Lại do nhân duyên gì có cung điện Tứ Thiên Vương? Sau đó, lại có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn lên lưng chừng núi Tu-di, khoảng bốn vạn hai ngàn dotuân, tự nhiên biên thành cung điện băng bảy báu, vì thê nên gọi là cung điện Tứ Thiên Vương. Do nhân duyên gì có cung điện trời Đao-lợi? Vì sau đó? lại có cuồng phong lớn nổi lên, thổi đám bọt nước lớn lên trên đỉnh núi Tu-di, rồi tự nhiên tạo thành cung điện bằng bảy báu. Lại do nhân duyên gì có núi Già-đà-la? về sau, có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn, đẩy ra khỏi ngọn núi Tu-di không xa, tự nhiên tạo thành núi 'j; L e A r báu, chân núi ăn sâu vào lòng đát bôn vạn hai ngàn do-tuân, ngang dọc bôn vạn hai ngàn dotuần, ranh giới không hạn định, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Già-đà-la. Vì sao lại có núi Y-sa? Vì có cuông phong nôi lên, thôi đám bọt nước

lớn, đẩy ra khỏi ngọn núi Già-đà-la không xa, tự nhiên tạo thành núi Y-sa, cao hai vạn một ngàn do-tuần9 ngang dọc hai vạn một ngàn do-tuần, ranh giới không hạn đinh, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Y-sa. Sau đó, lại có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn, đẩy ra khỏi núi Y-sa không xa, tự nhiên tạo thành núi Thọ-thần-đà-la, cao một vạn hai ngàn do- tuần, ngang dọc một vạn hai ngàn do-tuần? ranh giới không hạn định, nhiều màu sác xen lân, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Thọ-thân-đà-la. Sau đó, có cuông phong nôi lên, thôi đám bọt nước lớn, đây ra khỏi núi Thọ-thần-đà-la không xa, tự nhiên tạo thành núi A-bát-nê-lâu82 cao sáu ngàn

82 A-bát-nê-lâu .

do-tuần5 ngang dọc sáu ngàn do-tuần? ranh giới không hạn định, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi A-bát-ni-lâu.83 [0139Ồ09] về sau nữa, có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn, đẩy ra khỏi núi A-bát-ni-lâu không xa, tự nhiên biến thành núi Di-lân-đà-la,84 cao ba ngàn do-tuần9 ngang dọc ba ngàn do-tuần5 ranh giới không hạn định, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Ni-lân- đà-la.85 Sau đó, có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn, đẩy ra khỏi núi Ni- lân-đà-la không xa, tự nhiên biến thành núi Tỳ-ni-đà, cao một ngàn hai trăm do-tuần, ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuần, ranh giới không hạn đinh, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Tỳ-ni-đà. Lại có cuông phong nôi lên, thôi đám bọt nước lớn, đây ra khỏi núi Tỳ-ni-đà không xa, tự nhiên tạo thành núi Kim Cang Luân, cao ba trăm do-tuần, ngang dọc ba trăm do-tuần, ranh giới không hạn đinh, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên này nên có núi Kim Cang Luân. Vì sao có một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời? Vì một thời gian sau, có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn, tự nhiên tạo thành một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời, nhiều màu sắc xen lẫn, do bảy báu tạo thành, thế nhưng bị gió dữ thổi ngược về lại chỗ cũ, do nhân duyên này nên có cung điện mặt trời, mặt trăng. T Vê sau, có cuông phong nôi lên, thôi đám bọt nước lớn5 tự nhiên tạo thành e e r

bôn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác, do nhân duyên này mà có bôn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác. Sau đó? lại có cuồng phong nổi lên, thổi đám bọt nước lớn quanh bốn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ, tự nhiên tạo thành núi Đại Kim Cang Luân cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần9 ngang dọc mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, ranh giới vô hạn, kim cang rắn chắc, không thể hủy hoại, do nhân duyên này nên có núi Đại Kim Cang Luân. Trải qua thời gian rất lâu về sau, tự nhiên có mây giăng phủ kín bầu trời, roi tuôn trận mưa lớn khắp nơi, giọt nước mưa to băng bánh xe, nước mưa tràn ngập, nhấn chìm bốn châu thiên hạ và núi Tu-di... Sau đó, cuồng phong thổi xoáy đát tạo thành hâm hô lớn, nước rút hét vào hâm, từ đó trở thành biên, do nhân duyên này nên có bốn biển nước lớn. Có ba nhân duyên khiến nước biển măn chát. Thế nào là ba? Thứ nhất, mây tự nhiên giăng khắp hư không, phủ đến cõi trời Quang Âm, roi tuôn trận mưa khắp nơi, tây rửa cung trời, tây sạch thiên hạ, từ cung trời

83 A-bát-ni-lâu . 84 Di-lân-đà-la ỈM . 85 Ni-lân-đà-la .

Phạm-ca-di, cung trời Tha Hóa Tự Tại, xuống đến cung trời Diệm-ma, bốn châu thiên hạ, tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn và núi chúa Tu-di thảy đều được rửa sạch. Tát cả các thứ nước nhiêm ô, mặn chát và bát tinh trong tát cả các cõi ây đều chảy vào biển cả rồi hợp thành một vi, nên nước biển thuần vị măn. Thứ hai, thuở xưa có vị đại Tiên niệm chú vào nước biển, khiến nước biển luôn mặn chát, không ai uông được, nên nước biên luôn mặn chát. Thứ ba, trong biển cả kia có nhiều chúng sanh cư trú, thân thể cao lớn, hoặc một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần? chúng thở ra, hít vào, đại tiêu tiện trong đó, nên nước biên mặn chát. Đó là nạn lửa. [0l39cl5] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thế nào là nạn nước? Khi nạn nước dấy lên, con người ở thế gian này đều thực hành Chánh pháp, có chánh kiến, không tà kiến, tu tập mười hạnh lành. Sau khi tu tập hạnh lành, lúc ấy, có người chứng được Thiền thứ ba, không có hỷ, liền bay lên không trung, tru vào cõi Thánh nhân, cõi trời và cõi Phạm rồi lớn tiếng nói rằng: “Các Hiền giả! Nên biết hạnh phúc của Thiền thứ ba là không có hỷ! Hạnh phúc của Thiền thứ ba là không có hy!” Những người ở thế gian nghe được lời này, liền ngước lên trời mà nói rằng: "Lành thay! Lành thay! Xin hãy chỉ bày cho tôi phương pháp tu tập của Thiền thứ ba là không có hy." Khi ấy, trên không trung nghe ở thế gian nói lời như vậy rồi, vị ấy liền diễn nói phương pháp tu tập của Thiền thứ ba là không có hỷ. Sau khi nghe pháp xong, người thê gian này liên thực hành phương pháp tu tập của Thiên thứ ba, sau khi qua đời, được sanh lên cõi trời Biến Tinh. Bấy giờ, có chúng sanh ở địa ngục dứt sạch tội, sau khi mạng chung thì sanh vào cõi người. Họ lại tu tập theo Thiền thứ ba, khi qua đời, được sanh lên cõi trời Biến Tịnh. Các loài chúng sanh như súc sanh, nga quỷ, a-tu-la9 Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại, Phạm thiên và trời Quang Am, sau khi qua đời đêu sanh trở lại cõi người, rồi tu tập Thiền thứ ba, khi thân hoại mạng chung ở cõi người thì được sanh về cõi trời Biến Tịnh. Do nhân duyên này nên cõi địa ngục chấm dứt và các cõi súc sanh, nga quỷ, a-tu-la5 Tứ Thiên Vương,... cho đen cối trời Quang Am, thảy đều diệt hết. Ngay lúc ấy, trước tiên là đường địa ngục chấm dứt, kế đến súc sanh chấm dứt, súc sanh chấm dứt rồi đến nga quỷ chấm dứt, nga quỷ đã chấm dứt rồi đến a-tu-la chấm dứt, a-tu-la chấm dứt rồi đến Tứ Thiên Vương chấm dứt, Tứ Thiên Vương chấm dứt rồi đến trời Đao-lợi chấm dứt, trời Đao- lợi chấm dứt rồi đến trời Diệm-ma chấm dứt, trời Diệm-ma chấm dứt rồi đến trời Đâu-suất chấm dứt, trời Đâu-suất chấm dứt rồi đến trời Hóa Tự Tại chấm

dứt, trời Hóa Tự Tại chấm dứt rồi đến trời Tha Hóa Tự Tại chấm dứt, trời Tha Hóa Tự Tại chấm dứt rồi đến trời Quang Ảm chấm dứt, trời Quang Âm chấm dứt rồi, cuối cùng loài người hoàn toàn hết sạch. Sau khi loài người hết sạch, thế gian này bị hủy diệt thì tai kiếp được hình thành. [0140a09] Trải qua thời gian rất lâu, có đám mây đen lớn nổi lên dữ dội, giăng phủ đến trời Biến Tinh, rồi tuôn trận mưa lớn khắp nơi, mưa toàn nước nóng, nước sôi sùng sục, đun nấu cõi trời, khiến cho cung điện chư thiên thảy đều

tiêu hủy, không sót lại gì. Giống như ném miếng bơ vào trong lửa, phút chốc tan chảy hết, không còn lại gì, cung trời Quang Âm cũng lại như vậy. Do đó nên biêt, tát cả các hành vô thường, là pháp biên đôi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. về sau, nước mưa tràn ngập đến cung trời Phạm-ca-di, làm tan chảy hết không sót lại gì. Giống như ném miếng bơ vào trong lửa, phút chốc tan chảy hết không còn lại gì, cung trời Phạm-ca-di cũng lại như vậy. Sau đó? nước mưa tràn ngập đến cung trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại, trời Đâu-suất và trời Diệm-ma thảy đều bi tan chảy hết không sót lại gì. Giống r • -r r - như ném miêng bơ vào trong lửa, phút chóc tan chảy hét không còn lại gì, các cung trời ấy cũng lại như vậy. Sau đó, nước mưa tràn ngập đến bốn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ cùng các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di thảy đều bị tan chảy hết không sót lại gì. Giống như ném miêng bơ vào trong lửa, phút chóc tan chảy hét không còn lại gì, các cung trời ấy cũng lại như vậy. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi the gian. Sau đó, nước mưa nung nấu cả đại địa không còn sót lại gì, nước trong lòng đất cũng cạn khô, gió dưới mặt nước cũng dừng. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Cung trời Biến Tịnh bị nung chảy tiêu tan hết. Ai sẽ tin điều này? Chỉ có ai nhìn thay mới tự biết mà thôi. Cung trời Phạm-ca-di bi nung chảy tiêu tan hết,... cho đến nước trong lòng đất cũng cạn khô, gió dưới mặt nước cũng dừng. Ai sẽ tin điều này? Chỉ có ai nhìn thấy mới tự biết mà thôi. Đó là nạn nước. [0140b04] Thế nào là sự khôi phục sau nạn nước? Trải qua thời gian rất lâu vê sau, có đám mây đen lớn giăng phủ kháp cả hư không, phủ đên cõi trời Biên Tịnh, rồi tuôn trận mưa khắp nơi, giọt mưa lớn như bánh xe, mưa như thế trải

qua vô số trăm ngàn vạn năm, nước mưa dâng cao đến cõi trời Biến Tịnh. Lúc đó, có bốn ngọn gió lớn giữ mực nước lại. Bốn ngọn gió đó là Trụ phong, Trì phong, Bát Động và Kiên Cô. Sau đó, nước mưa giảm dân xuông vô sô trăm ngàn do-tuần, bốn bề có ngọn gió lớn tên là Tăng-già dấy lên, thổi đến khuấy động mặt nước, tạo thành sóng lớn, nôi bọt sóng két tụ lại, roi ngọn gió thôi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên ở giữa hư không, tự nhiên tạo thành cung trời Quang Am, được trang trí bằng bảy báu, do nhân duyên này mà có cung trời Quang Âm. Rồi nước mưa rút xuống vô số trăm ngàn do-tuần, lại bị ngọn gió Tăng-già thổi đến, khuấy động mặt nước, tạo thành sóng lớn, bọt sóng kết tụ lại, rồi ngọn gió thoi đám bọt sóng bay khỏi mặt nước, văng lên hư không, tự nhiên tạo thành cung trời Phạm-ca-di, được trang trí bằng bảy báu. Cứ như vậy, tuần tự r • 9 A e e • cho đên nước biên thuần một vị mặn, cũng như khi nạn lửa khôi phục. Đó là nạn nước. Đức Phật bảo: Này Tỳ-kheo! Thế nào là nạn gió? Khi nạn gió dấy lên, con người ở thế gian này đều thực hành Chánh pháp, có chánh kiến, không có tà kiến, tu tập mười hạnh lành. Khi thực hành pháp lành rồi, có người chứng được Thiền thứ tư với xả và niệm thanh tịnh, liền bay lên không trung, an trú vào cõi Thánh,

cõi chư thiên và cõi Phạm rồi lớn tiếng nói rằng: "Các Hiền giả! Hạnh phúc của Thiền thứ tư là xả và niệm thanh tịnh! Hạnh phúc của Thiền thứ tư là xả và niệm thanh tjnh!" LÚC y ây, người ở thê gian nghe những lời này, liên ngước lên trời nói với họ răng: "Lành thay! Lành thay! Xin hãy chỉ bày cho tôi phương pháp tu tập của Thiền thứ tư với xả và niệm thanh tjnh." Bấy giờ, nghe ở thế gian nói lời như vậy rồi? người trên hư không liền dạy phương pháp tu tập của Thiền thứ tư với xả và niệm thanh tịnh. Sau khi nghe giảng xong, người ở thê gian liên thực hành theo phương pháp tu tập của Thiên thứ tư với xả và niệm thanh tinh, nên sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời Quả Thật. Bấy giờ5 chúng sanh ở địa ngục dứt sạch tội, sau khi mạng chung liền sanh trở lại cõi người rồi tiếp tục tu Thiền thứ tư, khi qua đời ở đây liền được sanh lên cõi trời Quả Thật. Các loài chúng sanh trong cõi súc sanh, nga quỷ, a-tu-la, Tứ Thiên Vương cho đen cõi trời Biến Tịnh, sau khi thân hoại mạng chung, sanh trở lại cõi người, tiếp tục tu Thiền thứ tư, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi trời Quả Thật. Do nhân duyên này mà cõi địa ngục chấm dứt, các cõi súc sanh, nga quỷ, a-tu-la? Tứ Thiên Vương,... cho đến cõi trời Biến Tinh thảy đều chấm dứt.

30. KINH THẾ KÝ 985

r 9 r y e r e

LÚC ây, trước tiên cõi địa ngục châm dứt roi đên cõi súc sanh châm dứt, loài súc sanh chấm dứt rồi đến nga quỷ chấm dứt, nga quỷ chấm dứt rồi đến a-tu-la chấm dứt, a-tu-la chấm dứt rồi đến Tứ Thiên Vương chấm dứt, Tứ Thiên Vương chấm dứt rồi,... lần lượt như thế cho đến trời Biến Tinh chấm dứt, trời Biến Tịnh chấm dứt rồi, cuối cùng loài người cũng không còn. Sau khi loài người hết sạch, thế gian này bị hủy diệt thì tai kiếp được hình thành. Trải qua thời gian rất lâu về sau, có ngọn gió lớn khởi lên, tên là Đại Tăng- già5 thổi cho đến trời Quả Thật. Gió thổi khắp bốn phía, thổi cung trời Biến Tịnh, cung trời Quang Am, khiên các cung điện va chạm nhau roi nát vụn như tro bụi. Giông như lực sĩ câm hai chày đông đập vào nhau thì nát vụn không còn gì, hai cung điện va chạm nhau cũng lại như thế. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. [014ƠCÍ2] Sau đó, ngọn gió này thôi đên các cung điện trời Phạm-ca-di, cung điện trời Tha Hóa Tự Tại, khiến các cung điện va chạm vào nhau, nát vụn như tro bụi, không còn lại gì. Giống như lực sĩ cầm hai chày đồng đập vào nhau, làm nát vụn không còn lại gì, hai cung điện va chạm nhau cũng lại như thế. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. về sau, ngọn gió này thổi đến các cung điện Hóa Tự Tại, cung điện trời Đâu-suất, cung điện trời Diệm-ma? khiến các cung điện va chạm vào nhau, nát vụn như tro bụi, không còn lại gì. Giông như lực sĩ câm hai chày đông đập vào nhau, làm nát vụn không còn lại gì, các cung điện va chạm nhau cũng lại như thế. Do đó nên biết, tất cả các hành vo thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi the gian. Sau đó, ngọn gió này lại thôi bay cả bôn châu thiên hạ và tám vạn thiên

hạ, cùng các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di, rồi đem đặt giữa hư không, cao trăm ngàn do-tuần5 khiến các ngọn núi va chạm nhau, nát vụn như tro bụi. Giống như lực sĩ tay cầm nắm trấu nhẹ rải lên không trung, bốn châu thiên hạ, núi Tu-di và các ngọn núi kia đều vỡ vụn, phân tán ra cũng lại như vậy. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm cầu con đường giải thoát, vượt khỏi thế gian. Sau đó, cơn gió lớn này thôi tan đại địa, nước trong lòng đát khô cạn, gió dưới mặt nước cũng dừng. Do đó nên biết, tất cả các hành vô thường, là pháp biến đổi, hư hoại, không đáng nương tựa. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán, hãy nên tìm câu con đường giải thoát, vượt khỏi thê gian.

986 KINH TRƯỜNG A-HÀM

[0141a02] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Hai cung trời Biến Tịnh và cung trời Quang Âm va chạm vào nhau, nát vụn như tro bụi. Ai sẽ tin điều này? Chỉ có người nào nhìn thấy mới biết được mà thôi. Như thế, cho đến nước trong lòng đất khô cạn, gió bên dưới nước cũng dừng. Ai sẽ tin điêu này? Chỉ có người nào nhìn thây thì mới tin được mà thôi. Đó là nạn gió. Thế nào là sự khôi phục sau nạn gió? Trải qua thời gian rất lâu về sau, có đám mây đen lớn giăng phủ kháp hư không, giăng đên cõi trời Quả Thật roi tuôn trận mưa lớn, giọt nước mưa to như bánh xe, mưa liên tục như thế vô số trăm ngàn vạn năm, nước mưa dâng mãi cho đến trời Quả Thật. Lúc đó, có bốn ngọn gió giữ mực nước lại. Bôn ngọn gió ây là Trụ phong, Trì phong, Bát Động và Kiên Cố. Sau đó, mực nước dần dần giảm xuống vô số trăm ngàn do-tuần, bốn phía mặt nước có ngọn gió lớn tên là Tăng-già dấy lên, thổi đến khuấy động mặt nước, tạo thành sóng dữ, nổi bọt sóng kết tụ lại, rồi gió thổi bọt sóng văng khỏi mặt nước, bay lên hư không, tự nhiên tạo thành cung trời Biến Tịnh, màu sắc đan xen lẫn nhau, do bảy báu tạo thành, do nhân duyên đó nên có cung trời Biến Tịnh. Mực nước ây giảm xuồng vô sô trăm ngàn do-tuân, ngọn gió Tăng-già kia / r 7 e r \

thôi đên khuây động mặt nước, tạo thành sóng dữ, nôi bọt sóng két tụ lại, roi gió thổi bọt sóng văng khỏi mặt nước, bay lên hư không, tự nhiên tạo thành cung . K e\ K trời Quang Am, có nhiêu màu đan xen lân nhau, do bảy báu tạo thành,... cho đến nước biển thuần một vị mặn, cũng như khi nạn lửa khôi phục. Đó là nạn gió. Đó là ba tai họa và ba lần khôi phục như vậy.

30. KINH THẾ KÝ 987

10. PHẨM CHIẾN ĐẤU86

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Thuở xưa, khi chư thiên đánh nhau với a-tu-la,87 Thích-đề-hoàn-nhân ra lệnh cho chư thiên Đao-lợi: "Hôm nay, các ngươi hãy đi đánh a-tu-la, nếu đánh thắng thì phải bắt a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, trói chặt cả năm phần cơ thể88 rồi dân vê giảng đường Thiện Pháp, ta muôn nhìn tận mặty Khi ấy, vâng lệnh Đế-thích, chư thiên Đao-lợi thảy đều trang bị sẵn sàng. Bấy giờ, a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng ra lệnh cho các a-tu-la: "H6m nay, các ngươi hãy đi đánh chư thiên Đao-lợi, nêu đánh thăng thì phải bát Thích-đê- hoàn-nhân, trói chặt cả năm phần cơ thể rồi dẫn về

giảng đường Thất Diệp, ta muốn nhìn tận mặt." Thê roi, vâng lệnh a-tu-la Tỳ-ma-chât-đa-la, các a-tu-la thảy đêu trang bị sẵn sàng. [0141b02] Bấy giờ, chư thiên đánh nhau với các a-tu-la. Chư thiên thắng ựận5 chúng a-tu-la rút lui. Lúc ây, chư thiên Đao-lợi liên băt sông vua a-tu-la, trói chặt cả năm phần cơ thể rồi dẫn về giảng đường Thiện Pháp trình với Đế-thích. Lúc ấy, vua a-tu-la trông thấy cõi trời an vui nên sanh tâm ưa thích, liền tự nghĩ: "Cối này quá đẹp đẽ, ta nên sống ở dây, sao phải trở về cung a-tu-la làm gi?" Khi ý niệm ây phát sanh thì năm phân cơ thê đang bị trói chặt liên tự mở và năm thứ dục lạc liên hiện ra trước mặt. Còn khi a-tu-la khởi ý muôn trở vê cung điện của mình thì năm phần cơ thể bị trói chặt lại, năm thứ dục lạc đều biến mất. LÚC ây, a-tu-la đã bị trói chặt lại càng bị siêt chặt thêm. Sự trói buộc của ma còn chắc chắn hơn thế. Chấp ta và của ta89 là sự trói buộc của ma. Không chấp ta và của ta thì sự trói buộc của ma được tháo gỡ. Chấp thủ ngã90 thì bị trói buộc, chấp thủ ái thì bị trói buộc. Chấp ngã sẽ tồn tại là bị trói buộc, chấp ngã sẽ không tồn tại là bị trói buộc, chấp ngã có sắc là bi trói buộc, chấp ngã không phải sắc là bị trói buộc, chấp ngã vừa có săc vừa không có sác là bị trói buộc, châp ngã có tưởng là bị trói

86 Nguyên tác: Chiến đấu phẩm roi. 0001.30.10. 0141a21. Tham chiếu: s. 11.4 - L 220; s. 11.5-L 222; S. 11.6-1.224. 87 Nguyên tác: A-tu-lu2n . 88 Nguyên tác: Ngũ hệ hệ phược .Trói 5 chỗ: cổ, 2 tay và 2 chân. 89 Nguyên tác: Ngô ngã nhân .
90 Nguyên tác: Ái ngã .Bản Tống, Nguyên, Minh: Thọ ngã .

buộc, chấp ngã không có tưởng là bi trói buộc, chấp ngã vừa có tưởng vừa không có tưởng là bị trói buộc. Ngã là tai họa lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Cho nên, đệ tử Hiền thánh biết ngã là tai họa lớn, là ung nhọt, là gai nhọn nên xả bỏ các tưởng ve ta va cua ta ma tu hạnh vo ngã/1 xem ngã áy la ganh nặng, la phóng túng, là hữu vi. Chấp ngã sẽ tồn tại là hữu vi, chấp nẹã sẽ không tồn tại là hữu vi, chấp ngã có sắc là hữu vi, chấp ngã không phải săc là hữu vi, châp ngã vừa có sắc vừa không có sắc là hữu vi, chấp ngã có tưởng là hữu vi, chấp ngã không có tưởng là hữu vi, chấp ngã vừa có tưởng vừa không có tưởng là hữu vi. Hữu vi là tai họa lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Thế nên, các đệ tử Hiền thánh phải biết hữu vi là tai họa lớn, là ung nhọt, là gai nhọn, nên phải từ bỏ hữu vi mà tu hạnh vô vi. [0141b22] Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Thuở xưa, khi chư thiên đánh nhau với a-tu-la thì Thích-đề-hoàn-nhân ra lệnh cho chư thiên Đao-lợi: "Các ngươi nay hãy đi đánh nhau với a-tu-la, nếu thắng trận thì bắt a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, trói chặt cả năm phần cơ thể rồi đem về giảng đường Thiện Pháp, ta muốn nhìn tận mặt.,, Khi ấy, vâng lệnh Đế-thích, chư thiên Đao-lợi thảy đều trang bị sẵn sàng. Bấy giờ, a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng ra lệnh cho các a-tu-la: "Hôm nay, các ngươi hãy đi đánh chư thiên Đao-lợi, nếu thắnẹ trận thì phải bắt Thích-đề- hoàn-nhân, trói chặt cả năm phân cơ thê roi đem vê giảng đường Thát Diệp, ta muốn nhìn tận mat." Khi ấy, vâng lệnh Tỳ-ma-chất-đa-la, các a-tu-la đều ữang bị sẵn sàng. Bấy giờ. chư thiên đánh nhau với các a-tu-la. Chư thiên thắng trận. các a-tu-la rút lui. Chư thiên Đao-lợi bát sông a-tu-la Tỳ-ma-chât-đa-la, trói chặt cả năm phần cơ thể rồi đem về giảng đường Thiện Pháp trình với Đế-thích. Khi ấy, Đế-thích đang thong thả dạo quanh trên giảng đường

Thiện Pháp, từ xa trông thấy Đế-thích, mặc dù đang bị trói, a-tu-la vẫn buông lời thô ác? mắng nhiếc Đế-thích. Lúc đó, người hầu đến trước mặt Đế-thích rồi nói kệ: Sao Thiên đế phải sợ, Tự tỏ mình yếu hèn, 92 mắng trước điện, Tu-chất91 vẫn nghe và lặng im? [0141C10] Bấy giờ, Đế-thích liền dùng kệ để đáp người hầu cận: Tu-chất không sức mạnh, Ta nào có sợ chi, Lẽ đâu bậc đại trí, Tranh kẻ ngu làm gì? Khi ấy, người hầu liền dùng kệ thưa Đấ-thích: Nay không trị người ngu, Sau này e khó nhẫn, Hãy phạt nặng kẻ ngu, Khiên họ tự cải hôi.

91 Nguyên tác: Vô ngã hành . 92 Tu-chất ,tên khác của a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la .

Lúc đó, Đấ-thích dùng kệ đáp người hầu: Ta thường nói người trí, Không tranh với người ngu, Họ mắng, người trí nhịn, Thì đã thắng kẻ ngu. Bấy giờ, người hầu đọc bài kệ trình Đế-thích: Thiên đế cứ lặng im, Đe giữ gìn phẩm hạnh, Mà kẻ ngu ương ngạnh, Bảo Thiên đế yếu hèn. Kẻ ngu chẳng lượng sức, Một mực gây chiến tranh, Liêu mình chăng ngại chét, Muốn vua phải lui binh. Khi ấy, Đế-thích dùng kệ đáp lời người hầu: Người ngu không hiểu biết, Nghĩ ta SỢT, lo âu, Ta quán đệ nhất nghĩa, Nhẫn nhục là đứng đầu. Ác nhất trong việc ác9 Là đem sân trả sân, Với sân chăng sân hận, Là chiến thắng tuyệt trần. Có hai việc ở đời, Là vì mình, vì người, Nếu người ưa tranh tụng, Không tranh, nhất trên đời. Có hai việc ở đời, Là vì mình, vì người, Thấy ai không tranh tụng, Bảo họ ngu nhất đời. Nếu ai có sức mạnh, Nhẫn nhịn kẻ yếu hơn, Sức mạnh ấy bậc nhất, Trong đời không ai hơn! Kẻ ngu nghĩ mình mạnh, Sức mạnh ấy đáng chi, Đúng như pháp nhẫn nhục, Sức ấy chẳng ai bì. [0142a08] Bấy giờ, đức Phật bảo Tỳ-kheo: Đế-thích thuở ấy là người nào khác ư? Chớ nghĩ như thế, vì Đế-thích thuở ấy chính là Như Lai. Lúc ấy, Như Lai tu hạnh nhẫn nhục nên không làm điều thô bạo, lại thường khen ngợi người tu hạnh nhẫn nhục. Nếu người có trí muốn hoằng dương đạo pháp của Như Lai thì phải tu hạnh nhẫn nhục, chớ ôm lòng oán hận, hơn thua. Đức Phật dạy Tỳ-kheo: Thuở xua, chư thiên Đao-lợi đánh nhau với a-tu-la, bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân nói với a-tu-la Chất-đa: "Các ông can gì phải chuẩn bị binh khí và Ôm lòng sân hận, ưa đánh phá lân nhau? Nay ta sẽ cùng các ông bàn luận vê đạo lý để phân định ai thắng, ai thua?" Lúc ấy, a-tu-la Chất-đa nói với Đế-thích: "Giả sử bỏ hết binh khí, chỉ dùng sự tranh luận về đạo lý thì làm sao phân định được ai thắng, ai thua?" Đế-thích nói: "Chí cần bàn luận thôi, những người có trí tuệ trong chúng của ngươi và trong hàng chư thiên của ta sẽ phân đinh được việc thắng, thua."

Khi ấy, a-tu-la Chất-đa nói với Đế-thích: "Ngươi hãy nói kệ trước di!" Đế-thích đáp: "Ngươi nguyên là trời,93 vậy ngươi hãy nói trước !,9 Bấy giờ, a-tu-la Chất-đa liền vì Đế-thích mà nói kệ: Nay không trị người ngu, Sau này e khó nhẫn, Hãy phạt nặng kẻ ngu, Khiến họ tự cải hối. Khi a-tu-la Chất-đa nói bài kệ ấy xong, tất cả chúng a-tu-la đều rất đỗi vui mừng và lớn tiếng khen hay, còn chư thiên thì im lặng không nói gì. Bấy giờ, vua a-tu-la nói với Đế-thích: "Bây giờ đến lượt ngươi nói kệr Khi đó, Đế-thích liền nói kệ

cho a-tu-la: Ta thường nói người trí, Không tranh với kẻ ngu, Họ măng, người trí nhịn, Thì đã thăng kẻ ngu. [0142b01] Khi Đế-thích nói bài kệ ấy rồi, chư thiên Đao-lợi đều rất đỗi vui mừng và lớn tiếng khen hay. Lúc đó, chúng a-tu~la im lặng không nói gì. Thế rồi, Đế-thích nói với a-tu-la: “Bây giờ đến lượt ngươi nói kệV' Lúc ấy, a-tu-la lại nói kệ: Thiên đế cứ lặng im, Đe giữ gìn phẩm hạnh, Mà kẻ ngu ương ngạnh, Bảo Thiên đế yếu hèn. Kẻ ngu chăng lượng sức, Một mực gây chiến tranh, Liều mình chẳng ngại chết, Muốn vua phải lui binh. Khi vua a-tu-la nói kệ ấy xong, chúng a-tu-la rất đỗi vui mừng, lớn tiếng khen hay. Khi ấy, chư thiên Đao-lợi im lặng không nói gì. Vua a-tu-la nói với Đê-thích: "Bây giờ đến lượt ngươi nói ke!" Lúc ấy, trời Đế-thích nói kệ cho a-tu-la: Người ngu không hiên biêt, Nghĩ ta sợ, lo âu, Ta quán đệ nhất nghĩa, Nhẫn nhục là đứng đàu. Ác nhất trong việc ác, Là đem sân trả sân, Với sân chẳng sân hận, Là chiến thắng tuyệt trần. Cór hai việc ở đời, Là vì mình, vì người, N 2 Nêu người ưa tranh tụng, Không tranh, nhát trên đời. Có hai việc ở đời, Là vì minh, vì người, Thấy ai không tranh tụng, Bảo họ ngu nhất đời.

93 Nguyên tác: Cựu thiên Pubbadevā, một tên gọi khác chỉ cho a-tu-la, vì nguyên trước kia là chư thiên Đao-lợi.

30. KINH THÉ KÝ 991

Nếu ai có sức mạnh, Mà nhịn kẻ yếu hơn, Sức mạnh ây bậc nhát, Trong đời không ai hơn! Kẻ ngu nghĩ mình mạnh, Sức mạnh ấy đáng chi, Đúng như pháp nhẫn nhục, Sức ấy chẳng ai bì. Thích-đề-hoàn>nhân nói bài kệ này rồi thì chư thiên Đao-lợi hớn hở vui mừng, lớn tiếng khen hay, còn chúng a-tu-la thì im lặng không nói gì. Khi ấy, chúng cõi trời và chúng a-tu-la đều lùi bước và nói với nhau: "Vua a-tu-la nói những bài kệ ấy là có sự xúc phạm, sẽ sanh đao kiếm, oán thù, tạo gốc rễ tranh đấu lẫn nhau, nuôi lớn lòng oán hận và gieo trồng cội rễ trong ba cõi. Những bài kệ của Đe-thích thì không có sự xúc phạm, không khởi đao kiếm, khônệ sanh tranh đấu, không nuôi lớn oán giận và chấm dứt cội rễ trong ba cõi. Điêu Đấ-thích nói là thiện, điều vua a-tu-la nói là bất thiện. Chư thiên thắng, a-tu-la thua." [0142c03] Đức Phật dạy Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhân thuở ấy là ai khác ư? Chớ nghĩ như thế. Vì sao như vậy? Vị đó chính là Như Lai. Lúc ấy, Như Lai dùng lời nhu hòa mà thắng a-tu-la. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: a ĩ r

Thuở xưa, chư thiên đánh nhau với a-tu-la. Bây giờ, a-tu-la thăng, chư thiên thất bại. Khi đó, Thích-đề-hoàn-nhân ngự trên xe báu ngàn căm và sợ hãi bỏ chạy. Giữa đường, ông thấy trên cây Thiểm-bà-la94 có một tổ chim, trong tổ chim ấy có hai chim non, liền nói kệ bảo người đánh xe rằng: Trên cây có đôi chim, Ngươi hãy quay xe tránh, Dù giặc có giết ta, Cũng chớ làm hại chúng. Nghe Đế-thích nói xong, người đánh xe liền tránh tổ chim nên quay xe lại. Khi ấy, xe quay lại hướng về phía quân của a-tu-la đang đuổi theo. Trông thấy xe báu đang chạy về hướng quân của mình, chúng a-tu-la liền nói với nhau: “Dế-thích ngự xe báu có ngàn căm đang chạy về hướng chúng ta, chắc muốn chống trả, chúng ta không kham nổi dâu!” Chúng a-tu-la liền rút lui tán loạn. Chư thiên thắng trận, a-tu-la thất bại. Đức Phật dạy Tỳ-kheo: Đế-thích thuở ấy là người nào khác ư? Chớ nghĩ như thế. Vì sao như vậy? Vì đó chính là Như Lai. Lúc ấy, đối với tất cả

chúng sanh, Như Lai đều khởi lòng thương xót. Này Tỳ-kheo! Các thầy xuất gia tu đạo ở trong giáo pháp của Như Lai thì phải khởi lòng từ bi, thương xót muôn loài. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thuở xưa, chư thiên đánh nhau với a-tu-la. Chư thiên thắng trận, a-tu-la thất bại. Khi ấy, Đấ-thích chiến thắng liền trở về nội cung, dựng một tòa nhà

94 Thiểm-bà-la Simbali, cũng gọi là Quyên Miên thọ ,là cây cùng họ với cây bông gòn. M. 21 gọi là Tulini.

đặt tên là Tối Thắng,95 từ Đông sang Tây dài một trâm do-tuần, từ Nam đến Bắc rộng sáu mươi do-tuần. Ngôi nhà này có trăm gian, mỗi gian đều có bảy đài cao liền kề với nhau, trên mỗi đài có bảy ngọc nữ, mỗi ngọc nữ đều có bảy người hâu. Thích-đê-hoàn-nhân cũng không lo lăng đên việc cung cáp y phục, thực phẩm và trang sức cho các ngọc nữ, vì tùy theo nhân đã tạo mà tự mình thọ hưởng phước báu. Do tâm hoan hỷ vì chiến thắng a-tu-la nên Đế-thích xây dựng tòa nhà này, nên gọi là nhà Tối Thắng. Hơn nữa, hết thảy cung điện trong ngàn thế giới cũng không so sánh được với tòa nhà này, cho nên gọi là Toi Thắng. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thuở xua, a-tu-la suy nghĩ: "Ta có oai đức lớn, có thân lực không phải ít nhưng chư thiên Đao-lợi, mặt trời, mặt trăng và chư thiên khác thường ở trên hư không và dạo chơi phía trên đầu ta một cách tự tại. Nay ta có nên lấy mặt trời và mặt trăng kia để làm khuyên tai rồi dạo chơi tự tại?" Lúc đó, vua a-tu-la nổi cơn thịnh nộ, liền nghĩ đến a-tu-la Chùy Đả.96 A-tu- la Chùy Đả nghĩ răng: "Vua a-tu-la đang nghĩ đên ta, vậy ta nên mau chuan bj.” A-tu-la ấy liền ra lệnh cho hầu cận trang bị đầy đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, r y : *A Ạ cùng với vô sô a-tu-la tuân tự trước sau, đi đên trước vua a-tu-la roi đứng sang một bên. Khi đó, vua a-tu-la lại nghĩ đến a-tu-la Xá-ma-lê.97 A-tu-la Xá-ma-lê cũng tự nghĩ: "Vua a-tu-la đang nghĩ vê ta, vậy ta hãy mau chuân bj.” Xá-ma-lê liên ra lệnh cho hầu cận trang bi đầy đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số a-tu-la tuân tự trước sau, đi đên trước vua a-tu-la roi đứng sang một bên. [0143al2] Khi ấy, vua a-tu-la lại nghĩ đến a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa. A-tu-la Tỳ-ma-chât-đa cũng tự nghĩ: "Vua a-tu-la đang nghĩ vê ta, vậy ta hãy mau chuẩn bị.,, Tỳ-ma-chất-đa liền ra lệnh cho hầu cận trang bi đầy đủ binh khí, cưỡi cô xe báu, cùng với vô sô a-tu-la tuân tự trước sau, đi đên trước vua a-tu-la rồi đứng sang một bên. LÚC đó? vua a-tu-la nghĩ đên các đại thân a-tu-la. Đông thời, các đại thân a-tu-la cũng tự nghĩ: "Vua đang nghĩ vê chúng ta, vậy chúng ta hãy mau chuân bj." Các đại thần a-tu-la ra lệnh cho hầu cận trang bị đầy đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số a-tu-la tuần tự trước sau, đi đến trước vua a-tu-la rồi đứng sang một bên. Khi ây, vua a-tu-la nghĩ đên các tiêu a-tu-la. Các tiêu a-tu-la cũng nghĩ: "Vua đang nghĩ về ta, vậy chúng ta hãy mau chuẩn bj." Các tiểu a-tu-la ra lệnh cho hầu cận trang bị đầy đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số a-tu-la tuần tự trước sau, đi đến trước vua a-tu-la rồi đứng sang một bên.

95 Tối Thắng ,Vejayanta. 96 Chùy Đả atulu2n . 97 Xá-ma-lê Sambara.

Bấy giờ, vua a-tu-la tên là La-ha liền tự trang bị, thân mặc áo giáp đồng báu, ngự trên xe báu, cùng vô số trăm ngàn a-tu-la vây quanh trước sau với đầy đủ binh khí, đi ra khỏi trú xứ, muốn đến giao chiến với chư thiên. Khi đó9 long vương Nan-dà, long vương Bạt-nan-đà dùng thân cuốn quanh núi Tu-di bảy vòng khiến rung chuyển cả núi rừng, mây mỏng bủa giăng, mưa rơi lất phất, rồi dùng đuôi rồng quật vào biển cả, khiến cho biển cả dậy sóng, trào dâng lên đến đỉnh núi Tu-di. Lúc ấy, chư thiên Đao-lợi liền nghĩ: "Nay mây mỏng bủa giăng, mưa rơi lất phất, sóng biển trào dâng đến tận nơi này. Hẳn là a-tu-la muốn đến đây gây chiến nên mới có điềm lạ như vy." [0143b02]
Bấy giờ, vô số binh chúng thuộc các loài rồng ở trong biển đều cầm mâu, giáo, cung tên, đao, kiếm, mặc áo giáp báu và binh khí tề chỉnh để nghinh chiên với a-tu-la. Nêu chúng rông thăng thì đuôi a-tu-la chạy vào cung điện của chúng. Nêu chúng rông thua thì không trở vê cung rông mà chạy đên chỗ quỷ thần Già-lâu-la98*và nói: "Chúng a-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên, chúng tôi đã kháng cự nhimg nay chúng đắc thắng, các ông hãy chuẩn bị đầy đủ binh khí, hợp sức cùng chúng tôi để chiến đấu với chúng.,, Nghe rông nói xong, các quỷ thân liên tự trang bị đây đủ binh khí, mặc áo giáp báu rồi cùng với chúng rồng đi đánh a-tu-la. Nếu chúng rồng thắng thì đuổi a-tu-la chạy vào cung điện của chúng. Nếu chúng rồng thua thì không trở về cung rồng mà chạy đến chỗ quỷ thần Trì Hoa" và nói: "Chúng a-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên, chúng tôi đã kháng cự nhưng nay chúng đắc thang, các ông mau trang bị đay đủ binh khí, hợp sức cùng chúng tôi để chiến đấu với chiiĩig." Nghe rông nói xong, các quỷ thân Trì Hoa liên tự trang bị đây đủ binh khí, mặc áo giáp báu, cùng hợp sức đê đánh trả a-tu-la. Nêu chiên thăng thì đuôi a-tu-la vào cung điện của chúng, nếu chiến bại thì không trở về cung rồng mà chạy đến chỗ quỷ thần Thường Lạc100 và nói: "Chúng a-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên, chúng tôi đã kháng cự nhưng nay chúng đắc thắng, các ông mau trang bị binh khí, hợp sức cùng chúng tôi để chiến đấu với chiíng." Nghe xong, các quỷ thần Thường Lạc liền tự trang bị binh khí, mặc áo giáp báu, hợp sức để đánh trả a-tu-la. Nếu chiến thắng thì đuổi a-tu-la vào cung điện của chúng, nếu chiến bại thì không trở về cung rồng mà chạy đến chỗ Tứ Thiên Vương và báo:

98 Già-lâu-la S. Karotapāni. "Trì Hoa ,có nơi dịch Trì Man s. Mālādhara. 100 Thường Lạc ,có nơi dịch Hỷ Lạc s. Sadāmattā.

“Chúng a-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên, chúng tôi đã kháng cự nhưng nay chúng đắc thắng, các ông hãy mau trang bị binh khí, hợp sức cùng chúng tôi để chiên đấu với chúng." Nghe xong, Tứ Thiên Vương liền tự trang bị binh khí, mặc áo giáp báu, hợp sức để đánh trả a-tu-la. Nếu chiến thắng thì đuổi a-tu-la vào cung điện của chúng, nếu chiến bại thì Tứ Thiên Vương liên đến giảng đường Thiện Pháp mà thưa với trời Đế-thích và chư thiên Đao-lợi rằng: “A-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên, nay chư thiên Đao-lợi hãy chuẩn bị binh khí, hợp sức cùng chúng tôi đe đi chiến đấu với chiiĩig." Khi ấy, Đế-thích ra lệnh cho người hầu cận: "Ngươi truyền lời ta, hãy đi báo cho các trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa Tự Tại và trời Tha Hóa Tự Tại biết rằng: 'Vua a-tu-la cùng với vo số thuộc hạ sắp đến gây chiến, vì thế chư thiên hãy trang bị

binh khí đầy đủ hầu giúp ta chiến đấu/ Vâng lời Bế-thích, người hầu cận đi đến trời Diệm-ma,... cho đến trời Tha Hóa Tự Tại, thay lời Đế-thích mà nói như vầy: "A-tu-la cùng với vô số thuộc hạ sắp đến gây chiến, vì thế chư thiên hãy trang bị đầy đủ binh khí để giúp Đấ-thích chiến dấu." [0143cll] Khi ấy, nghe như thế rồi, thiên tử Diệm-ma liền trang bị đầy đủ binh khí, mặc áo giáp báu, cưỡi cỗ xe báu, cùng vô so trăm ngàn chúng trời vây quanh trước sau, đi đến dừng trụ ở phía Đông núi Tu-di. Bấy giờ, thiên tử Đâu- suất nghe nói như thế cũng liền ữang bị binh khí, mặc áo giáp báu, cưỡi cỗ xe báu, cùng vô số trăm ngàn ức chúng trời vây quanh trước sau, đi đến dừng trụ ở phía Nam núi Tu-di. Bấy giờ, thiên tử Hóa Tự Tại nghe như thế, cũng trang bị đầy đủ binh chúng rồi đến dừng trụ ở phía Tây núi Tu-di. Bấy giờ, thiên tử Tha Hóa Tự Tại nghe nói như thế, cũng trang bị đầy đủ binh chúng roi đen dừng trụ ở phía Bắc núi Tu-di. Khi ấy, trời Đế-thích liền nghĩ đến ba mươi ba vi thiên thần của cõi trời Đao-lợi thì ba mươi ba vị thiên thần của trời Đao-lợi cũng tự nghĩ: "Đế-thích đang nghĩ về chúng ta, vậy chúng ta hãy mau trang bị sẵn sang/9 Rồi ra lệnh cho hầu cận trang bị đầy đủ các loại binh khí và cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số ức chúng trời vây quanh, tuần tự đi đến trước Đế-thích và đứng sang một bên. Bấy giờ, trời Đế-thích lại nghĩ đến các thiên thần khác của trời Đao-lợi. Các thiên thần khác của trời Đao-lợi cũng tự nghĩ: “pế-thích đang nghĩ đến chúng ta, vậy chúng ta hãy mau trang bị sẵn sàng.” Rồi ra lệnh cho hầu cận trang bị đầy đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng vô số chúng trời vây quanh, tuần tự đi đến trước Đế-thh rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Đế-thích lại nghĩ đến quỷ thần Diệu Tượng101 thì quỷ thần Diệu Tượng cũng tự nghĩ: í4Đế-thích đang nghĩ đến

101 Diệu Tượng ,Vissakamma còn gọi Tỳ-xá-yết-ma ,vị trời đảm trách việc kiến trúc của Thiên chủ De-thich.

ta, vậy ta hãy mau trang bị săn sàng." Roi ra lệnh cho hâu cận trang bị đây đủ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng vô số ngàn quỷ thần vây quanh, tuần tự đi đến trước Đe-thích và đứng sang một bên. Bấy giờ, Đế-thích lại nghĩ đến vua rồng Thiện Trụ102 tiìi vua rồng Thiện Trụ cũng tự nghĩ: “Eế-thích đang nghĩ đến ta, vậy ta hãy đến đó9\ liền đến đứng trước mặt Đế-thích. [0144a03] Bấy giờ, Đế-thích liền tự trang bị đầy đủ các loại binh khí, thân mặc áo giáp báu, ngự trên đỉnh đầu vua rồng Thiện Trụ rồi cùng với vô số chúng trời và quỷ than vây quanh, cùng ra khỏi cung trời và giao chiến với a-tu- la. Tát cả những thứ được chuân bị như binh khí, đao, kiêm, mâu, giáo, cung, tên, búa? rìu, bánh xe, lưới và binh khí, áo giáp đều do bảy báu tạo thành. Lại dùng dao nhọn làm hại thân a-tu-la nhưng không gây tổn thương, chỉ chạm đến ngoài da mà thôi. Chúng a-tu-la cũng cầm đao, kiếm, mâu, giáo, cung, tên, búa? rìu, bánh xe và lưới đều do bảy báu tạo thành, rồi dùng dao nhọn làm hại thân chư thiên nhimg chỉ chạm đến ngoài da mà không gây tổn thương. Như vậy, do dục mà chư thiên đánh nhau với a-tu-la. Do dục làm nhân nên phải đánh nhau như thế.103

102 Thiện Trụ long vương . 103 Bản Hán, hết quyển 21.

11. PHẨM BA TRUNG KIẾP104

Đức Phật bảo các Tỳ"kheo: Có ba trung kiếp.105 Những gì là ba? Một là kiếp đao binh. Hai là kiếp đói khát. Ba là kiếp dịch bệnh. Thê nào là kiêp đao binh? Con người trên thê gian này vôn sông bôn mươi ngàn tuổi. Sau đó? giảm dần còn hai mươi ngàn tuổi và tiếp tục giảm xuống còn mười ngàn tuôi, kê tiêp thọ một ngàn tuôi, kê nữa thọ năm trâm tuôi roi đên thọ ba trăm tuổi rồi hai trăm tuổi. Ngày nay, con người sống một trăm tuổi hoặc hơn kém con sô đó. Vê sau, tuôi thọ con người giảm xuông chỉ còn mười tuổi. Lúc đó, người nữ mới sanh được năm tháng thì lấy chồng. Bấy giờ, thế gian có bao nhiêu vị ngon như bơ, dầu, mật, đường phèn, đường mía đen106 đều tự nhiên biến mất, năm loại lúa gạo107 không còn sanh trưởng, chỉ có cỏ hoang.108 Lúc ấy, những loại y phục thượng hạng bằng gấm vóc, lụa là? vải bông,109 vải gai110 thảy đều không còn mà chỉ còn lại loại áo quần dệt bằng cỏ thô. Bấy giờ, mặt đất này sanh ra toàn gai góc, muỗi mòng, rắn, rít, bò cạp, côn trùng độc. Đồng thời, vàng, bạc, lưu ly, châu ngọc và bảy thứ báu tự nhiên vùi trong 2 ỉ y r r đát, chỉ còn cát, dá, các thứ ô uê đây kháp thê gian. Khi đó, chúng sanh làm mười điều ác ngày một tăng, không hề nghe đến mười điều thiện, thậm chí danh từ thiện cũng không có, huống gì có người thực hành mười điều thiện? Bấy giờ, con người bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính sư trưởng, làm điêu ác thì được cúng dường, được người hâu hạ. Cũng như ngày nay, những người hiếu kính cha mẹ, tôn trọng sư trưởng, thường thực hành điều thiện thì được cúng dường, được người kính trọng, về sau, người làm ác cũng được cúng dường như thê. Người thuở áy sau khi mạng chung sẽ bị đọa vào loài súc sanh, cũng giống như con người ngày nay được sanh lên cõi trời.

104 Nguyên tác: Tam trung kiếp phẩm roi. 0001.30.11. 0144al8. 105 Trung kiếp ,antara kappo: Tuổi thọ của con người một lần tăng, một lần giảm gọi là một tiểu kiếp; 20 tiểu kiếp tổng cộng có 336 triệu năm, gọi là một trung kiêp. Tham chiếu: Câu-xả luận T. 29. 1558.11. 0061b06. 106 Nguyên tác: Tô du navanĩía; mật madhu', thạch mật madhuphānita; hắc thạch mật . : , 107 Nguyên tác: Ngũ cốc ,gồm có: đạo, thử, tắc, mạch, thqc ,tức lúa gié, lúa nếp, lúa tác, lúa tẻ, đậu. 108 Nguyên tác: Đe bại cỏ hoang, có hạt nhỏ như hạt lúa. 109 Nguyên tác: Kiếp-bối kappãsà, tức vải bông gòn. 110 Nguyên tác: Sô-ma ,khoma, tức vải gai.

30. KINH THẾ KÝ 997

LÚC đó, con người gặp nhau chỉ ôm lòng ác độc, muốn giết hại lẫn nhau, cũng như người thợ săn gặp bây nai thì chỉ muôn giêt chúng, không một niệm lành. Con người lúc đó cũng như vậy, chỉ muốn giết hại lẫn nhau, không một niệm lành. Bây giờ, đát đai không có nơi nào băng phăng, chỉ toàn là công rãnh, khe suối, hang hốc, gò nông, núi non. Lúc ấy, con người đi lại vô cùng sợ hãi, toàn thân sởn gai óc. [0144bl2] Thuở ấy, trong vòng bảy ngày thì có kiếp nạn đao kiếm nổi lên. Khi đó, mỗi cành cây, ngọn cỏ, gạch, ngói khi nằm trong tay của con người thì chúng liền trở thành đao kiếm bén nhọn, chạm đến thứ gì thảy đều đứt lìa và họ giết hại lẫn nhau. Trong số đó, có người có chút trí tuệ, nhận thấy sự giết hại lẫn nhau bằng đao kiếm kinh khiếp quá nên chạy

vào rừng núi, hang hốc hay chô văng người đê trôn. Trôn trong vòng bảy ngày, tâm nghĩ miệng tự nói: “Ta không hại người, người chớ hại ta." Trong vòng bảy ngày, những người này chỉ ăn toàn cỏ cây để sống qua ngày. Hết bảy ngày, họ ra khỏi núi rừng. Lúc ấy, hễ có gặp người nào thì họ vui mừng và nói: “Nay gặp được người còn sống sót, nay gặp người còn sống s6t!" Giống như cha mẹ xa cách đứa con duy nhất đã lâu ngày nay mới gặp lại nên thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. Những người ấy cũng như thế, khi gặp nhau thì thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng! Lúc đó, trong vòng bảy ngày, người dân chỉ biết nhìn nhau than khóc. Bảy ngày sau đó, họ cùng nhau vui mừng, hoan hỷ, chúc lành cho nhau. Con người trong kiếp binh đao, sau khi thân hoại mạng chung đều bị đọa vào địa ngục. Vì sao như vậy? Vì họ thường ôm lòng sân hận, giết hại lẫn nhau, không chút nhân từ. Đó gọi là kiếp đao binh. Đức Phật dạy: Này Tỳ-kheo! Thế nào là kiếp đói khát? Bây giờ, dân chúng làmA nhiêu điêu e phi pháp, tà kiên điên đảo, tạo mười y r

nghiệp ác. Vì làm mười điêu ác nên trời không mưa, các thứ cây cỏ đêu chét khô, năm loại lúa gạo không sống được, chỉ trơ gốc cành. Vì sao gọi là đói khát? Lúc đó, dân chúng quét lượm những hạt lúa còn sót lại trong ruộng vườn, đầu đường, cuối ngõ, hoặc bới móc trong phân đất để sống qua ngày, nên gọi là đói khát. Lại nữa, lúc đói khát, dân chúng bấy giờ lượm nhặt xương cốt ở giữa đường, trong chợ, nơi lò mổ hay ở gò mả rồi đem hầm lấy nước uống để sống qua ngày, nên gọi là đói trắng xương!111 Lại nữa, khi kiếp đói khát xảy ra, năm loại hoa màu hoàn toàn biến thành cỏ cây. Con người lúc đó hái hoa nấu nước mà uống. Gặp kiếp đói khổ thì hoa của

111 Nguyên tác: Bạch cốt cơ nga .

Cỏ cây đều rơi rụng, vùi lấp hết dưới đất, lúc đó, con người phải bới đất tìm hoa đe nau ăn, nhơ vạy ma song qua ngay, nen gọi la đoi đen co cay.112 Lúc ây, sau khi thân hoại mạng chung, chúng sanh đêu bị đọa vào nga quỷ. Vì sao như vậy? Vì trong kiếp đói, họ thường ôm lòng bon xẻn, không có tâm niệm bố thí, không chiu san sẻ? không nghĩ đến người trong cơn nguy khốn, đó là kiếp đói khát. [0144C11] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Thế nào là kiếp dịch bệnh? Vào thuở ấy, con người ở thế gian tu hành theo Chánh pháp, có chánh kiến, không điên đảo, thực hành đầy đủ mười điều lành. Trong khi đó5 có các loài quỷ thần ở thế giới khác đến. Những quỷ thần ở thế gian này lại buông lung, dâm loạn, không bảo vệ người đời. Do đó, các quỷ thần phương khác mới xâm phạm, nhiễu loạn người thế gian này, dùng tay đánh đập, dùng gậy quật ngã, hút lấy tinh khí, khiến cho tâm người bị điên loạn rồi cưỡng bức đem đi. Ví như vị quốc vương sai các tướng soái phải bảo vệ quốc dân nhưng khi có giặc cướp từ phương khác đến xâm phạm mà các tướng soái ở đây lại buông lung, nên nước nhà bi chúng cướp phá. ở đây cũng như vậy, quỷ thân phương khác đên bát giữ mọi người ở thê gian này, chúng đánh đập, quật ngã, hút lay tinh khí roi cưỡng bức đem đi. Đức Phật dạy: -Này Tỳ-kheo! Dù cho quỷ thần ở thế gian này không buông lung, không dâm loạn nhưng khi các quỷ thần ở thế giới khác có oai lực lớn đi đến thì các quỷ thân ở thê gian này cũng sợ hãi mà trôn đi. Những quỷ thân có oai lực lớn kia liền xâm phạm, đánh đập, hút lấy tinh khí con

người cõi này và tàn sát rồi bỏ đi. Ví như quôc vương hoặc đại thân của quôc vương sai các tướng soái bảo vệ dân chúng, các vị ấy canh phòng nghiêm ngặt, cẩn thận, không chút lơ là, bỗng có tướng soái mạnh bạo, hung dữ từ phương khác đến cùng với nhiều binh lính, phá phách xóm làng, thành áp, cướp đoạt tài sản nhân dân; cũng giông như thê, dù cho quỷ thần ở thế gian này không chút lơ là nhưng khi những quỷ thần có sức mạnh lớn từ phương khác đên thì quỷ thân ở thê gian này cũng sợ hãi trôn đi. Do đó, những quỷ thần có sức mạnh lớn kia liền xâm phạm, đánh đập, hút lấy tinh khí con người ở cõi này và tàn sát họ, rồi cũng bỏ đi như vậy. Trong thời kiếp bệnh tật, người dân sau khi thân hoại mạng chung đều sanh về cõi trời. Vì sao như vậy? Vì con người lúc đó đều hướng tâm từ bi đến với nhau và cùng thăm hỏi: "Bằng hữu đã hết bệnh chưa? Thân thể có khỏe mạnh kh6ng?" Do nhân duyên đó mà họ được sanh vê cõi trời, cho nên gọi là kiêp tật bệnh. Đó là ba trung kiếp vậy.

112 Nguyên tác: Thảo mộc cơ nga .

30. KINH THẾ KÝ 999

12. PHẨM THẾ BÔN DUYÊN113

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Sau khi nạn lửa đã qua thì trời, đát và thê gian này săp khôi phục. Có những chúng sanh vì phước hết, nghiệp hết và mạng hết, qua đời tại cõi trời Quang Âm rồi sanh về cõi Phạm thiên trống không.114 ở đây, những chúng sanh này sanh tâm đăm nhiêm, yêu thích cõi này roi mong những chúng sanh khác cùng đên sông chung. Sau khi có ý niệm như thê, có những chúng sanh khác vì phước hết, nghiệp hết và mạng hết, qua đời tại cõi trời Quang Âm rồi sanh về cõi Phạm thiên trống không. Bấy giờ, vị Phạm thiên sanh ra trước tiên tự nghĩ: "Ta là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương, ta không do ai sanh ra, tự nhiên mà có, không do thọ thai. ở trong một ngàn thế giới, ta là đấng tự : r " J"

tại bậc nhát, thông hiêu các nghĩa lý, giàu có sung túc, có khả năng tạo ra vạn vật, là cha mẹ của tát cả chúng sanh,^, Những Phạm thiên đến sau cũng tự nghĩ: Phạm thiên sanh ra trước kia là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương, tự nhiên mà có, không do ai sanh ra. ở trong một ngàn thế giới, vị ấy là đấng tôn kính bậc nhất, không thừa hưởng gì từ ai khác, thông hiểu các nghĩa lý, giàu có sung túc, có khả năng tạo ra vạn vật, là cha mẹ của tất cả chúng sanh, ta được sanh ra từ vị y." Vị Phạm thiên vương ây có hình dáng và dung nhan trông giông như trẻ thơ, the nên Phạm vương còn được gọi là đong tử.115 Hoặc có lúc, khi thế gian này khôi phục, đa số chúng sanh được sanh về cõi trời Quang Am, tự nhiên hóa sanh, lây sự hoan hỷ làm thức ăn, thân tự phát ra ánh sáng, có thần túc bay giữa hư không, an vui, không bị chướng ngại, mạng sông lâu dài. Sau đó, thê gian này biên thành một biên nước lớn, tràn ngập kháp nơi. Ngay lúc đó, cả thiên hạ đều toi tăm, không có mặt trời, mặt trăng, các vì sao và cả ngày, đêm, cũng không có con sô năm, tháng hay bôn mùa. Sau thời gian đó, thế giới này bắt đầu chuyển biến để khôi phục. Có những chúng sanh khác vì phước hết, nghiệp hết và mạng hết, qua đời tại cõi trời Quang Âm rồi sanh đên thê giới này, đêu do hóa sanh và lây sự hoan hỷ làm thức ăn, thân tự phát ra ánh sáng, có thần túc bay giữa hư không,

an lạc không chướng ngại và

113 Nguyên tác: Thế bổn duyên phẩm,(roi. 0001.30.12. 0145a04). Tham chiếu: D. 27, Aggañña Sutta (Kinh Khởi thế nhân bồn). 114 Nguyên tác: Không Phạm xứ (Suññā Brahmavimãna). 115 DÃ. 3: Phạm đồng tử (Sanaipkumra).

sông một thời gian rát lâu ở cõi này. Thuở ây không có nam, nữ, không có tôn ti trên, dưới, cũng không có tên gọi khác nhau mà chỉ có nhiều người cùng sanh ra trong một thế giới, cho nên gọi là chúng sanh. Lúc đó, đất này tự nhiên sanh ra mùi vi của đất,116 ngưng tụ trong đất, giống như đề-hồ.117 Vị đất khi xuất hiện cũng thế, giống như sanh tô,118 vi ngọt như mật. Sau đó, những chúng sanh này dùng tay nêm thử xem là vị gì. Lúc đâu nêm thấy ngon, liền sanh tâm đắm nhiễm mùi vị. Do nếm liên tục không dứt nên sanh tâm tham đắm, vì dùng tay bốc nên hình thành cách ăn đoàn thực, do cứ mãi bóc đát ăn nên chúng sanh khác trông thây liên bát chước theo, roi cứ bóc đất ăn mãi. Khi ấy, thân thể của chúng sanh trở nên thô kệch, ánh sáng mất dần, không còn thần túc, không thể bay trong hư không. Lúc ấy chưa có mặt trời, mặt trăng mà ánh sáng của chúng sanh thì đã mất 9 r r 9 A -Ít- hãn nên trời đát tôi tăm, cũng như giai đoạn đâu không khác. Trải qua một thời gian rất lâu, có trận cuồng phong thổi vào biển cả, mực nước sâu tám mươi bốn ngàn do-tuần, khiến cho nước rẽ làm đôi, cuốn cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di rồi tạo thành quỹ đạo mặt trời, mọc từ hướng Đông, lặn ở phía Tây, xoay vần khắp thiên hạ. [0145bll] Cung điện mặt trời thứ hai, mọc từ hướng Đông, lặn về hướng Tây. Lúc đó, có chúng sanh nói: "Đó là ngày hôm qua." Hoặc có người nói: "Đó không phải là ngày hôm qua." Cung điện mặt trời thứ ba xoay quanh núi Tu-di, mọc từ hướng Đông, lặn ở hướng Tây. Lúc đó, có chúng sanh nói: "Quy định như thế là một ngy.” Ngày, nghĩa là nương vào sự tiến lên của ánh sáng, nên gọi đó là ngày. Mặt trời có hai nghĩa: Một là trú ở nơi cố đinh,119 hai là cung điện. Nhìn xa từ bốn phía, thấy cung điện có hình tròn, nóng lạnh điều hòa, do vàng cõi trời tạo nên, xen lẫn với pha lê; hai phan là vàng ròng cõi trời, thuần chất không pha tạp, trong ngoài trong suôt? ánh sáng tỏa chiêu rát xa; một phân là pha lê thuần chát không pha tạp, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu rất xa. Cung điện mặt trời dài rộng năm mươi mốt do-tuần, đất và tường thành của cung điện mỏng manh như lau lách.120 Cung điện có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, bảy lớp linh báu, trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành. Tường bằng vàng thì cửa bang bạc, tường bang bạc thì cửa bang vàng, tường

116 Nguyên tác: Địa vị rasa pathavī.

117 Đề-hồ ,sappi mando.

118 Sanh tô ,navanĩtă.

119 Nguyên tác: Thường :Sự cố định của quy luật. Tham chiếu: Sở từ, chương thứ chín ,

.

120 Nguyên tác: Tử bá .Bản Tống, Nguyên, Minh: Vi thác ii.

bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh, tường bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, tường bằng xích châu thì cửa bằng mã não, tường bằng mã não thì cửa bằng xích châu, tường băng xà cừ thì cửa băng các loại báu, tường băng các loại báu thì cửa bằng xà cừ.

Lại : nữa, với các lan\ can, nêu lan can băng vàng thì tay vịn.Y băng bạc, lan can băng bạc thì tay vịn băng vàng, lan can băng lưu ly thì tay vịn băng thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly, lan can bằng xích châu thì tay vịn băng mã não, lan can băng mã não thì tay vịn băng xích châu, lan can băng các loại báu thì tay vịn bằng xà cừ, lan can bang xà cừ thì tay vịn bằng các loại báu. Màn lưới bằng vàng thì treo chuông bằng bạc, màn lưới bằng bạc thì treo chuông bang vàng, màn lưới bằng thủy tinh thì treo chuông bang lưu ly, màn lưới băng lưu ly thì treo chuông băng thủy tinh, màn lưới băng xích châu thì treo chuông băng mã não, màn lưới băng mã não thì treo chuông băng xích châu, màn lưới bằng xà cừ thì treo chuông bằng các loại báu, màn lưới bằng các loại báu thì treo chuông bằng xà cừ. A A \

Cây băng vàng thì lá, hoa và trái băng bạc; cây băng bạc thì lá, hoa và trái bằng vàng; cây bằng lưu ly thì hoa và trái bằng thủy tinh; cây bằng thủy tinh thì hoa và trái băng lưu ly; cây băng xích châu thì hoa và trái băng mã não; cây băng mã não thì hoa và trái băng xích châu; cây băng xà cừ thì hoa và trái băng các loại báu; cây bằng các loại báu thì hoa và trái bằng xà cừ. Tường thành cung điện có bốn cửa, mỗi cửa có bảy bậc thềm, có lan can bao quanh, có đên đài, lâu gác, vườn rừng, ao tăm, theo thứ lớp đôi nhau. Cung điện có các loài hoa báu, mỗi hàng mỗi lớp đối xứng nhau, có vô số loại cây L r r r .

trái, hoa lá nhiêu màu sác xen kẽ, tỏa hương thơm ngát, lan kháp bôn phương, có vô số loài chim cùng nhau ca hót. [0145c07] Cung điện mặt trời được năm ngọn gió duy trì: Một là Trì phong, hai là Dưỡng phong, ba là Thọ phong, bốn là Chuyển phong và năm là Điều phong. Chánh điện của Nhật thiên tử cư ngu, do vàng ròng tạo thành, cao mười sáu do-tuần. Cung điện có bon cửa, có lan can bao quanh. Tòa của Nhật thiên tử dài rộng nửa do-tuân? do bảy báu tạo thành, tinh sạch, mem mại như áo trời. Thân thê của Nhật thiên tử phát ra ánh sáng, chiêu kháp cung điện băng vàng. Cung điện băng vàng phát ra ánh sáng, chiêu vào cung điện mặt trời, ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu khắp bốn thiên hạ. Nhật thiên tử thọ năm trăm tuổi trời. Con cháu thừa kế nhau, không gián đoạn, không có người khác họ kế vị. Cung điện mặt trời không bị tiêu hoại, tôn tại suôt một kiêp. Khi cung điện mặt trời di chuyển nhưng Nhật thiên tử không có ý di chuyển nên bảo rằng: "Ta dừng", luôn tự vui thú bằng năm thứ dục lạc. Khi cung điện mặt trời vận hành, có vô số trăm ngàn chư thiên cùng thiên thần đi theo dẫn đường trước, hoan hỷ không mệt mỏi, ưa thích nhanh nhẹn, cho nên Nhật thiên tử được gọi là Nhanh Nhẹn.

Thân của Nhật thiên tử phát ra ngàn tia sáng, năm trăm tia sáng chiếu xuông và năm trăm tia sáng chiêu chung quanh, đây là do công đức và hạnh nguyện đời trước nên có

ngàn tia sáng này, vì the Nhật thiên tử còn được gọi là Thiên Quang.121 Công dức, hạnh nguyện của Nhật thiên tử ở đời trước như thế nào? Đó là, hoặc có người cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, cấp dưỡng cho người nghèo khó, như bố thí thực phẩm, áo quần, thuốc thang, voi, ngựa, xe cộ, phòng ÓC và đèn đuôc. Trong khi bô thí thì tùy theo nhu câu của họ mà cho, không trái ý họ. Hoặc cúng dường cho người giữ giới, các bậc Hiền thánh. Do thực hành VÔ sô các pháp hỷ sáng suôt như thê, nên khởi tâm lành hoan hỷ. Như vua thuộc dòng Sát-lợi được rưới nước lên đỉnh đầu trong lễ đăng quang cũng khởi tâm lành hoan hỷ như thế. Do nhân duyên này, người ấy khi mạng chung được làm Nhật thiên tử, có cung điện mặt trời và có ngàn tia sáng, cho nên nói do nghiệp lành mà có được ngàn tia sáng. Lại nữa, do những việc gì mà gọi là tạo nghiệp lành sáng suốt đời trước? Đó là, có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời thô ác, không nói hai chiều, không nói thêu dệt, không tham lam, không sân hận, không tà kiến, vì nhân duyên đó nên khởi tâm lành hoan 1 ỉ 7 hỷ. Ví như ở ngã tư đường có ao tăm lớn, trong sạch, không dơ bân, có người từ phương xa đến, đang nóng khát mệt lả, vào ao này tắm gội, liền được mát mẻ nên cảm thấy vui vẻ, sảng khoái. Người tu mười hạnh lành ấy, tâm lành hoan hỷ cũng như thê. Người ây sau khi mạng chung được làm Nhật thiên tử, ở trong cung điện mặt trời có ngàn tia sáng, vì nhân duyên đó nên gọi là nghiệp lành sáng suốt. [0146a06] Lại nữa, vì nguyên do gì mà gọi là có ngàn tia sáng? Vì có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, do nhân duyên này nên tâm lành hoan hỷ, sau khi mạng chung được làm Nhật thiên tử, ở trong cung điện mặt trời, có ngàn tia sáng, do nhân duyên này nên gọi là nghiệp lành ngàn tia sáng. Một la-da122 bao gồm sáu mươi sát-na5123 ba mươi la-da thì gọi là ma-hầu- đa;124 trăm ma-hầu-đa thì gọi là ưu-ba-ma.125 Cung điện mặt trời sáu tháng di chuyên vê phía Nam, một ngày đi được ba mươi dặm vê hướng cực Nam nhimg không vượt qua Diêm-phù-đề. Cung điện mặt trời lúc di chuyển về phía Bắc cũng lại như the.

121 Thiên Quang Sahassārami. 122 La-da .Ngài Huyền Trang dịch là ulạp phược,, ,lava. 123 Nguyên tác: Niệm khoảnh s. ksana, p. khană tức sat-na. Theo Câu-xả luân 29. 1558.12. 0062b17: 120 sát-na ksana là một đát-sát-na ,tatksana, 60 đát-sát-na là l lạp phược ,le. 124 Ma-hầu-đa .Ngài Huyền Trang phiên âm là mâu-hô-lật-đa s. muhũrtă. 125 Uu-ba-ma .Ngài Huyền Trang dịch là "trú dạ"s. ahorãtrà.

30. KINH THÉ KÝ 1003

Do nguyên nhân gì mà ánh sáng mặt trời nóng bức? Có mười nguyên nhân. Mười nguyên nhân đó là gì? Một là, ngoài núi Tu-di có núi Khư-đà-la126 cao bốn mươi hai ngàn do- tuần, dài rộng bốn mươi hai ngàn do-tuần, giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ nhất khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Hai là, ngoài núi Khư-đà-la có núi Y-sa-đà127 cao hai mươi mốt ngàn do- tuần, ngang dọc hai mươi mốt ngàn do-tuần, giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là

nguyên nhân thứ hai khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Ba là, ngoài núi Y-sa-đà có núi Thọ-đề-đà-la128 cao mười hai ngàn do-tuần, ngang dọc mười hai ngàn do-tuần5 giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đen ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ ba khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Bôn là, cách núi Thọ-đê-đà-la có núi Thiện Kiên cao sáu ngàn do-tuân, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, giáp vòng núi khônệ có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiểu đến ngọn núi áy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ tư khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Năm là, ngoài núi Thiện Kiến có núi Mã Tự129 cao ba ngàn do-tuần, ngang dọc ba ngàn do-tuần, giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ năm khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Sáu là, cách xa núi Mã Tự có núi Ni-di-đà-la130 cao một ngàn hai trăm do- tuần, ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuần, giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ sáu khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Bảy là, cách núi Ni-di-đà-la có núi Điêu Phục cao sáu trăm do-tuân, ngang dọc sáu trăm do-tuần, giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ bảy khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Tám là, cách núi Điều Phục có núi Kim Cang Luân cao ba trăm do-tuần9 ngang dọc ba trăm do-tuần9 giáp vòng núi không có giới hạn, do bảy báu tạo

126 Khư-đà-la sơn H.Xem phẩm l, châu Diêm-phù-đề. 127 Y-sa-đà sơn .Xem phẩm l, châu Diêm-phù-đề, Y-sa-đà-la. 128 Thọ-đề-đà-la .ở trên là Thọ-cự-đà-la . 129 Mã Tự sơn .Xem phẩm l, châu Diêm-phù-đề, Mã Thực sơn. 130 Ni-di-đà-la .Xem phẩm l, châu Diếm-phù-đề, Ni-dân-đà-la.

thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến ngọn núi ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ tám khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Lại nữa, lên cao mười ngàn do-tuần, có cung trời tên Tinh Tú do lưu ly tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến cung điện ấy, do sự tiếp xúc nên phát ra nhiệt, đó là nguyên nhân thứ chín khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Lại nữa, khi ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến đại địa này, do sự tiếp xúc nên phát nhiệt, đó là nguyên nhân thứ mười khiến cho ánh sáng mặt trời nóng bức. Bây giơ, đức The Ton noi bai kê: Phật nói về mặt trời, Vì có mười nguyên nhân, Nên có tên Thiên Quang, Và ánh sáng nóng rực. [0l46bl6] Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Vì lý do gì [mà] vào mùa đông thì cung điện mặt trời lạnh đến nỗi không thê đên gân, dù có ánh sáng nhưng vẫn lạnh? Do mười ba nguyên nhân, tuy là có ánh sáng nhưng vẫn lạnh. Mười ba nguyên nhân đó là gì? Một là, giữa núi Tu-di và Khư-đà-la có hồ nước rộng tám mươi bốn ngàn do-tuần, giáp vòng mênh mông không ệiới hạn. Trong hồ nước ấy mọc các loài hoa như: Hoa ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa bát-đầu-ma, hoa phân-đà-lợi và hoa tu-càn-đề. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ nhất khiến cho ánh

sáng mặt trời lạnh giá. Hai là, giữa núi Khư-đà-la và Y-sa-đà-la có hồ nước rộng bốn mươi hai ngàn do-tuần, ngang dọc bốn mươi hai ngàn do-tuần, giáp vòng mênh mông không giới hạn. Trong hồ nước ấy có nhiều loài hoa mọc xen lẫn. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ hai khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Ba là, giữa núi Y-sa-đà-la và núi Thọ-đề-đà-la có hồ nước rộng hai mươi mốt ngàn do-tuần, giáp vòng mênh mông không giới hạn, có các loài hoa mọc xen lẫn. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ ba khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Bôn là, giữa núi Thiện Kiên và núi Thọ-đê có hô nước rộng mười hai ngàn do-tuần, giáp vòng mênh mông không giới hạn, có các loài hoa mọc xen lẫn. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên, do sự tiêp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ tư khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Năm là, giữa núi Thiện Kiến và núi Mã Tự có hồ nước rộng sáu ngàn do- tuân, có các loài hoa mọc xen lân. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên, do sự tiêp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ năm khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Sáu là, giữa núi Mã Tự và núi Ni-di-đà-la có một hồ nước rộng một ngàn hai trăm do-tuần, giáp vòng mênh mông không giới hạn, có các loài hoa mọc

30. KINH THÊ KÝ 1005

. er r r

xen lân. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên, do sự tiêp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ sáu khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Khoảng giữa núi Ni-di-đà-la và núi Điều Phục có một hồ nước rộng sáu trăm do-tuàn, giáp vòng mênh mông không giới hạn, có các loài hoa mọc xen lẫn. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đen, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ bảy khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Khoảng giữa núi Điều Phục và núi Kim Cang Luân có một hồ nước rộng ba trăm do-tuần, giáp vòng mênh mông không giới hạn, có các loài hoa mọc xen lẫn. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ tám khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Lại nữa, cõi đất Diêm-phù thuận lợi về sông, suối, biển cả. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ chín khiến cho mặt trời lạnh giá. Châu Diêm-phù-đề ít song, suối, còn châu Cù-da-ni thì nhiều sông, hồ. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ mười khiên cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Châu Cù-da-ni ít song, suối, còn châu Phất-vu-đãi thì nhiều sông, hồ. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ mười một khiến cho mặt trời lạnh giá. Châu Phất-vu-đãi ít sông, suối, chau uất-đan-việt thì nhiều sông, hồ. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ mười hai khiên cho mặt trời lạnh giá. Lại nữa, khi ánh sáng của cung điện mặt trời chiêu vào mặt nước của biên cả, do sự tiếp xúc nên sanh khí lạnh, đó là nguyên nhân thứ mười ba khiến cho ánh sáng mặt trời lạnh giá. Bấy giờ, đức Phật nói bài kệ: Phật nói về mặt trời, Có mười ba nguyên nhân, Nên gọi tên Thiên Quang, Anh sáng trong, lạnh giá. [0146c23] Đức Phật dạy: Này Tỳ-kheo! Cung điện mặt trăng có khi tròn, khi khuyết. Do ánh sáng có phân giảm thiêu nên cung điện mặt trăng được gọi

là Tôn. Mặt trăng có hai nghĩa: Một là tru nơi cố định, hai là cung điện. Từ bốn phương xa mà nhìn thì thay cung điện có hình tròn, ấm, lạnh điều hòa, do lưu ly và bạc cõi trời tạo thành; hai phân là bạc cõi trời, hoàn toàn thuần chát không pha tạp, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu rất xa; một phần là lưu ly, hoàn toàn thuần chất không pha tạp, trong ngoài trong suôt, ánh sáng chiêu rát xa. Cung điện mặt trăng ngang dọc bốn mươi chín do-tuần, tường thành và đất của cung điện mỏng như lau lách. Cung điện có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp chuông báu, bảy lớp hàng cây, trang

trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành,... cho đến có vô số chim muông cùng nhau ca hót. [0147a02] Cung điện ây được giữ gìn bởi năm ngọn gió: Một là Trì phong, hai là Dưỡng phong, ba là Thọ phong, bốn là Chuyển phong và năm là Điều phong. Chánh điện nơi Nguyệt thiên tử ngự được làm băng lưu ly, cao mười sáu do-tuần. Cung điện có bốn cửa và lan can bao quanh. Tòa của Nguyệt thiên tử dài rộng nửa do tuần, do bảy báu tạo thành, trong sạch và mềm mại như áo trời. Thân thê của Nguyệt thiên tử thường phát ra ánh sáng chiêu đên cung điện lưu ly, ánh sáng của cung điện lưu ly chiếu đến cung điện mặt trăng. Ánh sáng của cung điện mặt trăng chiếu khắp bon phương thiên hạ. Nguyệt thiên tử song năm trăm tuổi trời, con cháu thừa ke nhau, không có người khác họ ke vị. Cung điện M . M •M . . . ây không hư hoại cho đên một kiêp. Khi cung điện mặt trăng di chuyển nhưng Nguyệt thiên tử không có ý di chuyển nên bảo rằng: "Ta dừng!" Nguyệt thiên tử thường vui thú trong ngũ dục. Lúc cung điện mặt trăng di chuyển thì có vô số trăm ngàn các đại thần đi phía trước dẫn đường, hoan hỷ, không mỏi mệt, ưa thích nhanh nhẹn, do vậy Nguyệt thiên tử còn có tên là Nhanh Nhẹn. Thân thể của Nguyệt thiên tử phát ra một ngàn tia sáng, năm trăm tia sáng chiếu xuống và năm trăm tia sáng chiếu chung quanh, tất cả là do công đức và hạnh nguyện đời trước nên có ánh sáng này, vì thế Nguyệt thiên tử còn được gọi là Ngàn Ánh Sáng. Công đức, hạnh nghiệp đời trước của Nguyệt thiên tử thế nào? Đó là, có người ở thế gian cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn và bố thí cho người nghèo đói như thực phẩm, y phục, thuốc thang, voi, ngựa, xe cộ, phòng ốc, đèn đuốc. Trong khi cho, họ tùy theo nhu cầu mà cung cấp, không trái với ý muốn của người, hoặc cúng dường cho người trì giới, các bậc Hiền thánh. Do thực hành vô số các pháp hỷ khác nhau như thế nên tâm lành trong sáng, như vua thuộc dòng Sát-lợi được rưới nước lên đỉnh đầu trong lễ đăng quang, cũng khởi tâm lành hoan hỷ như thế. Do nhân duyên này, người ấy sau khi qua đời được làm Nguyệt thiên tử ở cung điện mặt trăng có ngàn tia sáng, cho nên nói rằng do nghiệp lành mà có được ngàn tia sáng. Lại nữa, do hạnh nghiệp gì mà được ngàn tia sáng? Vì ở thế gian, có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói hai chiều, không nói lời thô ác, không nói dối, không nói thêu dệt, không tham lam, không sân hận và không có tà kiến, do nhân duyên này nên có tâm lành hoan hỷ. Ví như ở ngã tư đường có ao tắm lớn, trong sạch không dơ bẩn, có người từ phương xa đến, đang nóng khát mệt lả, vào ao này tắm gội mát mẻ nên cảm thấy vui vẻ, sảng khoái. Người tu mười hạnh lành với tâm lành hoan hỷ cũng như thế. Sau khi qua đời, người ấy được làm Nguyệt thiên tử ở cung điện mặt trăng có ngàn tia sáng, vì nhân

duyên ấy nên nói do nghiệp lành mà được ngàn tia sáng.

30. KINH THÊ KÝ 1007

[0147b01] Lại nữa, vì nhân duyên gì mà được ngàn tia sáng? Vì ở thế gian có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu, do nhân duyên này nên khởi tâm lành hoan hỷ. Sau khi qua đời, người ấy được làm Nguyệt thiên tử ở cung điện mặt trăng có ngàn tia sáng, vì nhân duyên ấy nên nói do nghiệp lành mà có ngàn tia sáng. Một la-da bao gồm sáu mươi sát-na, ba mươi la-da gọi là ma-hầu-đa, một trăm ma-hầu-đa thì gọi là ưu-bà-ma. Nếu cung điện mặt trời sáu tháng di chuyển về hướng Nam, mỗi ngày di chuyển ba mươi dặm về phía cực Nam nhưng không vượt quá Diêm-phù-đề thì lúc đó, cung điện mặt trăng nửa năm di chuyển về hướng Nam nhưng không vượt quá Diêm-phù-đề. Khi mặt trăng di chuyển về hướng Bắc cũng như thế. Vì nguyên nhân gì mà cung điện mặt trăng khuyết dần? Có ba nguyên nhân khiên cho mặt trăng khuyêt dân: Một là, mặt trăng mọc chênh một phía, đó là nguyên nhân thứ nhất khiến cho mặt trăng bị khuyết. Lại nữa, trong cung điện mặt trăng có những đại thân mặc y phục xanh, theo thứ tự đi lên, hễ họ dừng lại chỗ nào thì chỗ đó biến thành màu xanh, cho nên mặt trăng khuyết, đó là nguyên nhân thứ hai khiến cho mặt trăng càng ngày càng khuyết. Lại nữa, cung điện mặt trời có sáu mươi tia sáng, chiếu đến cung điện mặt trăng, do phản chiếu ánh sáng nên ánh sáng mặt trăng không hiện. Do đó, nơi bi phản chiếu ánh sáng thì mặt trăng khuyết, đó ỉa nguyên nhân thứ ba khiến cho mặt trăng khuyết. Vì nguyên nhân gì mà ánh sáng mặt trăng tròn dần? Có ba nguyên nhân khiến cho ánh sáng mặt trăng tròn dần. Ba nguyên nhân đó là gì? Một là, mặt trăng mọc chính hướng cho nên ánh sáng mặt trăng tròn đầy. Hai là, trong cung điện mặt trăng, vào ngày rằm, các vị thần đều mặc y phục màu xanh, Nguyệt thiên tò ngồi ở giữa hư không rồi cùng nhau vui chơi, ánh sáng chiêu khắp nơi, lân át ánh sáng của các vị trời khác, cho nên ánh sáng mặt trăng tròn đầy và soi sáng khắp nơi. Cũng như trong các loại đèn đuốc thì ánh sáng của ngọn đuôc lớn sẽ lân át ánh sáng của những đèn đuôc kia. Anh sáng của Nguyệt thiên tử cũng như thê. Vào ngày răm, vi ây ngôi giữa chúng trời, ánh sáng của vị ấy lấn át các ánh sáng khác, chỉ có ánh sáng của vị ấy chiếu sáng duy nhất, đó là nguyên nhân thứ hai. Ba là, tuy Nhật thiên tử có sáu mươi tia sáng chiếu vào cung điện mặt trăng nhưng vào ngày rằm, Nguyệt thiên tử dùng ánh sáng của mình chiếu ngược lại, khiến cho mặt trăng không bị che khuất, đó là nguyên nhân thứ ba khiến cho mặt trăng tròn đầy, không có khuyết giảm.

1008 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Vì nhân duyên gì mặt trăng có bóng đen? Vì có bóng cây Diêm-phù131 ở trong mặt trăng cho nên mặt trăng có bóng đen. Đức Phật dạy Tỳ-kheo: -Tâm của các thầy phải như ánh trăng, trong mát không nóng bức, khi đến nhà đàn-việt thì phải nhất tâm, không tán loạn. Lại do nguyên nhân gì mà thê gian này có các sông ngòi? Do vì mặt trăng và mặt trời có sức nóng, do sức nóng phát ra lửa, do lửa mà có nước rỉ ra, do có nước rỉ ra nên hình thành sông ngòi, do vậy, trong thế gian có những sông ngòi. Do nhân duyên gì mà thế gian có năm loại hạt? Do có cơn gió lốc lớn từ một thế giới không

tan hoại khác thổi những loại hạt ấy đến với cõi này: Một là hạt sanh từ rễ, hai là hạt sanh từ thân cây, ba là hạt sanh từ mắt cây, bốn là hạt sanh từ lỗ hổng của cây và năm là hạt sanh từ hạt cây, vì nhân duyên này nên thế gian có năm loại hạt. [0147c06] Lại nữa, lúc mặt trời đang ở giữa trưa trong cõi Diêm-phù-đề thì mặt trời đang lặn; khi mặt trời mới mọc ở châu Câu-da-niB3 ở cõi Phất-vu-đãi132133 thì ở châu uất-đan-việt134 đã là nửa đêm; khi mặt trời ở châu Câu-da-ni vào buổi trưa thì ở châu Diêm-phù-đê mặt trời lặn; khi mặt trời mới mọc ở châu Uât-đan- việt thì ở châu Phất-vu-đãi đã là nửa đêm; khi mặt trời ở châu Uất-đan-việt vào giữa trưa thì ở châu Câu-da-ni mặt trời đang lặn; khi mặt trời mới mọc ở châu Phất-vu-đãi thì ở châu Diêm-phù-đề là đã nửa đêm; khi mặt trời ở châu Phất- vu-đãi vào giữa trưa thì ở châu Uât-đan-việt mặt trời đang lặn; khi mặt trời mới mọc ở châu Diêm-phù-đề thì ở châu Câu-da-ni đã là nửa đêm. Châu Diem-phù-đề ở hướng Đông thì châu Phất-vu-đãi ở hướng Tây; châu Diêm-phù-đề ở hướng Tây thì châu Câu-da-ni ở hướng Đông; châu Câu-da-ni ở hướng Tây thì châu uất-đan-việt ở hướng Đông; châu uất-đan-việt ở hướng Tây thì châu Phất-vu-đãi ở hướng Đông. Sở dĩ châu Diêm-phù-đề được gọi là Diêm-phù, vì phía dưới có núi vàng cao ba mươi do-tuần,135136do cây Diêm-phù sanh ra nên được gọi là vàng Diêm- phù. Trái của cây Diêm-phù như tai nấm36 vi ngọt như mật. Cây này có năm góc lớn, bốn mặt có bốn góc và phía trên có một góc. Trái ở góc hướng Đông thì để cho càn-thát-bà ăn, còn trái ở góc hướng Nam dành cho dân chúng bảy nước ăn. Bảy nước là: Câu-lâu, Câu-la-bà, Tỳ-đề, Thiện-tỳ-đề, Mạn-dà, Bà-la

Nguyên tác: Diêm-phù thọ ,Jambu. Loài cây bản địa ở Ấn Độ và một vài nước Đông Nam Á, trai có thể ăn được, có tên khoa học là Eugenia Jambolana. 132 Tức Đông Thắng-thần châu ,một trong tứ đại châu nằm về phía Đông của núi Tud lí. 133 Tức Tây Ngiru-hóa châu . 134 Tức Bắc Câu-lô châu ,nơi cực Bắc của tứ đại châu . 135 Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: 20 do-tuần. 136 Nguyên tác: Tẩm .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Đan như cái giỏ tre.

và Bà-lê. Trái ở góc hướng Tây dành cho các loài côn trùng ở biển ăn. Trái ở góc hướng Bắc dành cho các loài cầm thú ăn. Trái ở góc phía trên dành cho các vị thiên thần trong cõi trăng, sao ăn. Bảy nước lớn phía Bắc có bảy ngọn núi đen lớn: Một là núi Khỏa, hai là núi Bạch Hộc, ba là núi Thủ Cung, bốn là núi Tiên, năm là núi Cao, sáu là núi Thiền và bảy là núi Thổ. Trên đỉnh bảy ngọn núi đen này có bảy vị tiên thuộc dòng Bà-la-môn. Đây là nơi ở của bảy vị tiên: Thiện Bế, Thiện Quang, Thủ Cung, Tiên Nhơn, Hộ Cung, Già-na-na và Tăng ích. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Thuở thế giới mới hình thành,137138 sau khi nếm vị đất thì chúng sanh tồn tại ở thế gian một thời gian lâu dài. Trong số đó, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc trở nên thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc còn tươi đẹp. Sau đó, chúng sanh mới thấy có sự sai biệt về nhan sắc, dung mạo đẹp, xấu, nên tranh luận phải, trái. Họ nói: "Ta hơn ngươi, ngươi không bằng ta." Vì tâm họ phân biệt nên luôn ôm lòng cạnh tranh với nhau, từ đó, vi của đất tiêu mất dần. Sau đó, lại sanh ra một lớp vỏ đất, giống như cái bánh mỏng, màu đẹp, vị thơm và tinh khiết. Bây giờ, chúng sanh tụ tập lại một nơi, buôn râu rơi lệ, đâm ngực than răng:

uKhổ thay! Đây là tai họa. Nay vi của đất bỗng nhiên biến mất.” Cũng như ngày nay, khi con người được ăn đầy đủ vi ngon thì họ khen là ngon tuyệt nhưng về sau, thức ăn ngon ây mát đi thì họ rát buôn khô. Những chúng sanh kia cũng buồn rầu, hối tiếc giống như thế. Sau đó, họ tiếp tục ăn lớp vỏ đát roi dân dân quen mùi vị, những ai ăn nhiêu thì nhan sắc trở nên thô xấu, những người ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Từ đó, chúng sanh mới thấy có sự sai biệt nhan sắc, dung mạo đẹp xấu, tranh luận với nhau về phải, trái, nói rằng: "Ta hơn ngươi, ngươi không bằng ta." Vì tâm phân biệt nên ôm lòng cạnh tranh với nhau, thế nên lớp vỏ đất dần dần tiêu mất. [0148all] về sau, đất lại sanh ra một lớp vỏ đất,138 càng lúc càng dày thêm, màu sác như hoa trời, mem mại như áo trời, vị ngọt như mật. Khi ây, những chúng sanh lại cùng nhau lây ăn và sông ở thê giới này một thời gian dài. Trong số đó, những người ăn nhiều thì nhan sắc trở nên thô xấu, những người ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Do đó, chúng sanh mới thấy có sự sai biệt về nhan sac, dung mạo đẹp, xâu, tranh luận với nhau vê phải, trái, nói răng: "Ta hơn ngươi, ngươi không bằng ta.” Vì tâm của họ còn phân biệt, ôm lòng cạnh tranh với nhau nên lớp vỏ đất dần dần biến mất.

137 Nguyên tác: Kiếp sơ ,Aggañña, thời kỳ nguyên thủy. 138 Nguyên tác: Địa phu
.

1010 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Sau đó, lại có một loại lúa tẻ, mọc tự nhiên, không có cám, trấu, không cần thêm gì cả mà vẫn đầy đủ các vi ngon. Khi đó, chúng sanh nhóm họp một chỗ và nói: "Khổ thay, đây là tai họa! Ngày nay, lớp vỏ đất bỗng nhiên biến mất.,, Cũng như ngày nay, khi con n^ười gặp tai nạn thì liền nói: "Khổ thay!" Bấy giờ, những chúng sanh kia buồn râu, khổ não cũng lại như thế. về sau, những chúng sanh ấy cùng nhau lấy lúa tẻ mà ăn, nên thân hình của họ trở nên thô xấu và có hình dáng nam, nữ sai khác. Họ nhìn ngắm nhau rồi từ đó sanh tâm ái dục, rồi cùng nhau đến nơi vắng vẻ làm điều bất tịnh. Những chúng sanh khác nhìn thấy và nói: "Than ôi! Đây là việc sai trái! Tại sao những chúng sanh này cùng nhau làm những điều như thế?" Những người nam làm việc bất tịnh ấy, thấy người khác quở trách liền tự ăn năn và nói: "T6i đã làm điêu sai quay5\ liên gieo mình xuồng đát. Những người nữ thây người đàn ông này gieo mình xuống đất, ăn năn không đứng dậy, họ liền đem thức ăn đến cho người nam kia. Những người khác trông thấy mới hỏi người nữ: "Ngươi muốn đem thức ăn này cho ai?" Người nữ đáp: "Người nam kia, vì ăn năn với những chúng sanh khác về hành động bất thiện của mình, do vậy nên tôi đem thức ăn này cho ông ta." Nhân lời nói này nên trong thế gian mới có danh từ người chồng bất thiện và do hành động đem cơm đến cho chồng nên mới có danh từ người vợ. [0148b01] Vê sau, chúng sanh đam mê dâm dục nên pháp bát thiện gia tăng, vì muốn che giấu pháp bất thiện nên tạo ra phòng ốc, do nhân duyên ấy mới có danh từ nhà cửa. Vê sau, sự dâm dục của chúng sanh càng gia tăng nên thành ra chồng vợ. Có những chúng sanh khác hoặc mạng hết, hoặc nghiệp hết, hoặc phước hết nên mạng chung ở cõi trời Quang Âm roi thác sanh về thế gian này và ở trong thai mẹ, nhân đó thế gian mới có danh từ thọ thai.139 Bấy giờ, traớc tiên họ xây thành Chiêm-bà,140 sau đó xây thành Già-thi,141 Ba-la-nại,142 tiếp theo xây thành Vương Xá.

Khi mặt trời mọc thì khởi công xây cất, đến lúc mặt trời mọc hôm sau là hoàn thành. Do nhân duyên này, thế gian mới có danh từ thành, quách, quận, ấp, là nơi vua ngự trị. Khi chúng sanh mới ăn loại lúa gạo tự nhiên thì sáng lấy chiều chín, tối nay lấy sáng mai chín, sau khi lấy xong thì sanh trở lại, không có trấu, cám. Lúc đó, có chúng sanh tự nghĩ: “Nếu mỗi ngày phải đi lấy thì nhọc công quá, nay ta nên lấy để dùng nhiều ngay?5 Tức thi, họ cùng gặt hái lương thực để dự trữ cho vài ngày sau. Những người sau nói với những người này: "Hôm nay, chúng ta hãy cùng nhau đi lấy lúa gạo.”

139 Nguyên tác: Xử thai ,gabbà.

140 ChiOm-ba ,Campā.

141 Già-thi Kāsi.

142 Ba-la-nại ,Bārānasī.

30. KINH THẾ KÝ 1011

Người đó đáp "Tôi đã lấy dự trữ trước rồi nên không cần đi lấy nữa. Nếu ngươi muốn đi lấy thì tùy ý di lấy." Bấy giờ, những người sau tự nghĩ: "Người trước đã lấy lúa gạo để dành ăn trong hai ngày, sao ta không lấy lúa gạo để dành ăn ba ngSy?" Những người này liền lấy lúa gạo dự trữ ba ngày. Ke tiêp, có người khác nói: "Chúng ta hãy cùng nhau đi lấy lương thực v8." Người này đáp: "Tôi đã lấy lúa gạo dự trữ ba ngày. Nếu ngươi muốn lấy thì tùy ý mà lấy.” Thế rồi, nguôi đó tự nghĩ: "Người trước đã lấy lúa gạo dự trữ ba ngày. Sao ta lại không lây lương thực dự trữ năm ngay?" Tức thì, họ lấy lúa gạo dự trữ năm ngày. Khi ấy, vì chúng sanh tranh nhau tích trữ lương thực, cho nên lúa tẻ mới sanh ra vỏ trấu, rồi không sanh nữa và cỏ lác xuất hiện. Lúc đó, chúng sanh tập hợp lại một chỗ, buồn rầu5 khổ não, đấm ngực than rằng: "Khổ thay, đây là tai hẹ)a1" Rồi tự trách: "Chúng ta trước đây đều do hóa sanh, dùng niệm lực làm thức ăn, thân the tự phát ra ánh sáng, có thần túc bay trên hư không, an lạc, vô ngại. Rồi sau đó, vị đất mới sanh, đầy đủ màu sắc, hương vị. Chúng ta ăn vi đất này và sống ở thế gian này một thời gian dài. Thế rồi, những người ăn nhiều thì nhan sắc dần dần thô xấu. Những người ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Lúc đó, chúng ta ôm lòng phân biệt, sanh tâm kiêu mạn và nói: 'Nhan sắc ta đẹp hơn ngươi, nhan sắc nguôi không bằng ta.' Do vì tranh cãi về nhan săc rồi có tâm kiêu mạn nên vị đát biến mất, sanh ra lớp vỏ đát, đây đủ hương vị và màu sác. Thê roi, chúng ta cùng nhau lây ăn và sông ở thế gian này khá lâu. Trong số đó, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc trở nên thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Lúc đó, chúng ta vì có tâm phân biệt, sanh tâm kiêu mạn và nói: 'Ta nhan sắc hơn ngươi, nhan sắc ngươi không bằng ta/ Vì kiêu mạn, tranh hơn kém nhau về nhan sắc nên lớp vỏ đất biến mất, sanh ra lớp vỏ đất khác, dàn dần dày hơn, đầy đủ hương vị5 màu sác. Chúng ta dùng lớp vỏ đát này làm thức ăn, roi sông một thời gian dài. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở nên thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Lúc đó, chúng ta có tâm phân biệt, sanh lòng kiêu mạn và nói: 'Nhan sắc của ta đẹp, nhan sắc của ngươi không bằng/ Vì có sự tranh nhau hơn thua về nhan sắc, có tâm kiêu mạn nên lớp vỏ đất biến mất, lúa tẻ tự nhiên sanh ra, đay đủ màu sắc, hương vi. Chúng ta lại cùng lay thứ đó mà ăn, 9 r e 5 L . 9 e * r 9 • e

buôi sáng gặt lây thì chiêu tôi chín, buôi tôi gặt lây thì sáng mai chín, gặt xong thì sanh ra lại, không cần thu giữ. Bấy giờ, vì chúng ta cạnh tranh, tích trữ nên lúa tẻ sanh trấu, cám, gặt xong không sanh lại như trước mà chỉ sanh cỏ lác. Hôm nay, chúng ta nên phân chia ruộng đất, nhà cửa, phân chia ranh giới, bờ c6i."

1012 * KINH TRƯỜNG A-HÀM

[0148C12] Tức thì, họ phân chia ruộng đất, vạch ranh giới, bờ cõi khác nhau, phân biệt ucủa ta”"của người." Sau đó, mọi người tự cát giâu lúa gạo của mình rồi trộm lúa ruộng của người khác. Những chúng sanh khác thấy, nên nói: "Ngươi làm điêu quây, ngươi làm điêu quây! Tại sao lại cát giâu tài vật của mình mà đi lấy tài vật của người?,, Rồi quở trách: “Từ đây về sau, ngươi không được lây trộm nữa." Nhưng họ vân tiêp tục như thê, không từ bỏ, lại tiêp tục trộm cắp. Những người khác trách rằng: "Ngươi làm sai, tại sao không từ b6?” Tức thì, họ dùng tay, dùng gậy đánh đập người này và kéo đến giữa đám đông rồi tuyên bố với mọi người: "Người này tự giau lúa gạo của mình rồi đi trộm lúa gạo của người khác." Kẻ trộm lại nói: "Người kia đánh tôi.,, Lúc ấy, * e • 5 5 r y r \ Āj

mọi người nghe xong, buôn râu rơi lệ, đâm ngực nói răng: "The gian dân dân trở nên xấu ác nên đã sanh ra pháp ác này chng?" Nhân đó mà sanh lòng buồn khô và két thành quả báo khô não, đây là nguôn góc của sanh, già, bệnh, chét, là nguyên nhân rơi vào đường dữ. Vì do có ruộng đất, nhà cửa, ranh giới, bờ cõi khác nhau nên sanh ra tranh chấp, kiện tụng, thậm chí đưa đến oán thù, không ai có thể giải quyết được. Vậy ngày nay, chúng ta nên cử một vị giữ gìn lẽ công bằng,143 khéo ủng hộ dân chúng, thưởng người thiện, phạt người ác. Chúng ta sẽ giảm bớt tài sản của mình đê cung cáp cho vi đó. Lúc đó, trong chúng có một người hình vóc to lớn, dung mạo đoan chánh, rát có oai đức. Mọi người nói: "Chúng tôi muôn tôn ngài lên làm nhân chủ. Xin hãy khéo ủng hộ dân chúng, nên thưởng người thiện, phạt kẻ ác, chúng tôi sẽ giảm bớt tài sản để cung cấp cho ngai!^ Người ấy nghe xong, liền chấp nhận lên ngôi nhân chủ, đối với người đáng thưởng thì thưởng, người đáng phạt thì phạt, từ đó mới có danh từ vua của dân. Vị vua của dân đầu tiên có con tên là Trân Bảo, Trân Bảo có con tên là Hảo Vị, Hảo Vị có con tên là Tinh Trai, Tịnh Trai có con tên Đảnh Sanh, Đảnh Sanh cổ con tên Thiện Hạnh, Thiện Hạnh có con tên là Trạch Hạnh, Trạch Hạnh có con tên là Diệu Vị, Diệu Vị có con tên là Vi Đe, Vị Đe có con tên Thủy144 Tiên, Thủy Tiên có con tên là Bách Trí, Bách Trí có con tên là Thị Dục? Thị Dục có con tên là Thiện Dục, Thiện Dục có con tên Đoạn Kết, Đoạn Kết có con tên là Đại Đoạn Két, Đại Đoạn Kết có con tên là Bảo Tạng, Bảo Tạng có con tên là Đại Bảo Tạng, Đại Bảo Tạng có con tên Thiện Kiến, Thiện Kiến có con tên là Đại Thiện Kiến, Đại Thiện Kiến có con tên là Vô Ưu, Vô Ưu có con tên là Châu Chử, Châu Chử có con tên là Thực145 Sanh, Thực Sanh có con ten là Sơn Nhạc, Sơn Nhạc có con tên là Thần Thiên, Thần Thiên có con tên Khiển146 Lực,

143 Nguyên tác: Bình đẳng chủ . 144 Nguyên tác: Thủy .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Ngoại . 145 Nguyên tác: Thực .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Thực . 146 Nguyên tác: Khiển .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Tấn .

Khiển Lực có con tên là Lao147 Xa, Lao Xa có con tên là Thập Xa, Thập Xa có con tên là Bách Xa, Bách Xa có con tên là Lao Cung, Lao Cung có con tên là Bách Cung, Bách Cung có con tên là Dưỡng Mục148 và Dưỡng Mục có con tên là Thiện Tư. [0149al6] Từ Thiện Tư về sau, có mười dòng Chuyển Luân Thánh Vương tiếp tục lên ngôi không gián đoạn: Một là Già-nậu-thô,149 hai là Đa-la-bà,150 ba là A-diệp-ma, bốn là Trì Thí,151 năm là Già-lăng-già,152 sáu là Chiêm-bà, bảy là Câu-la-bà?153 tám là Bán-xà-la, chín là Di-tư-la và mười là Thanh154-ma. Vua Già-nậu-thô có năm vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Đa-la-bà có năm vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua A-diệp-ma có bảy vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Trì Địa có bảy vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Già-lăng-già có chín vị Chuyên Luân Thánh Vương. Vua Chiêm-bà có mười bôn vị Chuyên Luân Thánh Vương. Vua Câu-la-bà có ba mươi mốt vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Bán-xà-la có ba mươi hai vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Di-tư-la có tám mươi bốn ngàn vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Thanh-ma có một trăm lẻ một vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua cuối cùng là Đại Thiện Sanh.155 Vua Thanh-ma có thái tử tên là O-la-bà. Ô-la-bà có con tên là Cừ-la-bà. Cừ- la-bà có con tên là Ni-cầu-la. Ni-cầu-la có con tên là Sư Tử Giáp. Sư Tử Giáp có con tên là Bạch Tịnh.15^ Bạch Tịnh có con tên là Bồ-tát.157 Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Do nguồn gốc này nên có danh từ Sát-lợi. [0149b03] Bấy giờ, có một chúng sanh tự nghĩ: “Tất cả vạn vật, tài sản, nhà cửa thuộc phạm vi thế gian đều là gai nhọn, là ung nhọt. Nay ta nên xả bỏ, vào núi tu hành, ở chỗ thanh vắng suy tư." Tức thì, người đó từ bỏ gia đình vào núi tu hành, ở nơi thanh tịnh, ngồi suy tư dưới gốc cây, mỗi ngày ra khỏi núi để vào xóm khất thực. Người trong thôn xóm trông thấy, cung kính cúng dường và mọi người đều tán thán: "Người này có the bỏ sự trói buộc nhà cửa vào núi cầu đạo, nhờ đó mà có thể xa lìa những điều ác, bất thiên", do vậy nên có danh xưng Bà-la-môn.

147 Nguyên tác: Lao .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Lao . 148 Nguyên tác: Mục .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Thâu . 149 Nguyên tác: Thô M. Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Gi. 150 Nguyên tác: Bà .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Nghiệp . 151 Nguyên tác: Thí .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Địa . 152 Nguyên tác: Lăng-già .Bản Nguyên, Minh ghi: Chi thuật .Bản Tống ghi: Kỹ thuật RW 2 153 Nguyên tác: La-bà .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: SabS . 154 Nguyên tác: Thanh .Bản Tống, Minh ghi: Ý . 155 Nguyên tác: Đại thiện sanh tùng .Theo Thích-caphổ 7150. 2040.1. 0002Ồ24 thì chữ "tùng"ở kinh này có khả năng ghi nhầm. 156 Nguyên tác: Bạch Tịnh vương ,hoặc dịch là Tịnh Phạn vương Suddhodāna: Vua nước Ca-tỳ-la-vệ Kapilavatthu, phụ vương của Thái tử Tất-đạt-đa. 157 Danh xưng tôn kính chỉ cho đức Phật Thích-ca Mâu-ni khi còn ở ngôi vi thái tử.

1014 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Thế rồi, trong chúng Bà-la-môn có ngườd không thể tu hành thiền đinh liền ra khỏi núi rừng, đi vào trong nhân gian và nói: "Ta không thể tu thiền." Do đó gọi là vị Bà-la-môn không tu thiền định. Thế rồi, họ đi qua xóm làng làm những điều bất thiện, thực hành

các pháp ác, do tướng này sanh nên có danh từ độc ác, do nhân duyên này nên trong thế gian có chủng tánh Bà-la-môn. Trong chúng sanh đó có người làm nhiều nghề nghiệp để tự sinh sống, do đó ở trong thế gian có chủng tánh Tỳ-xá.158 Trong sô chúng sanh ây, có người học tập các ngành nghê đê sinh sông, do vậy trong thế gian có chủng tánh Thủ-đà-la. Trong thế gian, trước hết là có dòng họ Thích ra đời, sau đó là dòng Bà-la- môn. Trong dòng Sát-đế-lợi có người nghĩ: "An ái thế gian là ô uế, là bất tịnh, có đáng gì để tham đắm?" Lúc đó, họ từ bỏ gia dinh, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, cầu đạo và tự xưng: "Ta là Sa-môn, ta là Sa-mon.^ Trong dòng Bà-la- môn, Tỳ-xá ya Thủ-đà-la có người tự nghĩ: "An ái thế gian là ô uế, là bất tinh, có đáng gì để tham đắm", rồi họ từ bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, cầu đạo và tự xưng: "Ta là Sa-môn? ta là Sa-mờn." Thê rôi? nêu trong dòng Sát-đê-lợi có người thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác, sau khi làm điêu ác roi, thân hoại mạng chung, nhát định phải chịu khổ. Hoặc có Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la thân làm việc ác, miệng nói lời ác. ý nghĩ điều ác. sau khi làm điều ác rồi, thân hoại mạng chung nhất dinhphai chịuIdio. ' ' s g

Trong dòng Sát-đế-lợi, có người thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, sau khi thân hoại mạng chung nhất định hưởng quả báo vui. Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá, thủ-đà-la có người thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, sau khi thân hoại mạng chung nhất định hưởng quả báo vui. Hoặc trong dòng Sát-đế-lợi9 có người mà thân, miệng và ý tạo hai nghiệp vừa thiện vừa ác, sau khi tạo hai nghiệp vừa thiện vừa ác rồi, thân hoại mạng chung nhất đinh chịu quả báo vừa khổ vừa vui. Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la có người mà thân, miệng và ý tạo hai nghiệp vừa thiện vừa ác, sau khi tạo hai nghiệp vừa thiện vừa ác rồi, thân hoại mạng chung nhất đinh chiu quả báo vừa kho vừa vui. [0l49c05] Trong dòng Sát-đế-lợi9 có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo và thực hành thất giác ý. Với lòng tin kiên cố, người ấy chọn con đường xuất gia, tu tập Phạm hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại: Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.

158 Xem chú thích 7, kinh số 5, tr. 602.

Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá và Thủ-đà-la cũng có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia câu đạo và tu tập thát giác ý. Với lòng tin kiên cô, người ấy chọn con đường xuất gia, tu tập Phạm hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại: Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa. Như vậy, người trong bốn chủng tánh đều có thể thành tựu trí và đức, chứng quả A-la-hán, là bậc Đệ nhất. Khi ấy, Phạm thiên nói bài kệ: Bậc nhất, dòng Sát-lợi, Tập hợp nhiều chủng tánh, Tròn đầy Minh và Hạnh, Tối thắng giữa trời, người.159 Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: e r r •>

Vị Phạm thiên này, nói bài kệ rát hay, đáng được chập nhận, chứ chăng phải không đáng chấp nhận, Như Lai ấn khả. Vì sao như vậy? Vì Ta là đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng

Chánh Giác, cũng nói bài kệ này: Bậc nhất, dòng Sát-lợi, Tập hợp nhiều chủng tánh, Tròn đày Minh và Hạnh, Tối thắng giữa trời, người. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật nói pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.

BỘ TRƯỜNG A-HÀM HOÀN TẤT

Kính lễ Nhất Thiết Trí,
Mong hết thảy an vui,
Chúng sanh nương giải thoát,
Con cũng theo nguyện này.160

159 Bài kệ này còn được nhiều bản kinh ghi nhận với một vài khác biệt về chi tiết. Tham chiếu: D. 27; DÃ. 5; DẢ. 20; MĀ. 154; SĀ. 1190. 160 Bản Hán, hết quyển 22.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.